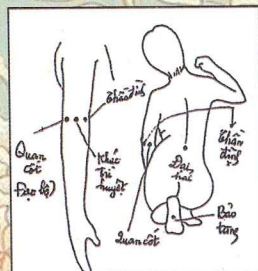
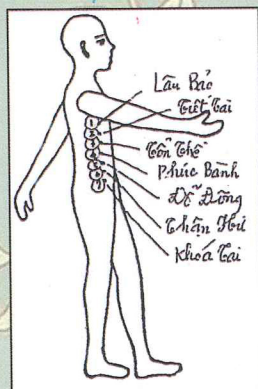
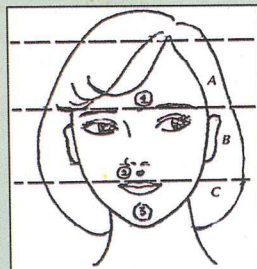


TINH HOA CỔ HỌC TRUYỀN THỐNG

DIỆN TƯỚNG ẢNH TƯỚNG



Ngũ quan - Nhân dạng - Nốt ruồi

join here > https://t.me/taillieu_trader

Lời nói đầu

Trong lịch sử phát triển của loài người, bộ môn nhân tướng học của Đông - Tây kim cổ đã có lịch sử vài ngàn năm. Từ cổ xưa, con người đã biết xem diện mạo, hình dáng âm thanh, giọng nói, tiếng cười, cử chỉ, hành vi, đi, đứng, nằm ngồi, tác phong để dự báo năng lực, khí chất, tính tình, và vận dụng nó vào công việc sự nghiệp con người.

Trong dân gian từng lưu truyền: "Nhân hiện tại mạo" hay "Trông mặt mà bắt hình dong" hoặc câu "Chim khôn thử tiếng, người ngoan thử lời"....

Tướng mạo thực chất là môn học về tâm lý, xưa nay được dùng để dự đoán tính cách hành vi của con người. Trước đây, mọi người thường có ý nghĩ sai lầm về môn tâm lý này, bởi bản thân "môn tướng mạo" mới chỉ dừng ở mức kinh nghiệm, chưa giải quyết được những vấn đề bức xúc nhất của con người. Một khi nhu cầu xã hội chưa thực sự xuất hiện, một khi mọi người chưa có nhu cầu bức thiết tìm hiểu tính cách tâm lý của người khác, nhận thức cũ của con người về vấn đề thông qua hình thức của khuôn mặt, dáng vẻ để dự đoán tính cách, tâm lý, cuộc đời

của con người không thay đổi, bản thân “môn tâm lý xem tướng mạo” không thể trở thành công cụ của loài người. Nó có thể chỉ là sách tham khảo, thậm chí một thời bị lên án là tiêu cực.

Tuy nhiên, hiện nay ý nghĩa tích cực của việc dự báo về năng lực con người đã bộc lộ rõ nét. Quan trọng nhất, nó giúp chúng ta sống đúng đắn, chọn nghề phù hợp sở trường, chọn bạn làm ăn tương đồng, chọn trợ lý hợp tác đúng với ý muốn. Nếu biết vận dụng đúng, có thể tránh đi đường vòng, tránh sai lầm khi tuyển người, dùng người từ đó giảm thiểu những thiệt hại về vật chất và tinh thần không đáng có.

Nội dung của cuốn sách này sẽ giúp bạn tham khảo để đi đúng con đường mà mình phải đi, mang lại lợi ích về tình cảm, tâm lý, tiền của và cả sự nhìn nhận đánh giá con người. Cũng cần biết rằng, mọi đánh giá, nhận xét trong cuốn sách này không mang tính khẳng định tất yếu, bởi cuộc đời con người còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác.

Các tác giả

Đôi điều về nhân tướng

Không chỉ xuất hiện ở nền văn minh Tây Á, môn học về nhân tướng cũng có cội nguồn từ Trung Hoa. Vào đời Nam, Bắc triều, Đào Hoàng Cảnh đã công bố cuốn sách "*Tướng kinh*", về sau lại có những cuốn "*Mã y tướng pháp*". Viên Liễu Trang thời Minh với "*Liễu Trang thủy Kinh*"; "*Vương thị phong giám*"; "*Tướng lý hành chân*", là những tác phẩm giới thiệu khá kĩ về nhân tướng học. Nhân tướng là một môn học rất phức tạp, liên quan tới toàn bộ cấu trúc hình thể tâm sinh lý tính cách của một con người. Ngày nay, dưới ánh sáng của khoa học như các ngành: Di truyền học, sinh vật học phân tử, y học, tâm lý học và cận tâm lý học hiện đại đã dần làm sáng tỏ, tạo căn cứ khoa học về môn nhân tướng học. Dưới đây, chúng tôi sơ lược giới thiệu một số lĩnh vực về bộ môn nhân tướng học của các nền văn minh nhân loại xưa và nay để độc giả chiêm nghiệm "cái tinh hoa thì tích tụ, cái dị đoan thì tiêu tán".

Trước hết, nhìn vào khuôn mặt con người, cái bắt gặp đầu tiên là đôi mắt, ánh mắt. Trong y học, mắt là nơi phản chiếu năm tạng (Tâm, Thận, Gan, Tỳ, Phế). Mắt phản ánh trung thành trạng thái tâm tư tình cảm, tâm lý, sinh lý, bệnh lý con người. Nhìn vào mắt, nhà y học có thể đoán được tình trạng sức khỏe, tình cảm và các cơn bệnh có hay không có

hoặc đang ủ bệnh hay diễn ra ở một tạng nào đó trong cơ thể. Một số nhà y học Nga đã quan sát con cú mèo nhận thấy. Bình thường mắt nó rất tinh anh, không có dấu tích, nhưng khi bị què chân thì lập tức trên mắt nó có những tia máu đỏ xuất hiện. Khi vết thương được chữa lành, các vết tích về tia máu kia cũng mất theo. Điều đó cho thấy tất cả mọi cấu trúc hình thái của con người đều liên quan mật thiết với các bộ phận chức năng trong cơ thể. Tổng quát, cơ thể người được bao bọc bên ngoài bằng một lớp da. Da là một tổ chức tế bào xúc giác vừa có tác dụng bảo vệ các nội quan bên trong vừa có nhiệm vụ thu nhận năng lượng, thông tin từ Vũ trụ đến với con người. Đọc được các "mặt mã" phản ứng trên da nghĩa là con người đã khám phá ra những gì đã và đang hoặc sắp xảy ra đối với cơ thể. Bởi vậy, ngay từ thời xa xưa, các Vương triều phong kiến Trung Hoa, Ấn Độ, các y gia lý số đều căn cứ vào cấu trúc ngoại hình của con người để họ phân chia các dạng người theo tâm sinh lý, tính cách, tính cảm. Chẳng hạn, ở thời Đông Chu đã chia khuôn mặt người thành 13 bộ vị; thời Hán chia thành 120 bộ vị; thời Đường, Tống 130 bộ vị; đời Minh - Thanh 140 bộ vị. Và có những y gia còn chia khuôn mặt thành 360 bộ vị ứng với 365 ngày trong năm có 4 mùa: Xuân - Hạ - Thu - Đông để luận bàn tính cách và bệnh thời khí. Y học cổ truyền dựa vào cấu trúc hình thể, màu da, khí sắc (sáng sủa hay u ám, bóng láng, tươi nhuận hay sần sùi, xạm đen hay nâu đỏ, xanh hay xạm vàng.... để chẩn đoán bệnh tật phi lâm sàng. Chẳng hạn, nhìn vào đôi tai, người thầy thuốc có thể hiểu được quá khứ cấu trúc hình hài thai nhi của người đó và có

những khuyết tật trên con người. Nhìn vào khuôn mặt (theo phương pháp đồ hình phản chiếu) thấy được toàn bộ cấu trúc cơ thể (từ tứ chi đến các cơ quan não bộ, tuần hoàn, hô hấp, bài tiết, sinh dục...). Nhìn vào một người có nước da vàng và tại vùng gan, da có tàn nhang mụn ruồi (đen hay đỏ) hoặc tia máu là gan có bệnh. Và tương tự cũng như thế ở vùng dạ dày, nếu một người ở chân mày bên phải có tàn nhang thì cánh tay bên phải báo hiệu có bệnh, hoặc ở nhân trung phía phải có tàn nhang tất yếu là buồng trứng bên trái có bệnh. Người có cặp mắt mí trên hùm húp nặng như chì, lệ đường tím tái, da bủng, mặt nhợt nhạt như phù thũng có thể nghĩ ngay tới bệnh thận. Người mà môi thâm, da xanh xao tím tái đó là báo hiệu bệnh tim. Ở những phụ nữ lòng bàn tay có đường vân hình trái tim là dấu hiệu của bệnh tim. Những thiếu nữ ở độ tuổi dậy thì nếu phát sinh nhiều nốt ruồi nổi thường bị rối loạn tuyến nội tiết và có nguy cơ dẫn đến bệnh ung thư rối loạn tổ chức tế bào. Nhìn vào đôi mắt dờ dẩn, dài dại là biểu thị của trạng thái tâm thần. Hoặc mắt bị lồi là biểu hiện bệnh lý của bệnh Bazơdơ... Hoặc người xưa cho rằng người có mắt hình tam giác là thể hiện tính cách hung dữ; nếu mắt có nhiều tia máu ăn lan vào đồng tử (con người), lòng trắng có nhiều tia máu là dạng người chết yếu...Hoặc dạng người mắt lồi, có nhiều tia máu, lòng đen ít, lòng trắng nhiều, lại thêm tai lộ vành đảo luân quách là dạng bất nhân. Đó cũng là tướng người hiếu sát hay làm điều thất đức.

Ngay từ thế kỷ thứ XIX, nhà bác học Charles Darwin đã quan sát thấy rằng: Ở những con mèo có bộ lông trắng, mắt thường xanh, tai hay bị điếc; những

con chó đầu hói nhất định rằng bị thừa. Không có điều gì thần bí cả, những đặc điểm đó đều do cấu trúc của gen, tính đa gen hoặc đặc tính gen đa hiệu chi phối. Nhìn vào mỗi cặp vợ chồng có một vài gen nào đó quy định, các nhà y - sinh học có thể dựa vào đặc điểm ấy để dự báo về thế hệ con cái của họ sinh ra. Và có thể còn cho biết tâm sinh lý, cấu trúc sinh học của các thế hệ thuộc ông bà, cha mẹ họ trước đó nữa. Ở Nhật Bản, dựa vào bộ môn y học, sinh học di truyền hiện đại và nhân dạng học cổ truyền của các nước Đông phương, họ đã áp dụng vào đời sống thực tiễn rất thành công. Học sinh, sinh viên ở nhiều trường được hướng nghiệp ngay từ khi chọn nghề nghiệp (do biết được sở trường, sở đoản - qua phân tích tâm sinh lý, tính cách, nhân dạng...). Và trong tuyển chọn, đào tạo, dùng người, sao cho phù hợp với năng lực, vị trí công tác nhằm phát huy sở trường, hạn chế sở đoản của mỗi nhân sự là những bài học thực tiễn cao trong bộ máy Nhà nước.

Xã hội chúng ta đang bước vào giai đoạn lịch sử mới. Mỗi người cần làm giàu cho mình và cho đất nước. Những ai có khả năng làm giàu, đóng góp hiệu quả cho cơ quan, đơn vị, công ty mình công tác? Những ai có phẩm chất trở thành ông chủ doanh nghiệp, hay một trợ lý trung thành mẫn cán? Những ai có tố chất kĩ thuật, phát minh cải tiến, năng lực sáng tạo trong lao động? Những ai có phẩm chất của một người chồng trách nhiệm, một người vợ hiền lương? Những ai hứa hẹn trở thành một người bạn tin cậy? Những băn khoăn đó bạn đọc tự tìm thấy giải đáp khi tham khảo nội dung cuốn sách.

Phần thứ nhất

TRÔNG MẶT, BẮT HÌNH DONG

I

THUẬT NGỮ VỀ TƯỚNG MẠO

Hàm nghĩa các từ chuyên nói về tướng mạo rất rộng, có phần khác với cách hiểu bình thường của nhiều người. Thí dụ, từ “Phúc”, “Có phúc”, trong ngôn ngữ hiện đại chỉ “hạnh phúc” - vận may có triển vọng tốt đẹp, cũng có thể hiểu là “phú, quý, thọ, khang, ninh”. Những ý trên không đủ nghĩa trong lý luận tướng mạo của người xưa. Đối với một số từ, có khi chỉ có thể hiểu ý, nhưng không giải thích được hết ý. Vì vậy, chỉ có thể căn cứ vào kinh nghiệm để hiểu ý sâu xa của nó.

1. Chữ “Phúc”: Phúc đức

Vốn có nguồn gốc từ nội tâm, có nghĩa gốc là lòng độ lượng của con người. Nó chỉ đạo hành vi cử chỉ của con người đó, tạo ra mối quan hệ tốt đẹp

giữa con người với con người, được người khác giúp đỡ ủng hộ. Người có lòng độ lượng về mặt cuộc sống tinh thần, trạng thái vui vẻ, thân thể khỏe mạnh, cuộc đời bình an.

Về mặt chữ, chữ “phúc”: Bên trái là bộ “lễ”, hàm ý “giữ lễ”, biết tôn trọng mọi người; bên phải bộ “nhất”, bộ “khẩu”, bộ “điền”, hàm nghĩa có ruộng vườn đất đai.

2. Chữ “Lộc”:

Bổng lộc (cát tự) (dùng để đặt tên người, tên công ty, cửa hàng).

Ý chỉ bổng lộc, cụ thể là chỉ sự đãi ngộ vật chất do chức vụ, quyền lực, trách nhiệm mang đến. Nói chung, “lộc” còn chỉ tiền bạc “trời cho” không bỏ hoặc bỏ ít công sức mà có.

3. Chữ “thọ”: Sống lâu (cát tự)

Vốn chỉ sự lâu dài, được suy ra ý sinh mệnh kéo dài, gọi thông thường là “trường mệnh” (thọ). Người xưa 50 tuổi trở lên được coi là thọ, nay 70 tuổi trở lên mới được coi là thọ.

Bản thân ý nghĩa của từ cũng thay đổi theo thời gian, thời đại.

4. Chữ “Phú”: Giàu có

Tiền của nhiều gọi là giàu. Người có tướng giàu có thể do làm ăn gặp vận, có năng lực kinh doanh, nhưng không thể hiện họ có cuộc sống hạnh phúc hoặc tính cách cao thượng.

5. Chữ “Quý”: Sang trọng (cát tự)

Địa vị tôn quý là sang. Có địa vị trong cộng đồng, xã hội tức là có quyền lực, có danh tiếng được gọi là quý hiển. Nói đơn giản, những kẻ làm quan gọi là sang, nhân sỹ nổi tiếng danh gia cũng được gọi là sang.

6. Chữ “Trệ”: Đình trệ

Không lưu thông gọi là “trệ”. Con đường công danh, làm ăn của con người lúc lên lúc xuống, đến một giai đoạn nào đó khó tránh khỏi bị ngừng lại. Lúc đó nên giữ đầu óc tỉnh táo, bình tĩnh chờ qua cơn “bĩ cực” sẽ đến ngày “thái lai”.

7. Chữ “Thuận”: Thuận lợi (cát tự)

Mọi việc như ý, thuận lợi, trôi chảy, trót lọt, thuận buồm xuôi gió. Ai cũng mong vạn sự hanh thông, làm ăn thuận lợi. Khi đang lên, mọi việc thông thuận, nói đâu được đấy, làm gì cũng thành.

8. Chữ “Họa”: Tai vạ

Xảy ra sự kiện bất ngờ có ảnh hưởng xấu và lớn đến cuộc sống, sức khỏe, thân thể, sự nghiệp.

9. Chữ “Hung”: Dữ

Hàm không cát lợi. Trong tướng mạo học, chữ này lại có hàm nghĩa khác. Đó là xuất hiện tâm trạng khác thường trong một thời kỳ nào đó có thể dẫn đến bệnh tật, tai họa, hoặc phá sản. Các sự kiện bất ngờ xảy ra đều gọi là “hung”.

10. Chữ “tử”: Chết.

Chết bình thường gọi là “thiện chung”, chết bất ngờ gọi là “bạo tốt”. Người giỏi có thể phát hiện dấu hiệu “tử khí” trên khuôn mặt người khác trước một vài ngày có sự kiện nguy hiểm. Như vậy, nếu kịp thời phát hiện có thể tránh được tai họa.

11. Chữ “Khắc”: Khắc chế, mâu thuẫn đối kháng.

Chỉ mối quan hệ đối lập giữa bố mẹ và con cái, thầy và trò, cấp trên và cấp dưới, vợ và chồng, bạn bè... Do sự trái ngược về cá tính, ý kiến, tính tình, quan niệm gây ra.

12. Chữ “Trợ”: Giúp đỡ.

Tương hợp tức tương sinh, ủng hộ giúp đỡ người khác về vật chất, tinh thần. Chữ “trợ” có hàm nghĩa “giúp đỡ lẫn nhau”.

13. Chữ “sát”: Hãm, hung.

Dung mạo và khí sắc u ám, lông mày dựng đứng, mọc ngược quá rậm, ánh mắt hung dữ đều gọi là “sát”.

14. Chữ “Lộ”: Lộ ra, nhô ra, hở ra ngoài.

So với người bình thường, các bộ phận trên cơ thể nhô ra quá, tạo cảm giác khác thường, được gọi là “lộ”. Lộ có hai loại: Loại biểu trưng như mắt lồi, mũi hếch, nhe xĩ; loại khí sắc như ánh mắt, tâm trạng bồn chồn. Ý nghĩ để lộ ra qua ánh mắt.

15. Chữ “Phá”: Hao tổn, bại hoại.

Làm hao tổn, bại hoại. Ví dụ mất vô cơ hoặc dùng không đúng cách đều gọi là “phá tài”. Năm giác quan bị khiếm khuyết gọi là “phá tướng”.

16. Chữ “Thiện tướng”: Tướng tốt.

Trái tim nhân hậu, tích thiện trồng phúc. Do ý nghĩa lương thiện nên hai mắt cũng biểu lộ ra. Loại người này có các biểu hiện sau: Mắt thanh mây tú, mắt cân đối, lòng đen lòng trắng cân đối. Song cũng có người bề ngoài và tính nết không đồng nhất, như có kẻ bề ngoài hiền từ nhưng tính tình tham lam keo kiệt. Nhìn chung, ánh mắt của con người hiền hòa, mang lại cảm giác ấm áp cho người khác, phần lớn có ý nghĩa “thiện tướng”. Ánh mắt của kẻ tham lam dễ tiện phần lớn (thân thái lơ dờ) ánh mắt như lớp sóng.

Thọ tướng
寿相



17. Từ “Ác tướng”: Tướng xấu.

Lông mày rậm thô hoặc dựng đứng; mắt hình tam giác; mắt trắng dã; mắt đỏ ngầu; ánh mắt u ám đều biểu hiện của ác tướng. Đặc điểm của loại người

Yếu tướng
夭相



này: Mũi tẹt, mũi hếch như người nguyên thủy, giọng nói gấp gáp, tỉnh tỉnh nóng nảy.

18. Từ *"Thọ tướng"*: Tướng thọ.

Tai to và dài; mắt đen trắng rõ ràng; ánh mắt yên lặng; nhân trung sâu rộng; lưỡng quyền vừa phải; tiếng nói khỏe, trầm, ngậm; cổ có hai vạch dọc; bụng chảy da đồi mồi; mũi nở; ngồi ngay ngắn; cử chỉ ổn định; ngực nở... đều là biểu hiện của "thọ tướng".

19. Từ *"Yếu tướng"*: Tướng chết non

Thân hình yếu ớt; thịt ít xương nhiều; mày thấp gần mắt; ánh mắt vô hồn; nhân trung ngắn nông; mũi tẹt; tinh thần uể oải; đứng ngồi ngả nghiêng; môi hếch răng lộ; cổ cong lưng oằn; ngực nhô, giọng nói vội vã... đều biểu hiện của "yếu tướng".

20. Từ *"Trung (thành) tướng"*: Tướng trung thành.

Trung thành thể hiện tính cách cao thượng không phải ai cũng có. Những biểu hiện của tính cách này thường thể hiện trong từng trường hợp sau:

- Nếu là quân nhân: Lông mày thô và dài; đôi mắt cân đối, mắt có hồn và không trố; dáng vẻ uy nghiêm không ác; thái độ ân cần, khoan dung, đối xử nghiêm minh công bằng; không nói xấu sau lưng người khác.

- Nếu là nhà kinh doanh hoặc dân thường: Ánh mắt lương thiện, mặt mũi tươi cười, giận nhưng không dữ, không tham, không làm hại người, việc lớn tránh, việc nhỏ cho qua.



Quý tướng



Phú tướng

21. Từ "Gian tướng": Tướng gian xảo.

Tướng gian xảo có nét khác thường: Mũi thô, mắt đỏ, nhìn xuống, mày không ngay ngắn, nói chuyện không nhìn thẳng; hay cười nhạt, hay nói lời ngông cuồng, có lúc nói phải thành trái, cong thành thẳng, cố ý làm lệch quan niệm đúng đắn, tự cho mình giỏi, nhiều tài.

22. Từ "Quý tướng": Tướng sang trọng.

Quý tướng có rất nhiều biểu hiện như dáng mạo thanh tú, cử chỉ nhẹ nhàng, địa vị cao nhưng vẫn tu chí, dáng mạo đôn hậu, cử chỉ nghiêm nghị, tuy vinh hiển vẫn trọng lễ bái. Mặc dù dáng vẻ thô lậu, tính tình bộp chộp nhưng chính trực không a dua. Những biểu hiện này đều là nhận xét về quý tướng của thánh hiền xưa.

Đối với dân thường cũng có quý tướng như người thấp, mặt dài, năm bộ phận (ngũ quan: Mắt, mũi, mồm, tai, thân) hài hòa; xương đầu hơi gồ, trán vuông có góc cạnh; tướng nói vang; mặt đen thân trắng; mặt to thân thon; chân ngắn tay dài; người nhỏ tiếng to; mặt ngắn mắt dài; gầy nhưng cổ đầy đặn; đầu hổ cổ yếm; mắt hai đồng tử; đi như rồng hổ; miệng rộng đến tai; lưỡi dài liếm mũi (chóp mũi); mắt sáng long lanh; râu như giáo mác; tai to mắt lớn. Ngoài ra, miệng vuông chữ tứ; trán rộng lại cao, ngực tròn nở, răng trắng mặt to; mặt mũi thanh tú; miệng rộng như cây cung; môi đỏ như son... đều biểu hiện của "quý tướng".

23. Từ "*Phú tướng*": Tướng giàu.

Khuôn mặt cân đối, ngũ quan ngay ngắn, sắc mặt hồng hào, tai dài da mịn đều là những biểu hiện của "phú tướng". Ngoài ra còn có cốt cách thanh nhã, mặt mũi phương phi cũng là phú tướng. Phú tướng còn chia làm ba loại: Đại phú, trung phú, tiểu phú.

24. Từ "*Bần tướng*": Tướng nghèo.

Sắc mặt buồn bã, khổ sở; trán rộng, cằm nhọn; má mỏng, sống mũi nhỏ; cánh mũi hếch; tinh thần tàn mạn; tiếng nói khô khốc; tai mỏng da thô; mồm bé gân nhão; bước đi ngả nghiêng; răng mọc không đều; hai tai đen xạm; bàn tay thô cứng; râu rậm không cân; cử chỉ buồn bã; môi hếch xỉn; mồm, mũi, cằm nhọn; má hóp da nhăn, lưỡng quyền nhô. Ngũ quan lệch; đi như chim, ăn như lợn; mồm như thổi lửa. Nếu có từ ba biểu hiện trở lên, chắc chắn

贫贱相



Bần tướng

thuộc loại bần tướng. Những người có tướng mạo nghèo khổ nếu cố gắng phấn đấu, không oán trời trách người, nỗ lực thay đổi hoàn cảnh, giúp đỡ người nghèo, có thể thay đổi ngoại hình, thoát khỏi nghèo khổ.

25. Từ "*Tàn tướng*": Tướng tàn lụi.

Mặt mày buồn bã như có lớp bụi bám trên mặt; tinh thần hoảng hốt; mắt không có hồn; mũi thấp gò má cao; mũi ngắn cầm dài; xương sống yếu ớt; mũi hếch; dáng đi mệt mỏi; khi nói hở lưỡi; môi thâm như gan gà; tóc thô như sợi gai; mặt mũi nhăn nheo; lưng cong ngực lép. Kẻ tàn tướng, trung niên gặp nạn hoặc về già cực khổ.

26. Từ "*Cô tướng*": Tướng cô độc.

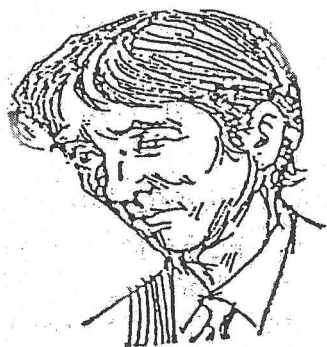
Trán như trứng gà; mày rậm và thô; xương cứng; mắt ti hí; ngửa mặt lệch quyền; nét mặt rầu rĩ; mặt đen tiếng rít; đầu tròn mặt dài; mũi có vân câu; mặt gầy và khô; mặt xấu quyền (lưỡng quyền) cao; hầu

to lộ xỉ, đầu bù mặt mốc.

27. Từ "*Phúc tướng*": Tướng có phúc.

Đầu tròn cân đối; mắt tròn nhỏ như mắt rùa; ánh mắt có thần; nét mặt hiền hòa; gặp việc không như ý không thể hiện ra nét mặt; giao tiếp với người bình tĩnh, không đùa không nói lung tung; rất ít tranh cãi với người khác; mặt cân đối; ngũ quan đầy đặn; mắt, mũi, miệng, tai dài; không chớp nháy; dáng vẻ ung dung; cử chỉ khoan thai; hành động thông thả.

孤相



Cô tướng

II.

NGŨ QUAN LUẬN

Nghiên cứu về sắc tướng^(*) của tướng học Trung Quốc đại khái có thể chia làm ba loại lớn:

Loại thứ nhất: *Ngoại lộ*.

Bất kể nam hay nữ, tướng mạo đoan trang, mặt mũi thanh tú, mắt sáng long lanh khiến người tiếp xúc lập tức có cảm giác ánh sáng chiếu rọi, trong lòng rung động như bị "sét đánh".

Loại thứ hai: *Hậu giác*.

Loại này khi tiếp xúc đầu tiên không có cảm giác đặc biệt gì, nhưng khi nhìn kỹ mới phát hiện những nét đẹp, đáng yêu: Có làn da mịn màng, (nữ) tiếng nói mềm mại, (nam) dáng hoàng lịch sự, khiến mọi người dần có cảm giác thích thú (duyên).

^(*)*Sắc tướng*: Từ này có nguồn gốc trong kinh Phật: "Kinh Hoa Nghiêm" viết "Sắc tướng vô biên, tốt đẹp sáng sủa" có nghĩa là vô biên sắc tướng, viên mãn quang minh. Nhà Phật học cho rằng, vạn sự đều "không", coi vạn vật hữu tình là "sắc". "Sắc tướng" trong tướng học mang hàm nghĩa tình cảm, tinh hoa, tư tưởng.... hiện ra trong nét mặt, dáng vẻ gọi là "sắc tướng" như H1. H2. H3 (trang 7)

Loại thứ ba: *Kín đáo*.

Loại này thường thấy trong xã hội thượng lưu, trong giới điện ảnh. Dáng vẻ của họ đạo mạo đường hoàng, hình ảnh thuần khiết, nội tâm phong phú.

Thế giới nội tâm quyết định biểu hiện của tướng mạo. Tướng mạo thể hiện ở ngũ quan^(*) Các nhà y học cổ đại lại coi ngũ quan là: Tai, mắt, mũi, miệng, lưỡi. Tướng học lại xác định ngũ quan là: Tai, mắt, miệng, mũi, mày (lông mày). Tuy nhiên, để có cái nhìn tổng thể chúng ta sẽ lần lượt khảo sát và toàn diện hơn về tướng mạo con người theo quan điểm hiện đại.

1. Khuôn mặt

Riêng về xem tướng mặt đời nhà Hán đã chia khuôn mặt thành 365 khuôn hình, bộ vị để ứng với 365 ngày của bốn mùa: Xuân - Hạ - Thu - Đông để xét đoán và "giải mã" sắc diện và hình hài.

Rồi mặt lại được chia thành 12 cung, mỗi cung chủ về một việc. Chẳng hạn: Họ qui định Ấn đường là cung mệnh, Địa các (cằm) là cung nô bộc. Mặt lại chia thành Ngũ nhạc, Tam đình, Tam tài.... Như Tam đình thì có Thượng đình từ chân tóc đến lông mày chủ về tiền vận, trung bình lấy từ lông mày đến dưới mũi chủ về trung vận, Hạ đình từ dưới mũi đến cằm chủ về hậu vận...

(*)Ngũ quan: Tuân Tử trong "Thiên Luận" xác định ngũ quan bao gồm: Tai, mắt, miệng, mũi, hình (dáng).

Bác sĩ Giôdép Ranan, nhà tiên tri người Áo cho rằng nếu chỉ xem bàn tay thì không thể biết đường đời của con người mà phải nhìn khuôn mặt, vóc dáng, nghe giọng cười, tiếng nói, cử chỉ, kiểu đi, đứng....

Như trên đã nói con người có nhiều kiểu khuôn mặt khác nhau: Mặt trái xoan, mặt chữ điền, mặt chữ nhật, mặt tròn hay má bầu, mặt lưỡi cày hay mặt tam giác, mặt thịt, mặt xương... Còn có loại mặt tổng hợp, vừa chữ điền vừa xương xương. Cứ mỗi khuôn mặt lại có một đặc tính khác nhau; kết hợp với các đường nét trên khuôn mặt sẽ cho ta kết luận về tâm tính, tiền tài, danh vọng sự may rủi của từng khuôn mặt. Thông thường khuôn mặt chia làm ba khu vực:

- Khu vực hạ tầng: gồm cằm, hàm răng, miệng và phần cách khoảng giữa mũi và miệng. Khu hạ tầng trực tiếp liên hệ với phần hạ bộ của thân thể, phần bụng tức bộ phận tiêu hóa.

- Khu trung dung: gồm mũi, mắt, má và tai. Khu trung dung trực tiếp liên hệ với bộ phận hô hấp hay giao cảm.

- Khu thượng tầng: gồm từ mắt đến trán, liên hệ với bộ óc nói lên ý chí con người.

Nếu ba khu vực đều cân đối như nhau, chúng ta có thể ước đoán không sai là cá nhân của khuôn mặt đó không bao giờ bị một cản trở nào cả trên đường đời; sẽ luôn luôn gặp may mắn trên mọi phương diện.

Nếu phần khát vọng lấn át, tức hạ tầng phát triển mạnh, rộng và dài quá mức bình thường thì tùy sự nảy nở vừa phải hay quá độ để có thể kết luận từng mức độ về dâm dăng, bê tha và xa hoa.

Phần giao cảm nảy nở qua hình thức rộng, hẹp của khuôn mặt ở vị trí lưỡng quyền và nhất là mũi dài hay cong, trán gồ ghề hay trượt ra sau. Với phần giao cảm lấn át, đó là người dạt dào tình cảm, đòi hỏi cần sự vuốt ve, ấp ủ, mơn trớn.

Sau cùng là phần tri thức, tức khu thượng tầng lấn át, có thể chia làm ba vùng có giá trị khác nhau:

- + Vùng mặt thể hiện sự quan sát, nhạy cảm.
- + Vùng trán chỉ định trí xét đoán, tính hoài nghi và sự sợ hãi.
- + Vùng ba thượng đỉnh, gồm từ trán đến chân tóc, đây là phần sáng kiến cũng như mơ mộng - xác định người thông minh hay dần dộn.

Một vầng trán thật rộng ở khu vực mắt, người giỏi kỹ thuật, thích sáng tạo. Nếu rộng ở khu vực trung là người giàu tưởng tượng, sống triền miên trong mộng tưởng, hoài nghi thực tế thích hợp với văn nghệ sĩ.

Nét kín đáo trong khuôn mặt:

Lúc đối diện một người, ta thấy người ấy có cái mũi to biểu hiện đa cảm. Nếu hai lỗ mũi khép lại hoặc ít mấp máy, người khô khan ít tình cảm, ngược lại nếu sống mũi nhỏ hơn và hai lỗ mũi phình ra, rất đa cảm.

Một vầng trán rộng, tròn và đều đặn chưa đủ để kết luận là người thông minh. Nếu trán nhỏ với những nét khác thường, trông nghiêng như nét gạch thẳng từ đỉnh trán xuống sống mũi. Yếu tố đó nói nên giàu trí tuệ, thông minh tuyệt vời.

Mũi, miệng, mắt và tai là bộ phận sống của khuôn mặt vì những tính cách của con người được thể hiện khá đầy đủ và dễ thấy ở nơi đó. Những thớ thịt bao bọc trên gương mặt là hình thức sống động biểu lộ cá tính từng người, lúc vui buồn hay giận dữ, thông minh hay dần dộn.

Khuôn mặt mở khi nó có đôi mắt tươi cười, lỗ mũi mấp máy, môi mở rộng. Ngược lại khuôn mặt có vành môi khép lại, mắt chìm sâu trong mí, mũi dờ dẩn, trán bằng phẳng đó là khuôn mặt khép lại. Ngoài ra, cùng còn thấy khuôn mặt có đôi mắt thờ ơ lãnh đạm, đôi môi không mở, cũng không đóng, mũi trầm trầm đó là khuôn mặt nghĩ ngợi, lạnh lùng của những người có nhiều mưu mô xảo quyệt.

2. Các mẫu trán

Người có trán trọt phía sau là người hoạt bát, có ý tưởng cao đẹp nhưng hay nhút nhát. Trán đứng có hai loại: đứng từ chân mày lên tóc là người dần dộn, không có ý thức sự việc một cách thấu đáo, lại có tính cục cằn thô lỗ. Nếu trán đứng hai phần ba trước khi chấm tóc thì lại là người giàu suy nghĩ, khôn ngoan và sâu sắc.

Trán vồ thì ngược lại trán trọt, không có ý tưởng cao đẹp, thiếu hoạt bát, ngoại trừ phần đi đứng và

chỉ tay tốt chế ngự lại. Một cái trán quá cao trên khuôn mặt dài và chiếc cằm nhọn (mặt lưỡi cày) là người vụng về, ngu xuẩn và thiếu sáng kiến. Nếu thêm cặp mắt liên lão, trắng đục là người gian xảo, quỷ quyệt. Gương mặt trên với môi mỏng là người điêu ngoa, lăm lờ.

Nếu trán chật xương, người đó sẽ ngang ngược, hay gây gỗ. Nếu gồ ra thì cục cằn thô lỗ. Trán vuông và rộng với đôi mắt hiền từ là người can đảm, khôn ngoan, thông minh, trung thực. Nếu hơi tròn là người khôn ngoan, mềm dẻo, nhân hậu.

Trán tròn nhô ra ở phần trên và đứng khoảng gần mắt, có vẻ rộng và cao. Đó là người hay suy xét, hoạt bát, thông minh và có trái tim lạnh lùng. Trán ngắn (y học gọi là trán thiếu năng) nếu thiếu đều đặn, nghiêng về một phía, nếu thêm u uẩn hoặc nhăn tự nhiên là người bất nhất, không thủy chung. Trán dài, làn da thật thẳng và thật bằng, dù vui hay buồn vẫn không có nếp nhăn là người thờ ơ, đa nghi, nham hiểm.

Các nếp nhăn ở trán tùy thuộc tuổi tác và sự nhọc nhằn vất vả về cuộc đời. Người càng cơ cực nếp nhăn càng rõ ràng. Càng già nếp nhăn càng nhiều. Nếu nếp nhăn không ngay ngắn dù đều đặn cũng chứng tỏ là người nhẹ dạ và hay đa nghi. Nếp nhăn thật đều, thêm ngay ngắn, không sâu lắm là người chịu suy nghĩ, khôn ngoan, thẳng thắn và cương trực. Nếu trán chỉ có nếp nhăn ở phần trên, còn phần dưới vẫn trơn tru thể hiện sự ngu dốt. Nếp nhăn đều, nhỏ, có vẻ nhăn nheo và không rõ ràng, biểu hiện cá tính mềm yếu và không thọ. Nếp nhăn

bị đứt đoạn gãy từng phần không đều, đó là người bạc nhược, hay gặp chuyện buồn. Nếu nếp nhăn rõ ràng, đều đặn sẽ có tâm hồn chất phác, hạnh phúc và nhân ái.

3. Tai (tướng tai)

Kinh nghiệm dân gian: Tai to xứng lên cao trên khoeo mắt, gian môn, là người có tiếng tăm lừng lẫy. Hai tai dài xuống vai, rất quý tướng, có thể trở thành thủ lĩnh chính trị hay tôn giáo. Tai trắng bạch như da mặt, tên tuổi lẫy lừng, học giỏi đậu cao. Tai tròn giống như con cờ tướng, lập được gia sản lớn, đại phú. Tai màu đen không đều (như vằn), ly tổ phá gia, đói nghèo luôn đi theo. Tai mỏng như giấy, đàn bà thì chồng chết sớm. Vành tai đỏ như hoa đào, là người chìm nổi, tha phương cầu thực. Hai tai mỏng và tẹt (như giấy) rất bần cùng. Tai như tai con chuột thì bần tiện, chết sớm. Tai không có vành lớn thì gia sản ông cha sớm tiêu tan. Trái tai thông xuống (có thùy châu) đủ ăn, đủ mặc. Tai mỏng và nhỏ là chết yểu. Vành tai rộng, thông minh, hoạt bát, tai có vành rộng, kín là chủ thọ. Loại tai lộ vành, đảo luân quách cộng mắt láo liên, lòng đỏ nhiều, đen ít, hoặc trắng dã là loại người bất trị chờ chờ bạn cùng.

Tướng tai qua cà dao:

Tất cả các giác quan đều biểu hiện thái độ thông qua chuyển động, riêng có tai không có năng lực này. Tướng tai thuộc về hình dáng tiên thiên (bẩm sinh), do gen di truyền của bố mẹ tạo ra. Hai tai đầy đặn gọi là hoàn mỹ, điều này chứng tỏ bố mẹ lương

thiện, khỏe mạnh, tình cảm vợ chồng khá hòa hợp, cuộc sống thời niên thiếu khá tốt đẹp. Nếu hai tai mỏng, không có dải tai, báo hiệu cuộc sống vất vả sau này. Người Trung Quốc thường hay gieo vần để nhớ các tính chất của sự vật, hiện tượng. Về tai có rất nhiều những câu ca đúc rút từ thực tế:

(1) Tai chảy xuống vai

Quý hiển cả đời.

Tai trắng hơn mặt

Quan to danh giá.

Tai chảy xuống vai: Chỉ tai dài, dải tai dày. Theo quan niệm xưa, tai dài trường thọ. Tai trắng hơn mặt thường dễ nổi danh.

(2) Tai có vành lớn

Quan cao vinh hiển.

Vành tai dày to

Cả đời ấm no.

Người có vành tai lớn, chỉ lớn có thừa, cá tính kiên cường. Vì vậy quan cao lộc hậu. Người vành tai dày, tất phúc lộc diên niên.

(3) Tai cao hơn mày

Quyền cao chức trọng.

Trong tai có lông

Thọ là chắc chắn.

Vị trí tai cao hơn lông mày, kết hợp với tướng tốt, thăng quan thăng chức. Trong tai sinh lông: Từ sau năm 40 tuổi mọc lông, mới ứng nghiệm. Trước 40 tuổi mọc lông tai, thân thể khỏe mạnh, nhưng nếu sắc dục quá nhiều dễ sinh bệnh thận.

(4) *Tai chầy dái tròn*

Ăn mặc thừa thãi.

Tai như quân cờ

Thành gia lập kế.

Dái tai tròn như hạt ngọc, chủ ăn mặc đầy đủ, được khác giới yêu thích. Tai như quân cờ chỉ tai dày và tròn, chủ phải lập nghiệp sớm, làm ăn cần cù hăng hái.

(5) *Tai mà tròn bóng*

Tài lộc bất tận.

Nốt ruồi trong tai

Có hiếu có tình.

(6) *Lỗ tai dày rộng*

Phú quý lâu dài.

Tai tròn hướng miệng

Y lộc dồi dào.

Lỗ tai dày rộng là người đào hoa. Tai tròn hướng miệng còn gọi là "minh châu nhập hải" (ngọc sáng vào biển) là quý tướng và có duyên.

(7) *Dáng tai có nét*

Thông thái đa năng

Cao mà một phân

Mãi không cùng khổ

Tai trong, tai ngoài phân chia cân đối, nổi bật là người thông minh có tài. Tai cao hơn lông mày một phân chỉ ý cao hơn lông mày.

(8) *Hai tai rắn chắc*

Phúc thọ đủ ăn.

Tai cứng như gỗ

Tính khí kiên cường.

(9) Lỗ tai lỗ kim

Nhà không có chỉ (chỉ vàng).

Tai mỏng không thù

Công danh khó thành.

“Lỗ kim”: Đây là cách nói ví von, khoa trương. Tai bé, mỏng không có dái tai thường long đong vất vả suốt đời. Ngoài ra lỗ tai bé, chủ nhỏ nhen, thù dai.

Tướng “tai cao hơn mày” ngoài tai cán khí phách hơn người ra, dáng vẻ của họ cũng có nhiều hấp dẫn. Nếu chìm vào hố sâu ích kỷ, không vượt khỏi vòng cám dỗ, tiếp tục làm những việc thất đức, tướng tốt trở thành nguồn họa.

Hình dáng của tai có hơn 60 kiểu. Về mặt tướng học, tai cũng được chia làm 3 bộ phận: Trên, giữa, dưới. Phần trên là vòng thiên, phần giữa là vòng nhân, phần cuối là vòng địa. Nếu vòng thiên to, vòng địa nhỏ chủ thuộc loại “thần kinh” - loại người có biểu hiện căng thẳng, vội vã, nóng giận, vô cớ. Nhưng ưu điểm của loại người này: Giỏi suy nghĩ. Nếu vòng thiên, vòng địa nhỏ, vòng nhân lớn, chủ thuộc loại “gân cốt”. Đây là loại người hành động, việc gì cũng đích thân làm. Nếu dái tai to, các bộ phận khác nhỏ, chủ thuộc loại “dinh dưỡng”. Về thực tế, loại người này có tiểu não to, bất kể nam hay nữ bộ máy sinh dục phát đạt, tình dục dồi dào, hứng thú tình dục lớn hơn tất cả, chỉ ham hưởng lạc phòng the. Nếu loại người này vòng thiên nhọn, tính tình tàn nhẫn, khắc

bạo, có tư tưởng phá hoại. Khi tiếp xúc với người khác giới, họ có tư tưởng quá tả. Khi gặp người loại này, nếu thấy mắt họ khác thường, cần tìm cách tránh xa ví dụ như: Không đi thang máy cùng với họ, đề phòng xảy ra tình huống xấu.

Nếu vị trí hai tai cao thấp không đều nhau, lại ở dưới lông mày - đây là loại người hơi dâm ô, sớm đã thủ dâm, vì vậy thể chất yếu. Nếu người có lông mày rậm, tính chất đó càng biểu hiện quá mức. Loại người này hành vi không có gì khác thường song ý nghĩ tà dâm luôn xuất hiện.

Tuy nhiên, trên thực tế không phải tất cả mọi người có tướng tai dâm ô là người dâm dục. Chúng ta không nên vì bệnh nhân đau bụng mà khẳng định đau gan, song cũng không vì đau bụng, không nghĩ tới có thể đau gan.

Cùng tướng tai xấu như nhau, nhưng ở người này có thể xấu, ở người kia lại không sao, bởi vì tướng tai xấu bị các yếu tố khác chế khắc. Trình độ học thức cũng có tác dụng chế khắc đối với những biểu hiện xấu của tướng tai.

4. Lông mày (tướng lông mày)

Kinh nghiệm dân gian: Mày cao mà sắc thanh tú, oai quyền lợi lộc lớn. Lông mày dài là chủ thọ, sống lâu. Lông mày mượt, đẹp, giàu sang, dễ đỗ đạt cao. Mày như vòng cung, tính tình hiền dịu, nhân hậu. Mày như trăng mới mọc (cong như trăng lưỡi liềm) thông minh. Mày dày, rậm như tơ (nhỏ yếu) thì là người tham dâm. Như mày con ngài (tầm bướm)

thích gái háo sắc. Mày dài quá con mắt, trung trực, giàu sang và sống lâu. Mày ngắn hơn mắt, tính tình cô độc, sống cô đơn. Mày giao không ngang nhau thì anh em ly tán. Lông mày mịn màng xúng cao, được phú quý và hiền hòa. Đuôi mày ngang với tóc mai, rất thông minh tuần tú, học giỏi. Lông mày thưa, ít anh em và vô tình. Mày mọc loạn (không ngay hàng) sinh con trai ít hơn con gái. Mày dựng đứng lên hoặc thành búi như sâu róm là người có quyền chức lớn về võ quan. Lông mày mọc rối loạn tràn xuống bờ mi là kẻ có tâm tính không tốt. Chân mày có vằn thường gặp tai nạn bất ngờ.

Trong tướng học, lông mày được đánh giá cao, có liên quan chặt chẽ với phúc, phú, quý, lộc, vận.

Sau đây là một số bài phú dân gian.

- Lông mày cao đẹp

Phúc lộc dồi dào.

Mày cao thanh tú

Nổi tiếng khắp nơi.

- Lông mày có hồn

Hiển đạt vinh hoa.

Lông mày sáng bóng

Vạn sự hanh thông

- Lông mày dài rủ

Thọ quá 100 năm.

Mày đến Thái dương

Thông minh nhanh nhẹn.

- Lông mày ngắn cụt

Người xa, cửa sạch.

Lông mày quá mắt

Trung trực đa lộc.

- Mày thưa lại thấp

Một đời cô khổ.

Mày ngắn lại mỏng

Tính tình cô độc.

Người có lông mày ngắn mỏng vụng về trong giao tiếp hoặc sợ thiệt thòi hoặc do nghi ngờ nên suốt đời cô đơn.

- Lông mày cánh cung

Tính thiện vô tư.

Lông mày cong rậm

Háo sắc đa nghi.

Người có lông mày cánh cung, không thích tranh quyền đoạt lợi, không dùng thủ đoạn gian trá để lừa người. Quan hệ với họ ta rất yên tâm, còn kẻ lông mày vừa rậm vừa cong, sắc dục khá nặng lại hay đa nghi.

- Lông mày lá liễu

Khó giữ tiết tháo.

Mày dựng như đao

Trận vong binh bại.

Lông mày lá liễu trông vẻ rất đẹp, kỳ thực không phải là tướng lông mày hay. Người có lông mày như lá liễu rủ, ý chí bạc nhược nên khó giữ mình. Lông mày dựng đứng, hay gặp rủi ro, tai nạn bất ngờ. Loại người này tính tình nóng nảy, dễ sinh chuyện chẳng lành.

- *Lông mày thưa mỏng*

Đa dâm vô tư.

Lông mày quá cao

Phong ba trùng trùng.

- *Lông mày bát rử*

Tính nhược bị quan.

Bên cao bên thấp

Cùng cha khác mẹ.

Lông mày chữ bát, rủ xuống hai bên, tính tình bạc nhược. Lông mày bên thấp bên cao, có anh em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha.

- *Lông mày xoắn tít*

Sắc dục trùng trùng.

Lông mày mọc ngược

Anh em thù hận.

Lông mày xoắn tít từng đám là kẻ bạo dâm, cần đề phòng. Lông mày mọc ngược, anh em tương tàn.

Hình dáng lông mày có hơn 80 loại, trên đây giới thiệu 10 loại chủ yếu. Sách tướng có câu: "Lông mày giữa trán là quý tướng", có nghĩa là lông mày

cao, chủ không có ý nghĩ tà gian, hành động cao thượng. Nếu lông mày gần mắt, chủ say đắm tình dục, nhưng nếu mắt sáng lông ngay, mũi có trụ lương, có thể không chế được tà dâm.

Lông mày thanh tú, cân đối, chủ khí tiết cao thượng, trọng liêm, biết phòng sĩ, nghiêm khắc với mình, có trí tuệ, tức không làm điều thất đức, có thể xứng đáng là chính nhân quân tử.

Lông mày sắc nhọn, chủ đa dục đa ghen.

Lông mày cân đối thanh tú, chủ là người có trí có đức.

Đuôi mày vênh lên, chủ nam cương dũng, đảm lược học thức hơn người.

Xét về tướng học, màu sắc lông mày có thể chia thành hai loại: Thanh và đục. Lông mày mọc đều, cân, đẹp gọi là "thanh"; lông mày mọc xiên, lung tung gọi là "đục".

5. Mắt (tướng mắt)

Kinh nghiệm dân gian:

Bước đầu của mọi giao tiếp là quan sát hình thể và nhân cách một con người, cái đầu tiên dội đến sự "thân, sơ", "yêu, ghét", "cảm tình hay không cảm tình" là "đôi mắt". Quả thật người phương Tây thường nói: "Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn". Người thông minh hiền hậu bao giờ cũng có đôi mắt đen láy, lòng đen, lòng trắng phân minh sáng sủa.

Kẻ tà vạy gian xảo, thủ đoạn, lọc lừa bao giờ cũng có cặp mắt lão liên, nhìn trộm, không bao giờ có cặp mắt nhìn thẳng. Loại hung hiểm, hung ác hay ngộ sát bao giờ cũng có đôi mắt đầy tia máu, hung quang dữ dằn. Những kẻ có đôi mắt trắng dã (như hoa sở) hoặc lồi (mắt ốc nhồi) thường được coi là hạng người hay bạc tình, bạc nghĩa.... Trong sách "Quang Giám Tập" của Đông phương có câu: "Nhãn vi tâm chi ngoại bộ Quan kỳ vật ngoại tri kỳ nội" (Mắt là cửa ngoài của tâm hồn. Nhìn bề ngoài mà biết rõ bên trong của người ta).

Ông Mạnh Tử khi bàn về mắt đã nói: "Lòng ngay thẳng thì mắt sáng sủa, lòng tà vạy thì mắt mờ, vì mắt không che giấu được thiện, ác". Ca dao tục ngữ Việt Nam thường nói nhiều đến đôi mắt khi thể hiện một vẻ đẹp, nhân cách, hay tính nết con người đó.

Những người con mắt lá răm.

Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.

Những người ti hí mắt lơu

Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người.

Mắt đẹp mà dài như mắt chim phượng thì làm quan lớn, oai quyền to tát. Mắt như mắt cá giếc thì nhà giàu có, phú quý. Lớn mà sáng thì nhiều của cải, giàu sang. Đầu mắt mà khuyết (nhỏ) thì phá gia sản. Mắt lộ màu trắng nhiều thì bại binh, thất trận chết nơi chốn đao binh. Mắt như mắt phượng mày tằm thì quan sang, cao chức. Mắt có hình tam giác là người có tính ác, hiểm hóc. Mắt dài, mày dài thì giàu có, khá giả, phong lưu. Mắt lồi ra thì chết sớm (yếu tử). Đồng tử có vân đỏ là có nhiều việc lỗi thời, kiện

thưa. Mắt đỏ mà trông vàng thì yếu tử, chết non. Mắt dài hơn tấc (tấc châu thân) thì làm quan lớn, ở bên lãnh tụ. Mắt chớp có oai là điều khiển muôn vạn người như đại tướng. Mắt như mắt dê (ti hí mắt lươn) là người lừa đảo, dễ bị hình phạt. Mắt như mắt ong thì cô độc, bị chết nạn. Đuôi láo liên như mắt rắn thì bị độc hình (hoạn nạn). Đuôi mắt xuôi xuống, vợ chồng ly tán. Mắt hồng mà có màu kim thì lục thân không gần (xa người thân).

Các nhà nhân học phương Đông ngày trước tính rằng loài người có tới 39 kiểu mắt. Mỗi kiểu "cảm tính" một con vật và biểu hiện đặc trưng một số nét tính tình:

- Người có mắt rồng (đẹp như ngọc, trong như suối, tinh như đêm mùa thu): tính tình siêu việt, cao thượng, trọng danh dự, khí tiết.

- Người có mắt phượng ngủ: Hiếu học và có tài năng, thông tuệ, trung thực.

- Người có mắt chim sẻ (đen và sáng): hiền hòa chân thật, thức thâu đêm suốt sáng mà thần sắc không hề thay đổi. Mắt vẫn trong.

- Người có mắt uyên ương (sáng, hơi lồi): khéo léo, biết cung chiêu, song hay có tính lẳng lơ, dâm loạn.

- Người có mắt bồ câu (tròn, đẹp): thùy mị, nết na.

- Người có mắt trâu (to, lơ dờ, lòng trắng vàng đục): giản dị, hiền lành, chăm chỉ, ưa thích nghề buôn bán.

- Người có mắt voi, giỏi võ nghiệp.
- Người có mắt khỉ (đen láy, tinh rang): lạnh lợi, thích khôi hài.
- Người có mắt rùa (nhỏ và tròn, nhìn ngược lên trời, rụt cổ lại): nhút nhát, kém trách nhiệm, dễ nhiều sống lâu.
- Người có mắt dê (đen, vàng): đa dâm, hiếu sắc.
- Người có mắt nhận: nặng tình nghĩa gia đình, nghĩa khí.
- Người có mắt ốc nhồi (lồi): sống xảo trá, thủ đoạn.
- Người có mắt chó sói (hay cau mày, cúi xuống): tham lam bất lương.
- Người có mắt hổ (mở to, trắng dã): độc đoán, táo bạo, thành đạt...

Mắt một mí hay hai mí đặc trưng cho chủng tộc: đại chủng tộc Mônggôlôit có tỷ lệ rất cao người mắt một mí. Mắt một mí phổ biến trong nữ giới (số này chiếm khoảng 32 - 39% phụ nữ Việt Nam) hoặc ở trẻ sơ sinh và lứa tuổi nhỏ. Ở những người này do lớp mỡ dưới da đã xóa mờ một mí mất đi. Tục ngữ có câu:

Người khôn con mắt đen sì,

Người dại con mắt nửa chì nửa thau.

Với người đồng chủng thì có thể những màu mắt đen, nâu hay xanh cũng như màu da, tóc còn

phụ thuộc vào giống nòi và địa dư, khí hậu. Về khoa học giải thích nó là sự tích lũy ít hay nhiều sắc tố nâu Melanin dưới dạng tinh thể hay dạng hòa tan để dễ thích nghi với môi trường sống.

Cải thiện kiến về màu sắc của mắt và môi trong dân gian còn nặng:

Trai thâm môi, gái lồi mắt.

Trai bạc mắt, gái thâm môi.

Mắt ốc nhồi, mắt trắng dã là tướng người dễ gây ác cảm. Người xưa nhận xét rằng: to mắt hay nói ngang.

Ngược lại:

Những người ti hí mắt lươn

Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người.

Quả là những kẻ nhiều mưu gian thường hấp him con mắt để che đậy ý đồ của họ, muốn tạo ra một khoảng tối cho những tính toán đen tối, sâu hiểm.

Người một mắt được đánh giá là dữ dằn, ác độc. Phải chăng đó là phản ứng trả thù về nỗi tật nguyên:

- Trên trời Phạm Nhan, thế gian một mắt.
- Voi một (chéo) ngà, đàn bà một mắt.
- Dữ như tê giác, ác như đàn bà một mắt.

Ý nghĩa thực tiễn

Trong tướng học, mắt là một căn cứ quan trọng để nhận biết tính cách của một người. Khi làm quen

với một người nào đó, chỉ cần nhìn vào ánh mắt có thể biết họ có thành thực hay không. Qua đôi mắt, ta có thể nhận biết được:

- Tình hình cha mẹ của họ và quan hệ của họ với bố mẹ.

- Giáo dục gia đình của người đó, kể cả sự ham muốn tình dục.

-- Mắt như sao sớm

Nổi tiếng khắp nơi.

Ánh mắt chớp nhanh

Quý hết chỗ nói.

Đánh giá đôi mắt, bất kể hình dáng như thế nào, điều quan trọng nhất - xem thần sắc của đôi mắt. "Mắt như sao sớm" chỉ đôi mắt có khí sắc ổn định, tinh anh khác thường. "Ánh mắt chớp nhanh" chỉ thần sắc đôi mắt ổn định tinh tường, nhanh nhẹn. Đó là đôi mắt của người phú quý được vợ hiền giúp sức. Nếu lấy vợ lảm nhảm, suốt ngày không được yên ổn, lòng dạ buồn bực, làm sao mắt còn giữ được thần sắc.

- *Mắt to mà dài*

Tiếng tăm khắp nơi.

Mắt sáng long lanh

Quý phái trung trinh.

Đôi mắt to dài không những nổi tiếng mà còn gặp hung hóa cát, có duyên thâm. Đôi mắt long lanh, quý phái, đáng tin cậy. Mắt "long lanh" ý chỉ mắt sáng hiền hòa.

- *Mắt to âm u*

Chết oan đường phố.

Mắt lồi vô hồn

Bất đắc kỳ tử.

Mắt sáng rất tốt, mắt không ánh sáng khó giữ gia nghiệp. Ánh mắt u ám dờ dẫm - tương chết oan. Mắt lồi vô hồn dễ gặp hiểm nguy, khó toàn tính mạng.

- *Mắt lồi trắng dã*

Nghèo hèn yếu mạng.

Đuôi mắt sụp xuống

Vợ chồng chia ly.

Mắt lồi trắng dã, hôn nhân sự nghiệp không được như ý, đã nghèo lại không thọ. Đuôi mắt sụp xuống, bạc nhược nhất gan, vì vậy ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng.

- *Mắt hình tam giác*

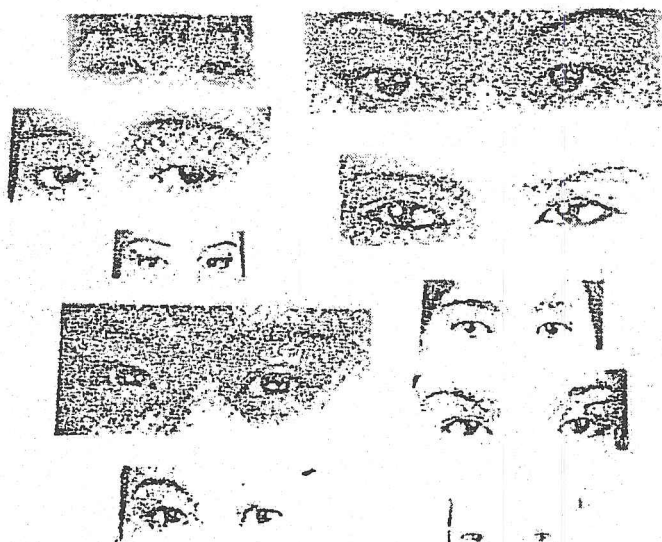
Lòng dạ tham lam.

Mắt cú chăm chăm

Tâm gian kiêu ngạo.

"Mắt hình tam giác" rất ít gặp, người loại này không thể tin cậy. "Mắt cú vọ" - mắt sắc, ánh mắt sắc nhìn thẳng. Hạng người này ngạo mạn khinh người, ta chỉ nên kính trọng nhưng chớ gần để tránh bị "cháy thành vạ lây".

- *Mắt chuột nhìn trộm*



Qua đôi mắt có thể biết được khí chất, sắc dục mạnh yếu

Đạo tặc tham dâm

Mắt ong mắt dê

Cô đơn chết hại.

Tướng học Trung Quốc thích dùng hình động vật để miêu tả con người. Cách diễn đạt hình tượng này mang đậm nét dân gian. Mắt chuột hay còn gọi là mắt ti hí, chỉ mắt nhỏ, ánh mắt len lét. Hạng người này tham lam, tắt mắt, nếu hay nhìn xiên càng không đáng tin cậy. Mắt ong - chỉ mắt đồng tử nhỏ; mắt dê - mắt trắng dã. Hai hạng người này tính tình cô đơn, cuối đời hay gặp tai ương.

- Mắt sói lòng tham

Vô cùng xảo trá.

Mắt như gà chọi

Chết thảm không ngờ.

Mắt sói - cặp mắt khi đi không ngừng quay đầu lại nhìn trộm, ý chỉ con mắt đảo điên. Hạng người này tham lam xảo quyệt. Hai mắt quá gần nhau gọi là mắt gà chọi. Hạng người này dễ gặp tai ương, song có ưu điểm, rất trung thực với bạn bè.

Có khoảng 60 loại mắt, nếu thêm thần sắc có đến 100 loại. Thông thường cha mẹ hiền hòa, đôi mắt của con cái cân đối, linh lợi.

Qua đôi mắt có thể biết được sắc dục mạnh yếu. Mắt - nơi hội tụ tinh thần, "van" của tinh dục. Nếu nhãn cầu to, mí mắt tròn, thuộc loại "mắt ướt", ham muốn tình dục lớn. Loại người này không thuộc loại ác quỷ dâm dục, nhưng thích ong bướm lả lơi, không thích thú sinh hoạt vợ chồng.

Nếu mắt to, đuôi hơi hếch lên, gân mí mắt căng, đó là tướng mắt "Mộc". Loại người này không ham tình dục, kẻ khác khó dụ dỗ làm hành động gian dú. Thần thái mắt của người có tướng mắt "Mộc" rất uy nghiêm, tính cách biết tự kiềm chế.

Nếu đuôi mắt sụp xuống, nhãn ướt át, con người đảo điên, liếc ngang liếc dọc hoặc thường xuyên chớp mắt, nhìn nghiêng, nhìn xuống bất kể là nam hay nữ đều thuộc tướng dâm dục.

Tròng đen có địa vị quan trọng trong nhân tướng học. "Tròng đen" - bộ phận bao bọc đồng tử.



Mắt long lanh



Mắt đào hoa, môi dày

- Tròng đen màu trà, gọi là mắt khỉ. - Loại người này tình cảm cô đơn, phận mỏng.

- Tròng đen màu xám, gọi là mắt thú. - Loại người này gian như cáo, thâm như dê, lại rất tàn nhẫn.

- Tròng đen (màu) mờ mờ (vàng nhạt) gọi là mắt đi. - Loại người này thuộc tướng đào hoa, suốt đời không dứt. Có kẻ còn tự hiến thân cho người khác, không từ chối khi có người tấn công.

- Tròng đen màu đen (tuy) lòng dạ không gian tâm, song dễ rơi vào tình ái của tình nhân, khó dứt tơ lòng, đến nổi sa lầy. Loại người này tình cảm dễ gặp phong ba.

Đồng tử phản ánh hoạt động trí não của con người.

- Đồng tử rõ, cân đối, lòng dạ ngay thẳng.

- Đồng tử mờ lệch, lòng dạ xấu xa, ham nhục dục.

Nhân cầu cũng là một tiêu chí quan trọng để phân đoán tính cách của con người.

- Mắt to, nhân cầu lồi như mắt cá vàng, tình cảm của người này dễ tụ dễ tan, hôn nhân đầu khó đến bạc đầu. Tuy vậy, người mắt lồi có một ưu điểm biết nhìn xa trông rộng. Ông trời vốn ban cho bạn một ưu điểm, cũng cho bạn một khuyết điểm. Người nào ưu nhiều hơn khuyết, đúng là một đặc ân.

- Mắt bé nhỏ, nhân cầu lõm là người tình cảm chuyên nhất, dù chết cũng không thay lòng đổi dạ. Họ coi tình yêu là lời hứa thiêng liêng, rất nghiêm túc. Họ không dễ dàng thể hiện tình cảm, một khi thổ lộ tâm sự, khắc cốt ghi lòng. Loại người này cực đoan về tình cảm. Nếu đối phương thay lòng đổi dạ, họ không giữ được bình tĩnh, dễ làm những chuyện ngốc nghếch.

6. Mũi (tướng mũi)

Kinh nghiệm dân gian: Mũi tròn thẳng như cái ống thì y thực đầy đủ. Lỗ mũi trông thấy rõ thì chết yếu, cơ hàn. Mũi như mỏ chim ưng (diều) thì mưu sâu, quý quýet. Mũi có ba ngăn thì cô độc, phá sản. Mũi có ba nơi lõm xuống thì cốt nhục phân ly. Chuẩn đầu (đầu mũi) mà thẳng mượt thì cơ áo đầy đủ. Chuẩn đầu nổi cao, sáng tươi rất phú quý, hiển vinh. Chuẩn đầu có màu hồng thì Đông Tây bốn tấu (vô định). Mũi mà xương lộ ra thì sợ chết, nhát gan. Đầu mũi (chuẩn đầu) thịt sa xuống thì rất tham dâm. Chuẩn đầu tròn, đầy, mập thì cơ áo dư dật, phú quý. Chuẩn đầu mỏng, nhọn thì cô bản, khốn đốn. Mũi

cao ngang với Thiên đình, oai vang bốn biển, nổi danh trong thiên hạ. Mũi trống lộ cao quá (hếch lên) thì chết đường. Đầu mũi thấp tẹt thì tâm tư thường rối loạn, bần hàn, cơ cực.

Người xưa cho rằng mũi hình túi mật treo, to, đầy đặn, cao, lỗ mũi rộng là người giàu có. Mũi quá thấp so với hai gò má là tướng ly biệt vợ, chồng. Cằm nảy nở, vuông vức thì từ 50 tuổi trở lên vận số tốt lành. Long mày sâu róm thì tính nóng nảy, thô lỗ, dễ gây hiềm khích, hình thể khắc tử (khắc với con cái).

Ý nghĩa lý luận:

Hình dáng mũi phản ánh tính cách và tu dưỡng văn hóa của một người. Ở các khu vực có nền văn hóa cao, mũi của người dân ở các vùng này lớn và thẳng, độ dài mũi khoảng $\frac{1}{3}$ khuôn mặt. Ở các vùng còn nghèo nàn lạc hậu, mũi người dân ở đó khá ngắn, nhỏ, tẹt, hếch, độ dài mũi khoảng $\frac{1}{4}$ khuôn mặt.

Hình dáng mũi thay đổi theo lứa tuổi. Ở thời kỳ dậy thì, mũi phát triển hoàn thiện, da mũi bóng. Đến thời kỳ có tuổi, mỡ mũi giảm, xuất hiện những vết nhăn, da khô, đen xám. Đối với nữ giới, mũi là hình ảnh thu nhỏ của sức khỏe tình dục.

- Người con gái mũi thẳng, cân đối, chóp mũi nở, tính tình kiên cường, hành vi thẳng thắn, lòng dạ trong sáng. Họ phần lớn là những phụ nữ thành công trong giới doanh nhân. Họ không bỏ phí thời gian vào tình ái, vì vậy ít ham muốn tình dục để khích lệ tiết tháo.

- Người con gái mũi bẹt hoặc mũi gãy, trừ khi hai má đầy đặn hoặc đôi mắt sáng có thần sắc. Nếu không, người này tư tưởng hạ lưu, ý chí bạc nhược, khó chống lại sự dụ dỗ của bạn tình, chìm đắm trong bể tình, sa lầy khó đứng dậy nổi.

- Mũi thẳng kẻ chỉ

Phúc lộc dồi dào.

Chóp mũi đầy bóng,

Không chịu cảnh nghèo.

Nếu sống mũi thẳng, độ dài vừa phải, đầy đặn, cả đời no đủ. Chóp mũi tức đầu mũi, nếu tròn bóng, chủ sinh tài sinh lộc, được quý nhân khác giới giúp đỡ.

- Mũi thẳng lên trán

Phú quý nổi danh,

Sống mũi thẳng cao

Quan cao chức lớn.

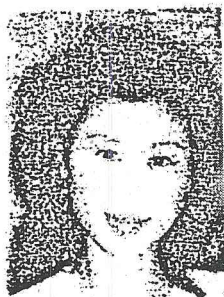
Nếu mũi thẳng, nhìn như hướng lên giữa trán, đó là tướng mũi phú quý. Sống mũi thẳng cao (thẳng lên trán và cao), chủ đảm đương trọng trách lớn. Ngoài ra, mũi thẳng chóp tròn, tình cảm vợ chồng tốt đẹp, sống với nhau đến đầu bạc răng long.

- Mũi cao rộng dài

Kỷ xảo cao siêu.

Sống mũi lóng bóng,

Tài vận lên cao.



1. Sống mũi đơn, mỏng

2. Mũi cân, đầy, bóng

3. Mũi cao, rộng, to

“Kỹ xảo cao siêu” - chỉ nghề nghiệp chuyên môn giỏi. Mũi bóng màu vàng, lộ nhiều nhưng vết nhăn trên mũi màu vàng “khắc tử hại tôn”. Mũi bóng màu xanh, tai họa đến. Mũi xuất hiện các đường ngang, đường dọc đều bất lợi. Nếu đường ngang, không đến nỗi hại con hại cháu, chỉ tính tình nóng nảy. Nếu có đường dọc, tình cảm vợ chồng không hợp, dính chuyện trắng hoa, tránh đi không được. “Không hợp” ở đây chỉ tính cách không hợp hoặc trái ngược (hình khắc).

- Sống mũi gồ lên,

Nhà không yên ổn.

Mũi có màu đỏ,

Tai họa sắp ra.

Sống mũi gồ lên, chủ cá tính ngạo mạn, độc đoán, gia trưởng, không khí gia đình căng thẳng. Khí sắc mũi xuất hiện màu đỏ, có họa đào hoa, cần thận trọng.

- Mũi hẹp mà cao,

Già không chỗ dựa.

Mũi nhiều lời lôm,

Vợ con bỏ mặc.

- Mũi ngắn mà nhỏ,

Nghèo mà không thọ.

Sống mũi teo tóp,

Vợ chồng bất hòa.

- Sống mũi đơn mỏng,

Tâm địa tà ác.

Mũi lệch mũi vênh,

Tính tình tham lam.

Nếu mũi hơi lệch, sống mũi hơi vênh có thể đi chính hình. Hình mũi thay đổi, tính tham lam cũng đỡ hơn, bởi vì sự thay đổi ở bộ phận này tất sẽ ảnh hưởng đến bộ phận khác.

- Mũi như mỏ ưng,

Lòng dạ ác độc.

Mũi có nốt ruồi,

Duyên thâm tàng trữ.

Chóp mũi nhọn nhỏ mỏ chim ưng, trông như muốn mổ. Loại người này lòng dạ lạnh lùng, tàn nhẫn, hay thay đổi, vừa độc ác vừa đa dâm. Mũi có nốt ruồi, chủ cũng có nốt ruồi ở bộ phận sinh dục, bất kể nam nữ đều có duyên thâm.

- Chóp mũi bị lôm,

Dâm dục rất ghê.

Mũi có tơ đỏ,

Tửu sắc đều ham.

Chóp mũi có vết lõm, chủ cực dâm. Mũi có nhiều tia máu trông như tơ đỏ, chỉ ham tửu sắc, suốt đời khó nên nghiệp lớn.

Về mặt biện chứng, vẻ bề ngoài với tâm địa có người thống nhất. Song cũng có người, tuy có những dấu hiệu không hay về vẻ bề ngoài nhưng lòng dạ ngay thẳng. Vì vậy, bạn không nên vội vàng kết luận, nên xét toàn diện và phân tích từng trường hợp cụ thể. Thực tế những người xấu người tốt nét rất ít.

Đặc điểm về hình dáng của mũi có tới hơn 80 loại. Khi xét về tướng mũi cần kết hợp với lưỡng quyền, mũi và lưỡng quyền như đôi anh em. Lưỡng quyền đại biểu lòng tự tôn và tính cương quyết, nam nữ đều như nhau. Lưỡng quyền người nữ nhô cao, chủ ý chí kiên định, giàu nghị lực, ít có hành vi lừa dối. Tuy nhiên, nếu tình cảm bị xúc phạm, nổi cơn tam bành, chủ không thể kìm hãm. Nếu lưỡng quyền thấp, nhô gầy tuy tính nhu thuận, nhưng ý chí bạc nhược, dễ bị đè nén, chịu oan khuất, không có dũng khí đấu tranh. Đối với những người như vậy cần rèn luyện ý chí.

Nếu màu sắc lưỡng quyền đỏ, không kể nam nữ đều mất cảm, vì vậy dễ động dục tình, dễ rơi vào lưới tình, khó tránh được đào hoa ong bướm. Nếu lưỡng quyền to, da nhẵn, chủ tính lực dồi dào, nữ sức sống tình dục mạnh, dễ mang thai. Chủ là nam, sự nghiệp hưng thịnh, có quyền lớn trong xã hội. Xét



1. Miệng rộng mà mở



2. Miệng cánh cung



3. Miệng rộng thành mở

về nhân tướng học bất luận tướng tay hay tướng mặt, phần lớn xem nam nữ như nhau, tuy cũng có một số phần khác biệt.

7. Miệng và môi (tướng miệng và môi)

Kinh nghiệm dân gian:

Môi cong như vòng cung thì làm quan đến tam công. Môi đỏ thắm như son thì giàu sang, phong phú nhưng yếu tử. Miệng túm lại như hú thì người rất bận tiện. Miệng nhỏ như túm cái đũa thì đói khổ. Miệng lóa ra thì cơ hàn, lầm lỗi. Cánh tay như rồng (cong) miệng giống mỏ phượng có oai quyền nhưng tính tình phản phúc. Miệng rộng, lưỡi mỏng, tâm tính tốt, người vui tính, giàu có. Quanh miệng có màu tia sẫm thì tham tài, có họa. Mỏ miệng lộ rõ răng thì lòng không có mưu chước, thâm độc gì, sống trung thực nhưng nhiều thị phi.

Trong miệng có thớ thịt thì giàu có. Hai khoe miệng rũ xuống, cộng với gian môn cúp thì về già cô đơn buồn tủi.

Môi thấp trệt không nâng cao thì đối khổ. Môi có màu gan gà thì suốt đời bần hàn. Môi có màu xanh đen thì chết đói ở ngoài đường. Sắc môi hồng mà sáng tốt thì giàu có, phong túc. Môi khuyết hõm vào là tính hạ tiện. Hai môi không ngay đối nhau là người bất nhất, láo lếu.

Ý nghĩa lý luận:

Xét về tướng miệng chủ yếu xem hình dáng của môi. Tục nữ có câu: "Việc quá khứ xem miệng, việc tương lai xem mắt". Môi phản ánh tình cảm, hành vi đã qua. Nếu sinh trưởng trong hoàn cảnh không vui, môi và miệng của người đó tất khô héo. Nếu người nào môi miệng tươi cười không hỏi cũng biết họ đã và đang hạnh phúc.

- *Miệng rộng và nở, tiền của dồi dào.*
- *Miệng như cánh cung, rạng rỡ tổ tông.*
- *Miệng lớn môi nở, cả đời giàu sang.*

Tục ngữ xưa có câu: "Đàn bà rộng miệng, toang hoang cửa nhà" là không hoàn toàn đúng. Thực tế trong các cuộc thi hoa hậu ngày nay, phần lớn các cô gái dành được vương miện sắc đẹp phần lớn đều có miệng rộng. Miệng môi hình cánh cung, tất làm nên sự nghiệp.

- *Môi không lộ xỉ, không cầu vắn giàu.*
- *Mép miệng lên cao, tiền của như nước.*

Khi nói không lộ chân răng là quý tướng, cả đời sung sướng.

- Miệng chứa nắm tay, quý hết chỗ nói.

Nốt ruồi bên môi, tình nồng đều thôi.

“Miệng chứa nắm tay”, chỉ miệng rộng có thể đút vừa cả nắm tay vào. Đó là tướng đế vương. Bên mép có nốt ruồi, khi tình cảm nồng thắm sẽ chia tay.

- Môi mỏng miệng bẹt, đưa chuyện thị phi.

Chưa nói miệng động, lòng dạ gian giảo.

“Môi mỏng” hay nói xấu người. Chưa nói đã cười, đó là tướng gian nịnh, nam nữ đều như vậy.

- Miệng khép lệch môi, nói không đáng tin.

Nói cười lộ xỉ, không thọ được lâu.

Khi miệng ngậm, dáng môi miệng cân đối, miệng lệch không giữ lời.

- Môi dẩu thô xấu, khó tránh bản hàn.

Mồm môi trề quá, đến già vẫn khổ.

Nếu môi dẩu, tính cách hèn hạ, cuộc đời ắt nghèo khổ.

- Góc miệng lệch xiên, vô cùng gian trá.

Miệng khô không tươi, nghèo khổ chết non.

Góc miệng ky lệch, nếu lệch chủ nói ngon nói ngọt song không thể tin, đôi khi còn gây họa cho người khác.

- Miệng rộng, hở, bất lợi không hay. Góc miệng thường xuyên ẩm ướt biểu hiện đòi hỏi sinh lý quá nhiều.

- Miệng vuông chữ điền, phúc lộc dồi dào.

Miệng như túi nhận, cô đơn nghèo khổ.

Khi cười miệng vuông chữ điền bẹt - tướng miệng hay. Thông thường những người thành danh đều có miệng loại này.

- Môi thâm không đỏ, sắc dục vô cùng.

Miệng trễ quá nhiều, không ngu thì trố.

Hình dáng miệng có hơn 60 loại, trên đây chúng tôi chỉ giới thiệu một số loại điển hình.

III.

CÁC BỘ PHẬN BÊN TRONG⁽¹⁾

Cơ thể con người chia làm hai bộ phận bên trong và bên ngoài. Các bộ phận bên ngoài dễ thấy, còn các bộ phận bên trong như xương cốt, lưỡi, vai, ngực, vú, nách, eo, mông, lưng... Người xưa chú trọng đến cốt cách, sau mới chú ý đến ngũ quan.

1. Xương đầu

Xương đầu to, đầy đặn là tốt. Nếu da đầy trán rộng thì sang. Đầu nhỏ nhưng phải tròn, đầu dài nhưng phải cân đối mới tốt. Đầu tròn cổ dài, chủ tài phúc vẹn toàn. Trẻ trán rộng thường thông minh lanh lợi. Nếu đầu nhọn cổ bé, không hay. Đầu nhọn như đầu thỏ, chủ tính chơi bời phóng túng. Hàm dưới (tướng học gọi là "địa các" - cái cằm) cũng yêu cầu đầy đặn. Cằm đầy đặn, cuối đời yên vui.

- *Đầu bằng đầu cao, phú lộc sang thọ.*

Xương đầu đầy đặn, phú quý suốt đời.

Đầu bằng phẳng, nhiều lộc giàu có. Đầu cao sang và thọ.

⁽¹⁾Các bộ phận bên ngoài, nhưng bị che kín cũng coi như thuộc bộ phận bên trong: Vai, ngực, vú...



1. Đầu bằng phúc lộc 2. Đầu cao phú quý 3. Đầu dài, tròn trường thọ

- Đầu tròn mà to, đức tổ đang thịnh.

Đầu dài mà tròn, sự nghiệp dài lâu.

- Đầu dài mà vuông, phú quý lâu dài.

Đầu dài mà tròn, y lộc dồi dào.

- Đầu bẹt trán dô, tuổi nhỏ gian truân.

Đầu bẹt cá trê, trung niên phá sản.

- Đầu to thái dương lõm, không phải kẻ thô tục,
cũng là kẻ ngu.

- Nam nếu đầu nhỏ, cả đời không nên.

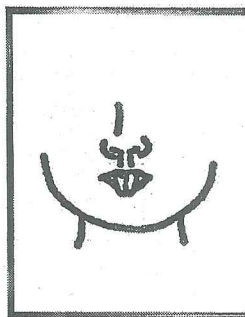
Nữ nếu đầu to, cuối đời trở ngại.

2. Lưỡi

Kinh nghiệm dân gian: Lưỡi lớn mà miệng nhỏ thì nói năng không hoạt bát, cơ hàn. Lưỡi nhỏ mà miệng lớn thì nói năng lanh lợi, hoạt bát, xảo ngôn. Lưỡi ngắn mà lớn là người lưỡi biếng. Lưỡi nhỏ mà



1. Lưỡi nhọn và dài



2. Lưỡi ngắn mà nhỏ

dài là tướng làm quan, hoạt động xã hội. Lưỡi dài liếm đến mũi là quý tướng, quan to, học giỏi. Lưỡi như lưỡi rắn (lè ra thụt vào) người hiểm độc, thâm ô, khó chơi. Lưỡi không có vằn, thờ là người tầm thường. Trên lưỡi có thờ vằn làm đến Tam công, Bộ trưởng. Lưỡi có nốt ruồi là người siêu phàm.

Ý nghĩa Y học:

Đông y rất coi trọng màu sắc của lưỡi, quan sát lưỡi có thể đoán đúng bệnh. "Lưỡi là mầm của tim". Lưỡi nằm ở trong miệng nên khó phán đoán. Song lưỡi có các biểu hiện sau đây:

- Lưỡi đỏ như son, chủ sang vô cùng.

Lưỡi đỏ như máu, chủ lộc dồi dào.

- Lưỡi dài hơn người, chủ có quyền uy.

Lưỡi nhỏ mà dài, học thức cao sâu.

- Lưỡi to mà rộng, là người trung hậu.

Lưỡi vuông mà khỏe, trung thực chân chính.

- Lưỡi béo mà mềm, có tài ăn nói.

Lưỡi dài mà chắc, học giỏi tài cao.

- Lưỡi mỏng mà dài, chủ hay gian trá.

Lưỡi nhọn mà ngắn, chủ ngu lại gàn.

- Lưỡi nhọn mà nhỏ, chủ rất tham lam.

Lưỡi nhỏ mà thâm, chủ bần lại tiện.

- Lưỡi trắng như vôi, nghèo khổ suốt đời.

Lưỡi có nốt ruồi, nói toàn giả dối.

- Lưỡi như lưỡi rắn, lòng lang dạ sói.

Liếm mép khi nói, chủ rất đa dâm.

- Góc to đầu nhọn, tính hay trí trá.

Lưỡi tròn mà to, gàn dở tàn nhẫn.

3. Vai

Kinh nghiệm dân gian: Mỏng, nhiều lông, người thân trọng nhưng nhẹ dạ thiếu tài ba. Nhỏ gầy, người nhút nhát, ưa rắc rối, thiếu nhân từ hay giận cùn nhưng ngăn nắp.

Vai mập và rộng, người nhiều sức lực nhưng hà tiện và thích nhàn hạ, ưa giả nhân, giả nghĩa. Vai u, người dấn dộn, thiếu hoạt bát.

Ý nghĩa lý luận: Vai cũng là một bộ phận phản ánh cá tính, tình cảm, lý trí..... của con người. Vai bằng phẳng, chắc thể hiện sức sống dũng khí mạnh mẽ, tư tưởng phong phú, cảm giác nhạy bén. Vai ky so, gọi là “vai so cổ rụt” chỉ người hèn nhát yếu đuối. Nếu vai xuôi, không có dũng khí gánh vác trọng trách, thường bỏ lỡ thời cơ. Nữ giới vai hơi xuôi là tốt, nếu quá xuôi sức yếu đa bệnh, khó trường thọ.



1. Vai trái nhô, vai phải xuôi, nữ hưởng phúc lành



2. Vai đẩy đặn, phúc lộc dồi dào

Sau đây là một số nhận định về vai:

- Vai gò đầu nhô, chủ dâm gian xảo.

Vai so đầu rụt, ngu dân vụng dại.

Vai so cổ rụt, đến già vẫn khổ.

Hai vai không cân, vai trái nhô, vai phải thụt đối với nam giới không lợi nhưng đối với nữ giới lại có lợi.

- Nam mà vai lệch, suốt đời lao khổ.

Nữ mà vai lệch, chủ hưởng phúc lành.

Bất luận nam nữ, vai quá nhô chủ gian dâm, vai quá xuôi chủ gian hiểm.

4. Ngực

Kinh nghiệm dân gian: Đầy mỡ là người kém thông minh, chậm hiểu. Ngực dài người thận trọng khôn ngoan. Ngực rộng và đầy, người nhiều sức lực. Rộng nhiều lông là người can đảm, thích sang trọng nhưng mưu mẹo và hay trả thù vật. Khô khan và lép là người nhút nhát nhưng giàu nhân ái.

Người xưa nói: “Ngực có thể chứa vạn sự, là cung đình của tinh thần. Cung đình to rộng, thần khí yên tĩnh hài hòa. Ngực lép vẹo nghiêng, trí mờ sức yếu”.

Ngực là trung tâm của con người. Ngực nở, không lộ xương sườn là tốt. Ngực ky nhất là nhô và lép, vẹo nghiêng, mỏng ngắn.

- Ngực bằng ngay ngắn, cuộc đời yên vui.

Vai nhô ngực lép, cả đời bần hàn.

- Ngực nhỏ mà hẹp, lòng dạ hẹp hòi.

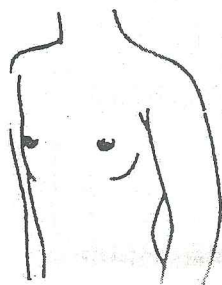
Ngực ngắn mà thô, nghèo không lối thoát.

- Ngực giơ đằng trước, chủ ham sắc dục.

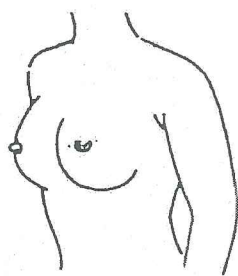
5. Vú

Khác với nam giới, vú ở nữ giới rất quan trọng. Người xưa cho rằng, “Vú lép hại tử tôn”, muốn đẻ cao vú nên to và dài. Nếu vú lép ít sữa, con nhỏ không có sữa làm sao sinh trưởng bình thường được.

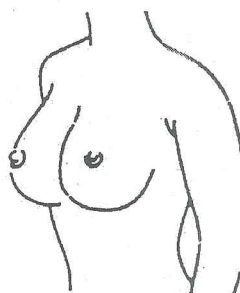
Sách cổ nói: “Hai vú đều thuộc Dương, bề ngoài nên nổi và đầy đặn. Vú dài và to, biểu hiện của



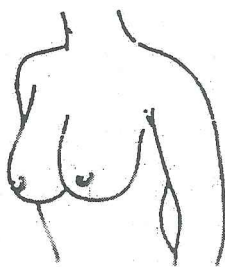
1. Vú lép



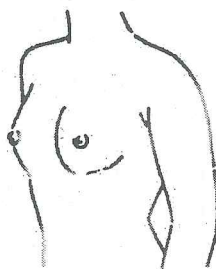
2. Vú vừa phải



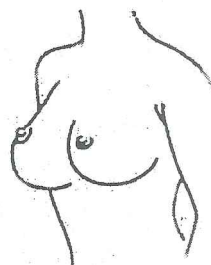
3. Vú to



4. Vú thông



5. Vú bẹt



6. Vú nhỏ

Dương thịnh”.

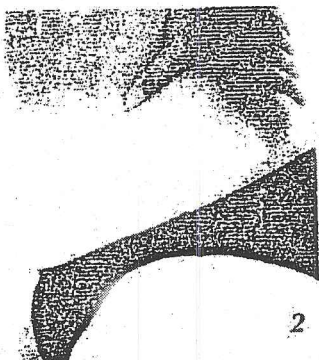
Vú nữ giới có thể chia làm bốn loại: Dạng đĩa tròn, dạng nón tròn, dạng chuông, dạng quả quýt.

Dạng đĩa tròn: Vú hình giống cái đĩa tròn, hơi nhô lên. Những cô gái mới lớn đều có dạng này. Vú loại này tốt nhất là chắc, nếu nhẽo rất bất lợi.

Dạng nón tròn: Tục gọi là “vú măng tre” vì hình dáng giống măng tre. Người vú loại này sức



1. Eo tròn rốn nông



2. Bụng nhỏ, chảy, tiếc rằng hơi thấp

sống mạnh mẽ, ham vui thú xác thịt.

- Dạng hình chuông: Vú đầy đặn, hơi chảy xuống.

- Dạng hình quả quýt: Vú hơi nhỏ và bẹt. Nữ có dạng vú này rất sợ đụng chạm thân thể, luôn đề phòng. Nữ có dạng vú này rất chung thủy.

6. Bụng

Dưới ngực là bụng. Bụng cũng rất quan trọng trong xem tướng số. "Bụng tròn hơi chảy, phú quý thọ trường". Bụng nên tròn và dài, bụng tròn thì giàu, bụng dài thì thọ. Người bụng dài có thể sống quá 80 tuổi. Bụng nở hơi thồng, chủ cố uy vọng và quyền thế. Nếu bụng quá cao, nam hiệu sắc, nữ thâm dục; nếu bụng quá thấp bản tiện lại ngu.

To và cao là người đa dâm và lười nhác. Bụng thon vừa phải là dạng đẹp. Nếu to quá độ dày mỡ thì cuộc đời càng ngắn lại khi thắt lưng dài ra.

Nói bụng tất phải nói rốn. Rốn càng sâu càng tốt, càng rộng càng hay. Rốn nên hướng lên trên. Những người rốn sâu sức khỏe tốt, suy nghĩ sâu, cảm giác nhanh nhạy, có tính nhẫn nại. Rốn sâu lại rộng, chủ đạo đức, biết tự kiểm chế. Rốn hướng lên trên chủ chí lớn, biết tích thực lực.

Rốn nông, hẹp, hướng xuống dưới bất lợi. Rốn đại kỵ nghiêng lệch. Nếu vẹo nghiêng, chủ hoang dâm, rốn lồi hại con cháu.

7. Lưng

Lưng là bộ phận dưới cổ trên eo cũng rất quan trọng. Lưng đầy đặn, vuông vức, thẳng bằng là tốt nhất. Những người như vậy tinh lực dồi dào, sức lực dẻo dai. Người xưa rất chú trọng hình dáng của lưng. Họ cho rằng, tướng lưng là nội tướng (tướng bên trong, tức tướng mạo bên trong). Tướng mạo bên trong hơn tướng mạo bên ngoài. Cổ ngữ có câu: "Lưng lõm từng chỗ, không lượng sức mình". Loại người này thể chất yếu ớt, chỉ ham dùng sức, làm việc chậm chạp, cho dù gặp thời cơ, cũng không thành công. Người xưa coi trọng cái lưng của phụ nữ, cho rằng nó quyết định thành công của chồng con (vượng phu ích tử).

- Lưng mỏng mà rộng, ý chí bạc nhược.
- Lưng mềm không nở, chủ dễ sa cơ.
- Lưng gù cánh cung, chủ ham tình dục.
- Lưng lép thành hang, sức lực yếu ớt.



1. Lưng đầy đặn
ngay ngắn



2. Lưng mỏng eo rắn



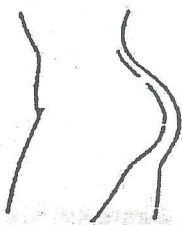
3. Lưng hơi mỏng

8. Nách

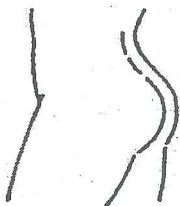
Nách cũng là bộ phận dễ bị bỏ quên, song có lúc lại là nguyên nhân gây ra phiền phức. Nách vẫn là một bộ phận để đánh giá tướng mạo con người.

- Nam không lông nách, khó mà trường thọ.
- Nam ít lông nách, tai họa khó lường.
- Nam lông nách mềm, thông minh thận trọng.
- Lông nách quá nhiều, cuộc đời vất vả.
- Nách thơm mùi hương, quý nhân phù trợ.
- Hôi nách khó chịu, khó mà thành công.
- Nữ không lông nách, sợ sệt vô năng.

Nữ không có lông nách ít tha thiết chuyện ân ái. Nếu là con nhà giàu dễ ly hôn, con nhà nghèo lưu



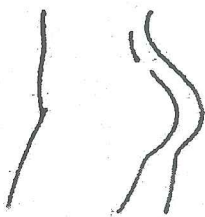
Eo nhỏ, mông hẹp



Mông chắt lại cao



Mông lép bẹt



Mông (nhô) bộ ngực

lạc tha phương.

- Nữ nhiều lông nách, tính dục rất cao.

Lông nhiều mà rậm, dễ đòi ly hôn.

- Nữ lông nách mềm, ôn hòa hiền thực.

Lông nách quá ít, cuộc sống đều đều.

9. Eo

Eo nên bằng, rộng, ngay ngắn, tròn, thẳng, dầy. Riêng đối với nữ vòng eo nhỏ thì tốt.

- Eo rộng lại bằng, sức lực viên mãn.

- Eo nam bé nhỏ, chủ khó trường thọ.

Eo nữ quá nhỏ, chủ ham tình dục.

Nếu eo gầy, trên dưới không đều không trường thọ. Những người eo như lưng, rần, chủ số đào hoa, nếu là nữ tình duyên trục trặc. Nếu eo rần thường quá tham tài,

dễ làm đổ vỡ hạnh phúc gia đình người khác, kết cục tiền tình đều không.

- Eo lưng ngay ngắn, tâm tính hiền hòa.

- Eo lưng thẳng dài, chủ có quyền uy.

Nữ “thắt đáy lưng ong” là người phụ nữ đảm đang, khéo léo, khỏe mạnh, nhẵn nài.

- Eo vẹo nghiêng lệch, chủ hay trí trá.

- Eo hẹp mà mỏng, sức lực yếu ớt.

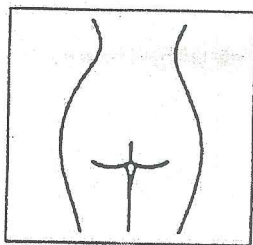
Những người eo bị vẹo lệch (tức không thẳng) phần lớn không chung thủy. Eo cũng không nên quá cao hoặc quá thấp. Quá cao cuộc đời vất vả, chẳng thiết ái ân. Eo mỏng chủ thuộc hạng hèn hạ.

10. Mông

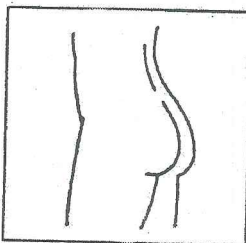
Mông người nam nên tròn, to, lớn. Những người như vậy sức lực dồi dào, nghị lực lớn, trí dũng song toàn. Họ thường là kẻ thành công, dễ đạt phú quý. Người mông to, nhưng mềm thường lười nhác, sợ khó sợ khổ. Nếu mông teo thường thô lỗ, học thức có hạn nhưng tự cao tự đại. Vì vậy khó thành sự nghiệp, về già cô độc khốn khó.

Mông nữ nên vừa phải, bằng phẳng, đầy đặn, tròn trịa chắc. Về màu sắc mông, nam quý màu vàng mịn, nữ quý màu trắng.

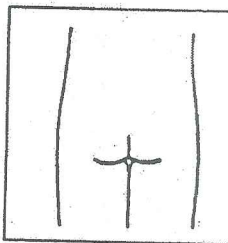
Nếu mông nam trắng, thiếu khí chất đại trượng phu, nếu mông nữ vàng tính tình thô bạo, thiếu nữ tính.



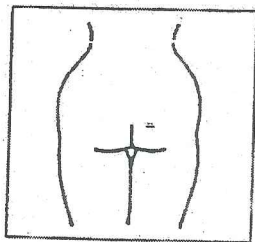
1. Mông tam giác



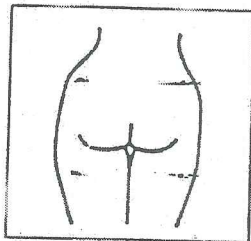
2. Mông thấp chầy



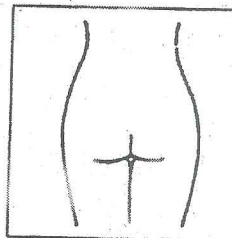
3. Mông thẳng đuồn



4. Mông vuông



5. Mông lục giác



6. Mông vuông chóp

- Mông như bàn thạch, phú quý vinh hoa.

Mông lép tờ giấy, cô khổ nghèo nàn.

- Mông lắc khi đi, chủ ham dâm dục.

Mông nhọn như đinh, nghèo khổ lẻ loi.

Những người nữ mông vừa phải, vượng phu ích tử, sống chung thủy, thận trọng, đoan trang.

- Mông nữ quá nhỏ, khó mà trường thọ.

- Mông nữ chắc khỏe, phú quý thọ trường.

Mông thường được chia thành những loại sau:

+ Loại mộng hẹp: Những người này giàu tướng tượng, nữ dễ sa ngã. Bề ngoài tỏ ra lạnh lùng song tâm hồn rất lãng mạn.

+ Loại mộng chắc và cao: Nữ loại này khỏe mạnh, trọng lý trí, không sa vào tình ái làm ảnh hưởng công việc, kín đáo.

+ Loại mộng lép và bẹt: Tình cảm thất thường, tính tự vệ cảnh giác cao. Chỉ cần phát hiện một vết son hoặc một sợi tóc lạ, máu ghen nổi lên, suy đoán lung tung. Loại người này thiếu lòng tự tin vì sức lực yếu ớt.

+ Loại mộng bộ ngựa: Nữ loại này thích nổi trội, thích được con trai nịnh nọt. Bất cứ trường hợp nào, cũng muốn nổi bật cho dù phải trả giá đắt. Dù gặp người yêu, họ vẫn thể hiện dáng khêu gợi. Tuy họ không thận trọng chọn bạn tình, song lại đòi hỏi bạn tình không được "vượt rào". Họ rất dễ bị mắc chứng "lãnh cảm tình dục".

Loại thẳng đuốn: Vòng thứ ba (vòng mộng) của họ không rõ ràng, song tính dục phong phú, tình cảm dễ thăng hoa. Lúc đó, họ dám làm tất cả, dám ăn "trái cấm". Họ vẫn tôn trọng truyền thống, không buông thả, chung thủy hiển thực. Nếu chồng không cảm thông hòa hợp, họ kiên quyết tìm bạn trai ngay.

+ Loại mộng thấp, chảy: Họ là những người nữ biết đúng sai, tâm hồn rộng rãi, vui vẻ. Nhìn bề ngoài tưởng họ không dịu dàng, thiếu nữ tính song họ lại được chồng say mê. Đối với những người này, chồng được hưởng hạnh phúc ân ái đầy đủ. Họ là phụ nữ tự cường không muốn nhờ vả bất cứ ai.

+ Mông tam giác: Họ là người nữ eo nhỏ mông to tạo thành hình tam giác, bề ngoài hòa nhã, bên trong ý chí mạnh mẽ, kiên quyết. Họ thích trang điểm, có thể thích ứng mọi trường hợp. Tuy giao tiếp rộng, song không dễ phát triển tình cảm với người lạ, khéo léo từ chối những kẻ họ không thích.

Quan niệm tình dục của họ hơi thoáng, coi tình dục là con đường đạt khoái cảm.

+ Loại mông hình elip: Loại mông này không nhiều, song gợi cảm, do sự cân đối hài hòa. Đó là những người phụ nữ thông minh, vừa có lý vừa có tình, suy nghĩ thấu đáo. Việc gì họ cũng muốn lý trí số một, tình cảm số hai.

+ Loại mông lục giác: Hình dáng giống như hình lục giác. Họ là người mềm yếu về tính cách, dịu dàng, biết chịu đựng. Tướng mông lục giác phần lớn khắc phu. Họ không ham ân ái, tình cảm phải có thời gian chuẩn bị, họ mới đạt tới cực thịnh.

+ Loại mông vuông: Người loại này lạc quan, cởi mở, không thích trang điểm, giỏi chịu đựng, đòi hỏi ân ái nhiều.

11. Chân

Kinh nghiệm dân gian: Chân to, nhiều gân, và thịt là người khỏe mạnh nhưng liều và nghèo kiến thức. Chân nhỏ kém sức lực, tính nhút nhát nhưng mềm mỏng. Chân nhiều lông là người ham khoái lạc, háo danh nhưng nhẹ dạ và hay thay đổi. Phụ nữ mà lông chân nhiều như đàn ông, cộng với lông mày rậm, mắt ướt át liếc xéo là thuộc loại đa tình

duk tính mãnh liệt.

Đầu gối cứng cáp và khô khan là người tráng kiện, đi nhanh, lòng dạ rộng rãi. Đầu gối to là người ít ham công việc hay hành động xằng bậy, tính tình phách lối kiêu căng.

Bàn chân dài gân guốc, đều đặn là người mạnh dạn. Bàn chân hẹp, thiếu đều đặn, người hèn nhát, thiếu sáng kiến. Mập và nhỏ là người kém sức lực. Ngắn và nhỏ là người hiểm độc. Rộng và bằng là người xấu xa dễ tiện.

Chân là bộ phận nâng cả cơ thể, vì vậy không những cần chắc chắn mà còn cần thẳng, cân đối, vừa phải. Nữ kỵ chân to. Sau đây là một số dự báo:

Tám điều kỵ về tướng mạo chân:

1- Kỵ bước đi bàn chân lệch: Ít được mọi người coi trọng.

2- Kỵ chân quắt, bàn chân mỏng: Sức lực yếu, ý chí yếu ớt, tính tự lập kém.

3- Kỵ chân ngắn: Khó đỡ cơ thể, hình thành thể trên nặng dưới nhẹ, bụng dạ hẹp hòi khó làm to; việc gì cũng so đo, nên không được mọi người ủng hộ.

4- Kỵ chân nhỏ: Chân nhỏ, không có chí hướng lớn, không chăm chỉ, nhưng lại ham hưởng thụ vật chất, dễ sa vào vòng tội lỗi.

5- Kỵ da chân khô, thô: Loại người này tính chủ quan, cố chấp, lỗ mãng, làm việc lớn không thành, nhưng trọng tình nghĩa, ưa khí tiết.

6- Ky khô không có khí huyết: Loại người này coi nhẹ tình nghĩa, ham lợi, có lợi là làm. Do loại người này ích kỷ hại nhân, nên rất ít bạn.

7- Ky chân nhọn: Chân nhọn hèn nhát, hay bị kẻ khác đè nén, không dám đối chọi, cam tâm chịu oan ức.

8- Ky chân ống giang, không có bắp chân: Ít trí tuệ, xử sự bất minh, vất vả cả đời, không ham muốn gì, cũng không thành công.

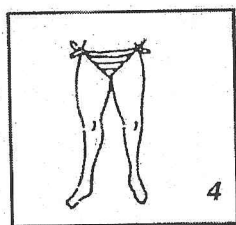
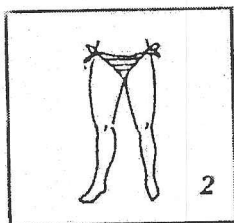
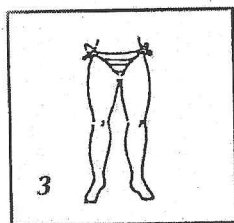
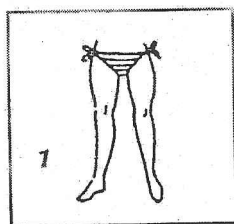
17 tính cách của 17 loại chân nữ giới:

1- Bắp chân khá to, chân khá dài: Những người nữ như vậy có thân hình đẹp, bề ngoài dịu dàng, ăn mặc gợi cảm, đòi hỏi ái ân mạnh mẽ, khiến chồng dễ suy sụp sức lực. Đó là loại người hưởng thụ.

2- Bắp chân khá to, chân ngắn: Nữ loại này coi trọng lý trí, tính quyết đoán, thích làm nũng. Cho dù bị bỏ rơi, nhưng khôi phục rất nhanh. Tính tình khó chịu vì thiếu dịu dàng.

3- Nửa thân trên mảnh, bắp chân khá thô: Do bắp chân to nên có ý chí mạnh, làm việc giỏi, có trực giác nhạy bén, tuy chỉ thích tình cảm tự nhiên.

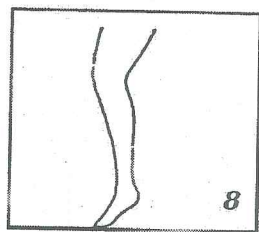
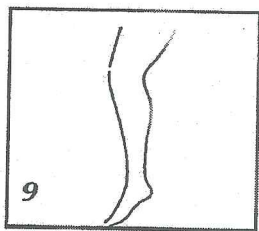
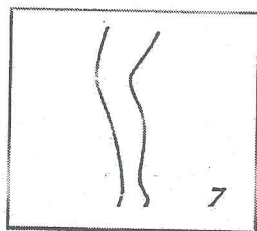
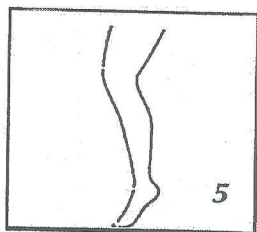
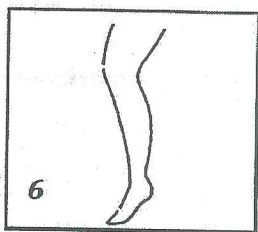
4- Bắp chân khá lớn, chân thon: Có khí chất cao quý, xử lý sự việc giỏi. Đó là những nữ ca sỹ, diễn viên điện ảnh. Họ không thích uống rượu, song lại có tửu lượng vô địch. Họ thích ăn mặc hòa lệ, thích nổi trội thích nói chuyện dí dỏm. Ái ân mãnh liệt.



Hình: 17 mẫu chân nữ giới

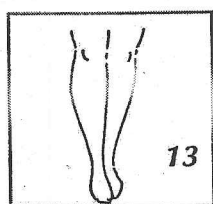
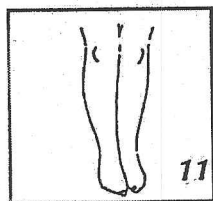
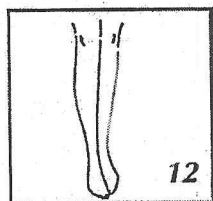
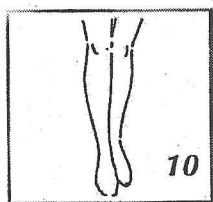
5- Bắp chân bé, chân dài: Loại người nữ này sáng suốt, tự tin, hành động nhanh nhẹn, biết thẩm mỹ. Họ thích tình cảm tự nhiên, chú trọng dáng bề ngoài.

6- Bắp chân đầy đặn, chân dài: Giới xã giao, thích săn sóc làn da, tính độc lập cao, chú trọng tâm linh. Họ không tiếc công sức tranh thủ người con trai



Hình: 17 mẫu chân nữ giới

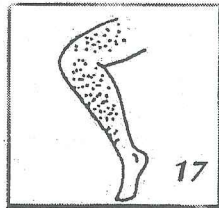
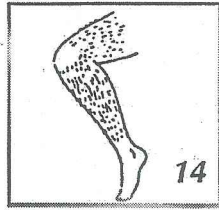
mà họ hăm mộ. Họ cũng không ngừng thay đổi bạn trai để lấy lại cân bằng tâm lý, khiến mọi người cho rằng họ sống không thể thiếu con trai. Họ không phải là bà chủ lý tưởng trong gia đình.



Hình: 17 mẫu chân nữ giới

7- Bắp chân đầy đặn: Tính ôn hòa, cởi mở, khiêm tốn, da dễ mịn bóng. Đây là dạng phụ nữ dịu dàng tự tin, nữ tính, cũng là dạng phụ nữ truyền thống. Họ không thích tình cảm lộ liễu, ưa thích tình cảm kín đáo. Nếu da họ không mịn bóng, dễ bị dục dỗ sa ngã.

8- Bắp chân thon, chân ngắn: Tính tự vệ cao, luôn cảnh giác đề phòng. Đây là loại hình phụ nữ mắc chứng thần kinh độ nhẹ. Cuộc sống của họ



Hình: 17 mẫu chân nữ giới

căng thẳng. Họ hành động nhanh nhẹn, làm việc cần cù, thích hư vinh và muốn mình là trung tâm.

9- Bắp chân đầy đặn, chân ngắn: Tuy khỏe mạnh, nhưng suy nghĩ chậm, hành động chậm. Họ tuy thừa sức lực song không thích hoạt động, tư tưởng khá bảo thủ. Loại nữ này nếu bị tán tỉnh sẽ cháy lên ngọn lửa tình dục, song họ sẽ bám chặt không rời người có quan hệ tình cảm với mình.

10- Bắp chân thon, gót chân chắc: Thích tự do, chủ động tiếp xúc với người khác, giao tiếp rộng rãi, nhưng ít để lộ tình cảm. Thể chất họ khá yếu.

11- Bắp chân khá thô, gót chân thô: Năng lực thích ứng tốt, làm việc theo kế hoạch thuộc loại phụ nữ ý chí kiên cường, sống hòa thuận với người nhà. Quản lý gia đình gọn gàng, thuộc loại hình hiền thể lương mẫu, không ham ái ân.

12- Từ đầu gối đến gót chân nhỏ (khắc khiu), bắp chân bé, chân ống giang: Tính tình hoạt bát, cởi mở, dịu dàng tâm lý hòa thuận tốt đẹp.

13- Bắp chân thô, gót chân chắc: Sức sống mạnh mẽ, làm việc đến cùng, tình cảm phong phú.

14- Lòng chân thô đen: Ý chí kiên cường, làm việc nhanh. Họ được nam giới ưa thích, bạn bè tin tưởng, mạnh dạn, có năng lực hòa giải, không chịu thừa nhận sai lầm, không ham ái ân.

15- Lòng chân rậm rạp: Đối xử nhiệt tình, sống có tình cảm, năng lực tình dục mạnh hay ghen.

16- Lòng chân quần tít: Làm việc cẩn thận, tính tình vui vẻ, năng lực giúp người, ít ham ái ân.

17- Lòng chân màu trà: Vừa chăm vừa lười, vừa mạnh vừa yếu, nhưng không thích bị tình cảm ràng buộc.

12. Tóc, râu

Tóc dài, thưa mà đẹp là thông minh, phú quý sống lâu. Tóc ngắn, cứng, thô, màu vàng là can trường nhưng lao khổ. Tóc mai rối loạn, khô khan suốt đời ưu sầu, lo toan. Tóc vàng, khô khốc không nghèo cũng chết yểu. Tóc dài quá mông thì sống lâu giàu có, phú quý. Râu mép, tóc mai thanh tú, mượt mà thì có danh tiếng lẫy lừng. Râu cằm, râu mép mà khô loạn thì bản hàn. Nếu mọc ngược thì khắc mọi người, không trở thành giặc cướp thì cũng thành tên phản phúc.

13. Hoan cốt (Xương gò má)

Xương gò má cao, đầy đặn có oai quyền. Hai xương má cao ngang Thiên đình thì vạn người sợ oai. Mỗi bên má không đều nhau thì bại gia (bên cao, bên thấp). Xương thấp quá không xứng với mặt là người không nghị lực. Cao mà hãm vào mũi thì có thành rồi cũng bại. Mũi cao xứng với hai gò má thì có nhiều người giúp sức, phù trợ. Xương gò má cao (đàn bà) thì quyền lẫn chồng (hiếp chồng). Đàn bà có gò má cao mà nhọn thì ba đời sát chồng. Gò má có màu xanh hãm thì anh em rầy la, mất đoàn kết. Gò má có màu quá trắng hãm thì anh em có tai nạn. Phụ nữ có gò má quá cao là tướng lẫn át chồng, khổ về đường tình duyên, lẳng đặng vì Dương thị Âm suy nghịch cách. Cộng với giọng nói như phèng la bệ hoặc sang sang tiếng đồng thì đời chẳng sát chồng cũng bại con.

14. Nhân trung

(Điểm ở môi trên, dưới mũi, trên miệng)

Nhân trung sâu mà dài thì con cháu hưởng phước lâu dài. Nhân trung ngắn, cạn thì ít con cháu. Nhân trung cao mà dày thì thường chết sớm. Nhân trung bằng mà rộng thì không có con. Các nhà y gia xem người phụ nữ buồng trứng có tốt hay xấu là dựa trên hai bờ nhân trung.

15. Pháp lệnh

(Hai bên khóe mũi, trên khóe miệng)

Đường Pháp lệnh rõ ràng chạy thẳng xuống Địa các thì có oai quyền và phú quý. Pháp lệnh ngắn mà nhọn thì nghèo hoặc chết yểu. Pháp lệnh dài đến Địa các (cằm) thì được phước thọ đầy đủ. Ngắn mà quắp vào miệng thì bản hàn, chết đói. Pháp lệnh xung phá (ngắn mà tan ra) thì quá nghèo. Có ngắn tròn, dài thì đủ ăn, đủ mặc.

IV.

NGÔN NGỮ TƯ THẾ, CỬ CHỈ, HÀNH VI^(*)

Khoa học hiện đại hiện đã có nhiều công trình nghiên cứu về ngôn ngữ của hành vi, cử chỉ và đã đạt được những thành tựu đáng kể. Nghiên cứu cho thấy trong giao tiếp có tới 55% thông tin được truyền đạt qua cử chỉ, hành vi, chỉ có không tới 33% thông tin truyền đạt qua ngôn ngữ bằng lời. Mặt khác, loại ngôn ngữ này lại bộc lộ tính trung thực hơn hẳn ngôn ngữ bằng lời của con người. Điều đó cho thấy việc xét đoán người qua giao tiếp rất hiệu quả nếu biết thuật quan sát hành vi, cử chỉ và tư thế.

Không biết tướng mạo học cũng có thể qua cử chỉ, hành vi biết được người tốt kẻ xấu, kẻ trung người phản. Song nếu biết tướng họ qua cử chỉ, có thể nhận xét đánh giá được trạng thái tâm lý con người chính xác, đúng đắn hơn.

(*) Phần này khác với phần II - Ngũ quan luận (mang tính chất ca dao)

I. KINH NGHIỆM DÂN GIAN

a) Cử chỉ

Một người giao hoạt luôn luôn có đôi mắt xếch và đôi tròng không nghỉ ngơi, lúc ngồi như co rút hai vai lại, đầu cúi về phía trước, tai vểnh lên như lắng nghe.

Người kiên nhẫn lúc nào cũng ngay ngắn, đang hoàng lúc đi cũng như lúc ngồi, luôn luôn trầm mặc, đoan trang.

Người ích kỷ và cơ hội rất khó khám phá vì luôn luôn có cử chỉ dè dặt, luôn tỏ ra cho mọi người biết mình là người đứng đắn và rất đa nghi. Khi lắng nghe việc gì như quên những người xung quanh.

Người chính trực luôn luôn có cử chỉ tự nhiên. Ngoài những điểm trong hai bàn tay, không cho phép chúng ta nhận xét vội vàng về người chính trực, vì bên ngoài họ có vẻ hòa hoãn, gần như tầm thường.

Người bất chính nhận xét càng khó khăn hơn, nếu không cân nhắc cử chỉ và lời nói thì sẽ lầm với người nhút nhát, rụt rè. Người rụt rè không bao giờ có cử chỉ hòa hoãn, trái lại đôi mắt luôn luôn nhìn xuống, đầu hơi cúi như lúc nào cũng sợ sệt, tự ti.

b, Dáng điệu

Người có bước đi dài thong thả là người có nghị lực, nóng nảy hay gặp may. Bước đi nhanh nhưng gấp rút chân không bén đất là người thiếu thận trọng, cơ cực suốt đời. Bước chậm, nặng nề là người can đảm. Bước đi nhún nhảy là người kiêu hãnh, tự cao,

tự đại. Bước đi khoan thai gần như đếm được, rất giàu nghị lực, vượt được nguy hiểm và dễ thành công.

Người hay xòe tay ra trong lúc đi là thiếu khôn ngoan. Nửa xòe nửa nắm là người nhút nhát. Nắm lại là người phóng đảng, thỉnh thoảng vuốt trán là người hay nghĩ ngợi. Hay quẹt mồm là người thiếu thành thật. Ưa gãi tai là người đa mưu, gãi cằm là người tự phụ, khoe khoang xác xược. Thỉnh thoảng thắt thêm dây nịt, hoặc thọc tay vào túi là vụng về, thô lỗ. Chắp tay ra sau lưng là người hay lên mặt, dạy đời. Hay búng tay, bẻ ngón tay là người ưa phỉnh gạt, dối trá, ưa nịnh.

Lúc ngủ, xòe bàn tay là phá cửa, nắm lại là keo kiệt, nửa xòe nửa nắm là người nhân ái.

Khi nói chuyện ngón cái dút vào ngón khác là người có tính bủn xỉn. Tay hoạt động theo miệng là người dễ giận dễ hờn. Vừa nói vừa khua tay là người ít suy xét đúng đắn. Hay cười không đâu, lúc chào thân mình cứng đờ là người thiếu xét đoán. Hay cười là người gian xảo, khinh người.

Người có dáng do dự, vẻ mặt nhăn nhó là người kém thông minh, không hoạt bát hay gặp thất bại. Người đàn bà dáng đi vụng về, cục mịch, không khoan thai, lúc sàng bên này, lúc sàng bên nọ như rỗng rần, đôi mắt có vẻ kiêu hãnh, dù có đẹp, mềm mỏng cho mấy cũng đáng ngại. Vì người đó có trái tim sắt đá và hay trả thù như Võ Tắc Thiên hay Từ Hy Thái Hậu.

II. KHẢO SÁT MỘT SỐ ĐỘNG THÁI

Bộ mặt của con người thể hiện qua bảy sắc thái tình cảm (thất tình):

Hỷ (vui), nộ (tức giận), bi (bi ai, buồn thương), khùng (sợ hãi), ái (yêu quý), dục (ham muốn), tăng (ghét).

Vì sao loài người lại có bản lĩnh này? Cơ mặt con người có thể điều khiển hành vi. Những cơ mặt này phục tùng sự chỉ huy của thần kinh trung ương trong não. Khi cơ ở bộ phận nào đó trên mặt co lại hoặc giãn ra, biểu thị tình cảm và ý niệm của người đó.

Mắt ngược lên trên (mắt ngược, ngực ưỡn): Tư thế này có thể điều chỉnh sự vận hành của mạch máu não và hoạt động của phổi. Người có tư thế này, tư tưởng của họ bình thường, có ý chí vươn lên. Nếu thường xuyên có tư thế này là kẻ kiêu ngạo và cố tình làm như vậy bị coi là tiểu nhân đặc chí, bởi dáng vẻ vênh vênh vào vào.

1. Mắt

- Mắt nhắm hoặc hơi mở, suy nghĩ mông lung.

Con mắt là cửa sổ tâm hồn, mắt dương lên biểu thị thái độ phẫn nộ.

- Mắt nhìn thẳng, biểu thị tình cảm bình tĩnh.

- Chớp mắt liên tục, lời nói không đi đôi với việc làm.

- Mắt nhìn xiên lệch, hoang dã vô độ.

- Mi mắt sệ xuống, không biết phải trái.

- Nữ mắt phải to, luôn muốn làm chủ.
 - Nữ mắt trái to, ôn hòa nhu thuận.
 - Nốt ruồi trong mắt, trung niên thay chồng.
- Gặp người cười tít, nữ khổ vì tình.

2. Mũi

- Mũi nữ nhọn cao, là tướng khắc phu.
- Mũi to mà cao, khắc phu đã rõ.
- Lỗ mũi hồng đào, tình không chân thực (nữ).

3. Môi

- Môi mím, biểu thị ý chí kiên cường.
- Môi mím hở, biểu thị tâm trạng vui vẻ.
- Môi hơi hở, ý chí yếu ớt, có lúc biểu thị chấp nhận đối phương, tự nguyện hợp tác hoặc kết giao.
- Môi dưới quá trề, người không tình nghĩa.

4. Răng

- Răng đều tăm tắp, nói năng thật thà.
- Răng nhô khắp khểnh, nói năng trí trá.

5. Lông mày

- Lông mày nhẵn lại, gặp việc không vui.

Phạm gặp chuyện không như ý, người ta thường nhẵn lông mày.

- Xương mày nữ cao, mạnh mẽ khắc phu.

6. Tóc

- Tóc mịn và bóng, vinh hoa phú quý.
- Tóc mà quá rậm, nghèo khổ bần tiện.
- Phụ nữ tóc thơm, quý hết chỗ nói.
- Phụ nữ tóc cứng, tất sẽ cô đơn.
- Nữ mập tóc thưa, không phải quý tướng.
- Nữ gầy tóc nhiều, rất dễ ly dị.
- Nữ tóc bạc sớm, dễ bị bỏ rơi.
- Tóc thô quền cao, khắc phu khắc tử.
- * Quyển: Lương quền, xương gò má.

7. Tai

- Tai mỏng hồng trơn, tình dễ động tâm.
- Tai quá mỏng mềm, dễ tin người nói.
- Tai to tai nhỏ, phá nghiệp như chơi.
- Dái tai dày dạn, sự nghiệp hanh thông.

8. Mặt

- Mặt to, mũi nhỏ, ngoại tình ly hôn.
- Mặt dài, mắt to, hại phu khắc tử (nữ).
- Mặt nhiều gân ngang, lưu lạc khắp nơi.

9. Cổ

- Cổ thô chân lớn, hình khắc bạn đời.
- Cổ quá cổ, tà niệm cực sâu (nữ đại kỵ).

10. Trán, đầu, vai, lưng, thân, thái dương

- Trán như bôi mỡ, cuộc đời cô đơn.
- Đầu nhỏ, tóc dài, dễ làm vợ bé.
- Phụ nữ vai cao, khắc phu khắc tử.
- Nam giới vai cao, sự nghiệp thành công.
- Lưng tròn đầy đặn, quý hết chỗ nói.
- Thân nhón như mỡ, dâm mà không con.
- Nốt ruồi thái dương, vinh hoa phú quý.

11. Ấn đường, nhân trung

(Ấn đường: Điểm nằm ở giữa hai bên lông mày).

- Ấn đường quá lõm, phiêu bạt tha hương.
- Nhân trung mà sâu, con cái đông đúc.
- Nhân trung cong, vết, yếu mà vô con.

12. Giọng nói

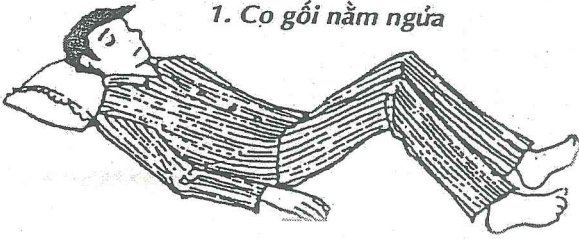
- Nam nữ giọng cao, ngay thẳng quang minh.
- Nam giới giọng trầm, thẳng thắn vui vẻ.
- Giọng điệu tàn mát, bạc tình hiếu sắc.
- Nữ hay ngụy biện, nói nhiều làm ít.
- Tiếng nói thâm thì, nội tâm hiểm độc.
- Nói phun nước bọt, cố chấp làm bữa.
- Giọng nói chói tai, khắc phu khắc tử.
- Giọng nữ như nam, hay gân tranh cãi.

- Khi nói nhắm mắt, tình cảm vụng trộm.
- Cười chảy nước mắt, dễ bị bắt nạt.
- Tiếng cười rên rỉ, đề phòng họa tai.

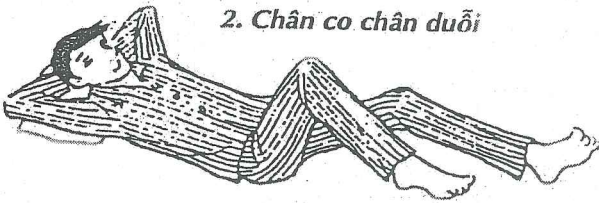
13. Ngồi (tư thế ngồi)

- Ngồi chống mang tai, tình đầu bất lợi.
- Ngồi co ro thân, đa tình dối trá.
- Ngồi dang hai tay, muốn tình vụng trộm.
- Ngồi mà xoa bụng, chán ghét ái ân (nữ).
- Ngồi dang hai chân, không nệ tiểu tiết.
- Ngồi rung lắc người, dục tình mạnh mẽ.
- Hút thuốc liên miên, nội tâm giằng xé.
- Tay trái cầm thuốc, người nữ giỏi giang (trung niên).
- Tay phải cầm thuốc, phụ nữ háo tình (trung niên).
- Ngồi co chân lại, khí lượng rất nhỏ.
- Vừa lắc vừa nói, dục niệm rất mạnh.
- Ngồi ngay vững vàng, giữ lời hứa hẹn.
- Chủ ngồi không vững, tính hay do dự.
- Ngồi ngả ngồi nghiêng, tinh thần hoảng hốt.
- Ngồi hay dựa lệch, chủ thiếu tự tin.
- Hơi cúi về trước, chủ tình hòa nhã (dễ bị lợi dụng).

1. Co gối nằm ngửa



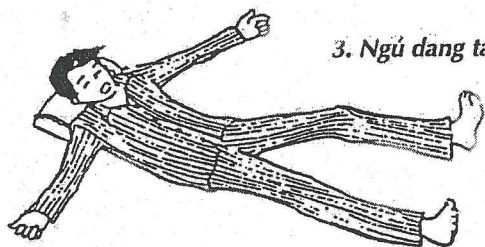
2. Chân co chân duỗi



- Hơi ngửa về sau, chủ tính tự tin.
- Ngồi lệch một bên, chủ tính nóng nảy.
- Hai tay nắm lại, chủ đang suy tính (cảnh giác người này).
- Nữ ngồi uể oải, suy nghĩ hỗn loạn.
- Hai tay đỡ chông, chủ thiếu nhân nại.
- Nữ ngồi rối tóc, suy nghĩ dục tình.

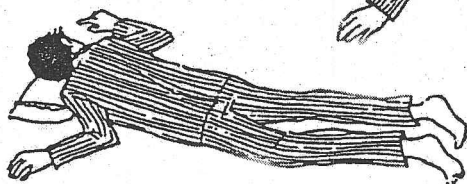
14. Nằm (tư thế nằm)

- Co gối nằm ngửa, cởi mở thận trọng.
- Co gối một chân, sáng tạo, chí lớn.
- Ngủ dang tay chân, rộng rãi hiệp sĩ.
- Nằm co chữ "khẩu", linh hoạt sáng tạo.

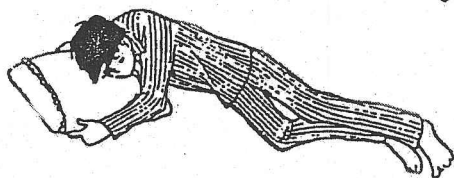


3. Ngủ dang tay chân

4. Nằm co chữ khẩu

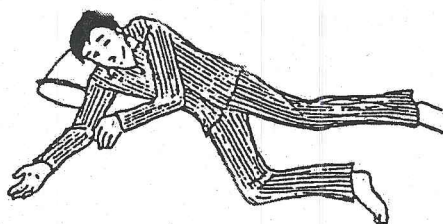
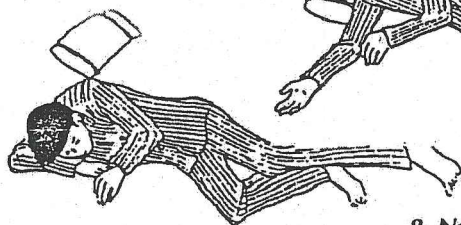


5. Nằm sấp



6. Nằm ôm gối

7. Nằm nghiêng chân



8. Ngủ bỏ gối

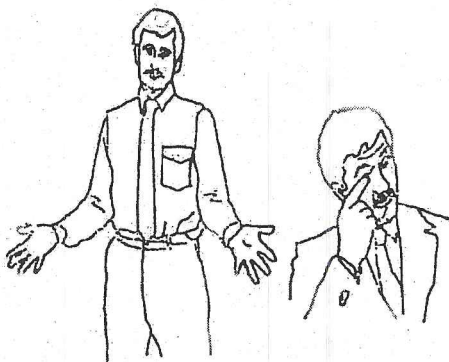
- Nằm sấp dang tay, suy nghĩ thấu đáo.
- Nằm nghiêng chân dượng, dục vọng quá nhiều.
- Nằm nghiêng ôm gối, suy nghĩ kỹ càng.
- Nằm xa gối, tính độc lập cao, giỏi ăn nói, tính cao ngạo, thiếu kìm chế.

15. Đi (bước đi)

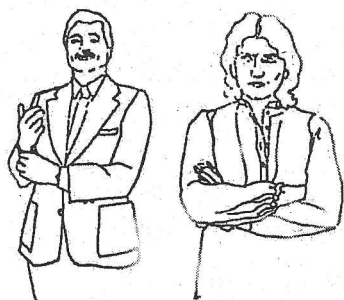
- Bước đi nhẹ nhàng, tâm trạng vui vẻ.
- Bước đi chắc chắn, sức lực dồi dào.
- Cúi đầu bước đi, tâm sự trùng trùng.
- Bước đi nhún nhảy, trong lòng bất an.
- Bước đi vội vã, ý chí nhu nhược.
- Gót chân lết đất, đoán mệnh hiếu sắc.
- Nữ chân bước dài, tự lập mạnh mẽ.
- Đầu lao đi trước, cuối đời cô đơn.
- Quay đầu nhìn lại, ghen ghét đa nghi.
- Náo ngang náo ngựa, vội vàng bộp chộp.

16. Dự báo trạng thái tâm lý qua một số tư thế con người thường thấy.

(Hình 1) Hai bàn tay xòe ra, mười ngón tay duỗi thẳng, hai cánh tay dang rộng, hai chân đứng ở tư thế mở rộng. Người có tư thế này thường biểu hiện là người ngay thẳng không ức hiếp người khác.



Hình 1 - 2



Hình 3 - 4

(Hình 2) Thể hiện sự giả dối, thiếu thành khẩn và thiếu tích cực. Khi anh ta nheo mắt, mắt nhìn xuống đất, lông mày nhếch lên, đầu nghiêng sang một bên và hơi cúi xuống.

(Hình 3) Thiếu sự tự tin. Một người khi đi ngang qua mỉm cười, nhưng tay trái của anh ta vắt ngang trước người và sờ vào đồng hồ đeo tay để lộ một phần của cánh tay

(Hình 4) Bất đồng với đối phương. Đầu và cơ thể của cô ta không hướng vào đối phương mà đầu hơi cúi xuống, mắt lườm đối phương (không đồng ý) lông mày chau lại (tức giận) hai tay đan chéo trước

ngực (phòng ngực), mép hơi trề xuống.

(Hình 5) Tư thế ngồi này thể hiện thái độ tiêu cực, ôm cặp tài liệu trước ngực tạo thành lá chắn, tay ôm ngang người, hai chân bắt chéo, khuy áo cài rất chặt, mắt đeo kính đen, trên mặt có rất nhiều râu, khiến người khác thấy nghi ngờ.



Hình 5

(Hình 6) Tư thế đàm thoại và sẵn sàng tranh luận. Người bên trái, hai tay chống vào hông, thái độ tiêu cực, người bên phải thì cho ngón cái vào trong cặp quần. Còn người bên phải đứng đối diện với đối phương thể hiện tư thế chủ động.

(Hình 7) Ba thái độ khác nhau: Người ngồi ở phía bên trái thể hiện có ý muốn chủ trì buổi thảo luận này hoặc muốn chi phối người ngồi phía đối diện.

Người ngồi phía bên phải mặc dù ngồi đối diện đối phương nhưng hai tay anh ta đan chéo trước ngực, hai chân bắt chéo điều này thể hiện sự bực tức của anh ta trong tranh luận.

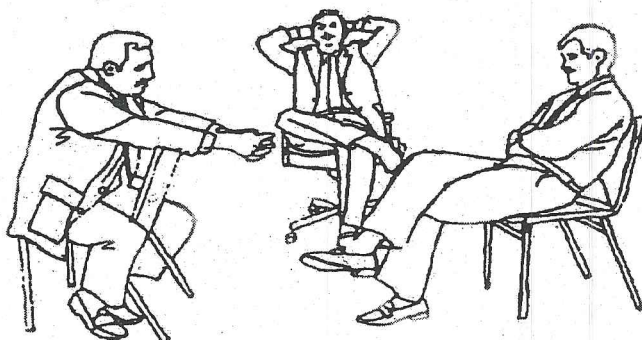
Còn người ngồi ở giữa hai tay chắp phía sau đầu, chân của anh ta bắt chéo chữ ngũ thể hiện sự cạnh tranh và sẵn sàng tranh luận đến cùng về một vấn đề gì đó, hai tay và hai chân đều đan chéo nhau thể hiện tư thế phòng ngực đầu hơi cúi xuống cho thấy rằng anh ta không thích nghe lời đối phương đang nói.



H 61



H 62



H 63

Hình 6 - 7

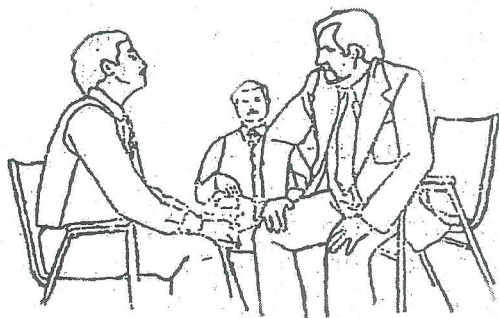
(Hình 8) Một cuộc trao đổi thộ lộ tình cảm.

Cô gái đang khao khát tình yêu. Một chân ở phía trước, tay phải chắp vào hông và nhét ngón cái vào trong cặp quần, cánh tay trái giơ lên, khói thuốc trong miệng hướng lên phía trên thể hiện sự tự tin, tích cực. Người bạn trai đứng giữa đang thể hiện sự không hài lòng vì anh ta đang nhìn về hướng khác với ánh mắt tức giận, tay trái cho vào trong túi quần và thổi khói thuốc xuống phía dưới (thể hiện thái độ tiêu cực), tựa người vào tường.



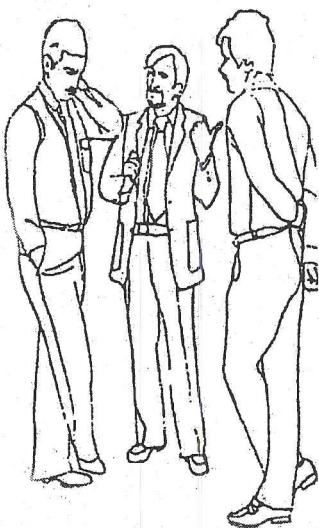
Hình 8

(Hình 9) Người ngồi bên trái đang chiếm ưu thế hơn so với người ngồi đối diện. Mắt của anh ta nhắm lại, đầu ngẩng lên, nhưng hai đầu gối chụm lại, hai tay cầm cốc tạo thành một tư thế cảnh giác. Người ngồi giữa dường như mất vai trò, anh ta ngồi tựa lưng vào ghế, đầu ngay ngắn thể hiện sự bàng quan. Người ngồi phía bên phải thể hiện thái độ đã nghe đủ rồi, người hơi lao về phía trước, chuẩn bị đứng dậy, mắt nhắm lại, cằm hơi trễ xuống, đầu cũng hơi cúi xuống, tư thế này biểu hiện sự không đồng ý.



Hình 9

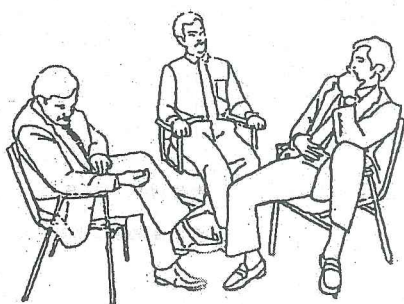
(Hình 10) Người đứng ở phía bên trái và bên phải đều ở tư thế không cởi mở, thể hiện sự không hoan nghênh đối với người đứng giữa. Người đứng giữa tỏ ra có ưu thế hơn, tay phải của anh ta nắm vạt áo, ngón trỏ của tay trái giơ ra chỉ vào người phía bên trái. Người đứng ở bên trái hai chân đan chéo, hai tay vắt ra sau lưng quan sát người đứng giữa. Người bên phải dường như cũng không để ý đến thái độ



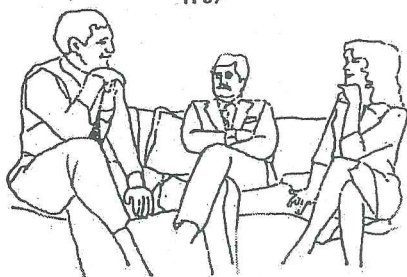
Hình 10

của người đứng giữa, hai chân của anh ta đan chéo vào nhau, tay phải đút túi quần, nhìn xuống đất, tay trái gãi tai thể hiện sự không vui.

(Hình 11) Cảnh tượng này thể hiện không khí căng thẳng. 3 người đều ngồi tựa vào ghế, và giữ khoảng cách với nhau. Người ngồi bên phải chính là người gây ra sự căng thẳng này. Khi anh ta nói tay đưa lên bịt mũi (lừa dối) tay phải đặt ngang bụng (phòng thủ) mặt chân vắt lên thành ghế, người nghiêng sang một bên, tư thế này thể hiện thái độ không quan tâm. Người ngồi bên trái tỏ ra không đồng ý với người ngồi đối diện, tay anh ta đang nhặt những sợi vải vụn trên áo (không tán đồng) hai chân bắt chéo (phòng thủ). Người ngồi giữa muốn phát



H 67



Hình 11 - 12

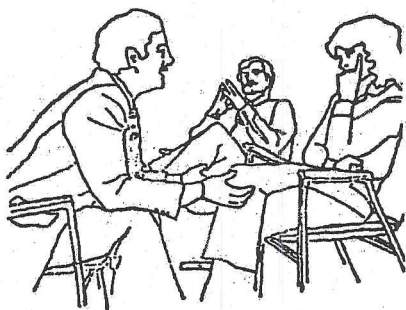
biểu ý kiến nhưng kiểm chế, hai tay vịn vào hai thành ghế, hai chân đan chéo thể hiện tư thế kiểm chế, mắt và cơ thể hướng về phía người ngồi bên phải thể hiện thái độ thách thức.

(Hình 12) Cả nam và nữ đều ngồi ở cùng một tư thế, thể hiện sự hứng thú trong cuộc trò chuyện. Người ngồi giữa ngậm chặt miệng

và giả cười biểu thị sự ủng hộ đối với ý kiến của người ngồi bên trái, nhưng đầu anh ta hơi cúi, chau mày lại và quan sát đối phương, những động tác này không nhất quán với nụ cười của anh ta. Ngoài ra hai tay và hai chân đều đan chéo thành tư thế phòng thủ. Nói chung những động tác trên của người ngồi giữa thể hiện thái độ tiêu cực.

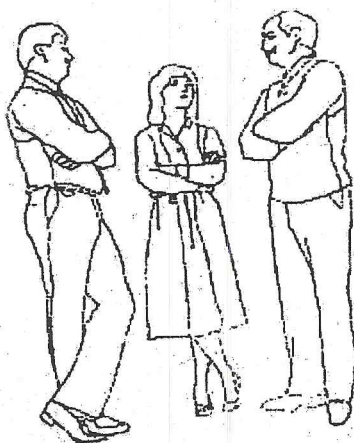
(Hình 12) Người đàn ông ở phía bên trái ngồi ở tư thế thể hiện sự thành khẩn, cởi mở hai tay xòe ra, đầu ngẩng lên, người hơi lao về phía trước, trên mặt còn nở một nụ cười. Tuy nhiên, những lời anh ta nói không thuyết phục được đối phương. Người phụ nữ

này ngồi tựa vào ghế, hai chân đan chéo, một tay đặt ngang trước bụng, bàn tay nắm chặt lại thể hiện sự phòng thủ, đầu hơi cúi xuống, một tay chống cằm, thể hiện tư thế nghiêm khắc. Người đàn ông ngồi ở giữa thể hiện tư thế tự nhiên, hai tay chắp hình tháp, hai chân chắp chữ ngũ, ngồi tựa vào ghế, đầu cũng hơi cúi xuống thể hiện thái độ tiêu cực.



H69

Hình 12



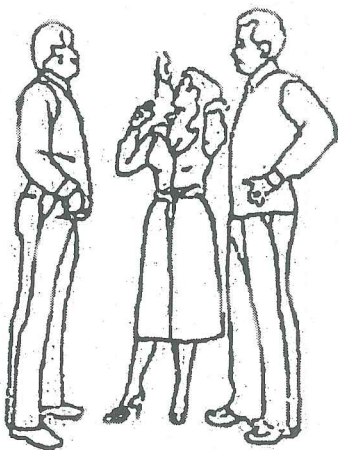
Hình 13

(Hình 13) Ba người đều thể hiện tư thế phòng thủ, hai tay và hai chân đều đan chéo nhau, mỗi người quay một hướng, rất có thể họ mới gặp nhau lần

đầu. Người đàn ông bên phải cô gái có vẻ rất quan tâm đến cô ta, mũi chân phải của anh ta hướng về phía cô gái, lông mày nhíu lên và mỉm cười, người của anh ta cũng nghiêng về phía cô gái.

(Hình 14) Người đàn ông phía bên trái vẫn nhét ngón cái vào cặp quần, hướng mũi chân về phía cô gái, người đứng thẳng nhưng hơi nghiêng về phía cô

gái. Tư thế của cô gái cũng cho thấy cô ta đang rất quan tâm đến người đàn ông bên phải mình, hai chân đứng ở tư thế mở rộng, người hơi nghiêng về phía anh ta, đồng thời cô gái đưa tay lên vuốt mái tóc, làm lộ cổ tay và tăng thêm sức hấp dẫn của bộ ngực, khói thuốc được thổi hướng lên trên thể hiện sự tự tin. Người đàn ông phía bên phải thể hiện không mấy vui vẻ, hai tay của anh chống vào hông thể hiện thái độ không hài lòng. Trạng thái này cho thấy: Người đàn ông phía bên trái đã chiếm được cảm tình của cô gái.



Hình 14

V.

VẾT NHĂN TRÊN MẶT

Vết nhăn thường xuất hiện ở trên trán, đuôi mắt, hai bên miệng. Nhiều người cho rằng, vết nhăn đó thể hiện của sự phong sương. Các nhà tướng mạo học có thể từ các vết nhăn, biết được tính tình và cuộc đời sau này của chủ nhân mang vết nhăn này.

Đời Hán Trung Quốc, có một viên quan tên Đặng Thông, đoạn cuối vết nhăn pháp lệnh (vết nhăn giữa má) của ông ta vòng đến góc miệng. Một thầy tướng nhận xét "Đằng xà nhập khẩu", nghĩa là có ngày ông ta sẽ chết đói. Hán Minh Đế rất quý Đặng Thông, hạ chỉ cho phép ông ta tự in tiền sử dụng, gọi tắt là "Tiền họ Đặng". Nhờ đó cơ nghiệp của ông rất thịnh vượng, và giàu có. Khi Minh Đế băng hà, Cảnh Đế lên ngôi, Đặng Thông bị vu cáo mưu phản. Cảnh Đế hạ lệnh khám xét tịch thu tài sản của ông ta. Đặng Thông sợ hãi bỏ trốn chạy vào trong núi ẩn dật. Nhiều tháng lang thang, không lương thực, kết quả ông bị chết đói, đúng như vết nhăn báo trước. Nay người có vết nhăn "Đằng xà nhập khẩu" tuy không bị nạn như Đặng Thông nhưng cũng chết vì bệnh ung thư vòm họng, ung thư thực quản, ung thư dạ dày.

Sau đây là các vết nhân ở các vị trí sau:

1. Ở trán

- Ba đường nhân ngang chạy đều giữa trán, được gọi là vết nhân trung nghĩa.

“Vết nhân trung nghĩa, sự nghiệp thành công”. Trong đó đường trên cùng gọi là Thiên văn (vết nhân thiên): Chủ được người trên nâng đỡ, bảo vệ. Đường ở giữa gọi là Nhân văn (vết nhân nhân): Chủ sự nghiệp thành công. Đường ở dưới gọi là Địa văn (vết nhân địa): Chủ được người dưới hoặc cấp dưới ủng hộ.

- Nếu trán nhiều vết nhân, chạy lung tung: “Vết nhân loạn xạ, vất vả cả đời”.

- Vết nhân đứt khúc tạo thành các hình trông như con én: “Vết nhân con én làm không có ăn”.

2. Ở ấn đường (giữa hai lông mày), Sơn căn (giữa hai mắt)

Có những vết nhân này, chủ hay lo lắng, tranh cãi nhiều, vợ chồng khắc nhau, sức yếu. Sách có câu:

- Ngọc linh đoạn tam cửu, quan tư bất tự do.

Chủ năm 39 tuổi phạm việc quan phải vào tù.

Nếu chỗ ấn đường xuất hiện vết nhân dọc, gọi là vết nhân kim: “Vết nhân ấn đường, cố chấp tự đại”.

Song người này có ý chí kiên cường, giữ nguyên tắc. Vì vậy, dễ mất lòng nhiều người. Hai bên ấn đường lông mày có hai vết nhăn dọc gọi là vết nhăn công danh, chủ quý hiển. Hai đường này một ngắn hoặc có một cái gọi là vết nhăn hình ngực (có thể bị bắt giam). Nếu có vết nhăn ở chân, gọi là gập hung hóa cát, việc lớn hóa nhỏ, việc nhỏ không còn.

3. Mắt

Đuôi mắt có ba vết nhăn gọi là vết nhăn đuôi cá, vì có hình dạng giống đuôi cá. Nếu người có hai ba đường đuôi cá hướng lên trên là tốt. Nếu vết nhăn đuôi cá quá nhiều, chủ vất vả vì gia đình. Vết nhăn đuôi cá hướng xuống dưới, tình cảm vợ chồng không hay. Vết nhăn này quá dài hoặc đến tận mũi, chủ lòng dạ xấu, khắc bạc quên ơn, nên đề phòng. Vết nhăn nhiều hướng lên, chủ đào hoa. Trước 30 tuổi xuất hiện vết nhăn ở mắt, nam hiếu sắc, gian trá: "Vết nhăn đuôi cá, khắc bạc gian trá".

Vết nhăn ngang nhỏ ở dưới mắt gọi là vết nhăn âm lũng. Đây là dấu vết tốt do làm việc thiện thì gập hung hóa cát.

Nếu vết nhăn thô, gọi là vết nhăn chướng ngại, chủ sức khỏe kém hoặc mắc bệnh nan y: "Vết nhăn âm lũng, gập hung hóa cát".

Dưới mắt xuất hiện vết nhăn lưới, chủ có khuynh hướng tự sát, nên hết sức đề phòng: "Vết nhăn lưới vòng, đề phòng tự sát".

4. Ở lưỡng quyền (gò má)

Lưỡng quyền có vết nhăn, gọi là vết nhăn phủ quyền (lực), chủ dễ bị kẻ khác cướp quyền. Chủ có thể không đủ uy nghiêm, không ra lệnh cho cấp dưới được: “Vết nhăn lưỡng quyền, bị mất quyền lực”.

5. Ở mũi

Ở mũi không nên có nốt ruồi, nếu có nữ hôn nhân trục trặc, nam trung niên phá tài: “Nốt ruồi ở mũi, trung niên phá tài”.

6. Ở má

Vết nhăn pháp lệnh (ở má) nếu vượt quá miệng, chủ trường thọ. Vết nhăn này ở nam nên rộng, nếu quá sâu chủ khắc bạc, ghen tỵ. Nữ vết nhăn này quá rõ, chủ hay ghen, khắc phu: “Vết nhăn pháp lệnh, chủ sẽ trường thọ”.

VI.

TƯỚNG MẶT NGƯỜI TỐT, XẤU

Trong quan hệ giao tiếp, hoạt động xã hội, nhất là trong thương mại, việc kết hợp bạn bè chung vốn, chung sức đầu tư và làm ăn là điều rất phổ biến. Chỉ khi trải qua các sự việc như phân chia tiền bạc, giải quyết quyền lợi, tranh đoạt quyền lực... chúng ta mới biết bạn bè kẻ hay người dở. Với người bạn đời trăm năm, việc đó cũng không ngoại lệ. Ngay cả khi cố quyền chọn vợ, chọn chồng, bạn cũng vẫn bị lừa dối. Điều gì có thể giúp bạn tránh sai lầm, hạn chế tổn thất khi lựa chọn và kết bạn? Dưới đây là một số cách đánh giá tướng mạo nữ, tướng mạo nam, tướng mạo bạn bè trong từng trường hợp.

A. NỮ GIỚI

Cổ ngữ có câu: “Nữ tướng mạo phú quý không lấy chồng nghèo hèn, nữ tướng mạo nghèo hèn không vào được nhà phú quý”. Với nam giới: “Gia có hiền thê không phải lo gì”. Nếu lấy được người vợ mang nét “vượng phụ ích tử”, vừa vào nhà là vạn sự hanh thông, gia nghiệp tăng trưởng. Từ đó cho thấy, tướng mạo phụ nữ vô cùng quan trọng.

1. Tướng quý (nữ)

- Đầu tròn tay ngắn, tóc mai đen nhánh.
- Mày đẹp và nhỏ, mắt sáng đáng yêu.
- Mắt nhìn nghiêm trang, gò má bằng phẳng.
- Tai dài, có dái, nhân trung rõ ràng.
- Răng trắng môi hồng, ngón tay thon dài.
- Giọng nghe vừa phải, đứng ngồi cân đối.
- Dáng đi nhẹ nhàng, thái độ bình tĩnh.

Đôi khi những người phụ nữ có bề ngoài bình thường thậm chí xấu nhưng thái độ bình tĩnh tự tin, có duyên lại giúp chồng làm nên sự nghiệp.

2. Tướng phúc hậu (nữ)

- Mắt sáng tú lệ, hai tai dài dày.
- Lan đình (hai bên cánh mũi) rõ ràng, nhân trung phải dài.
- Kim quý (bộ phận giữa má) đầy đặn, cằm cũng đặn đầy.

- Miệng tròn môi đầy, bàn tay hồng hào.
- Eo tròn lưng đầy, thân thể béo tốt.

Nữ chủ người đang béo bởng gầy, phú vận gia đình khó giữ được lâu.

3. Tướng trình tiết

- Trán tròn tóc mượt, mắt sáng phân minh (lòng đen lòng trắng rõ ràng).
- Mắt không nhìn xiên, đẹp mà có uy.
- Mũi thẳng không tẹt, pháp lệnh (đường giữa miệng và má) sâu dài.
- Tai đầy có dái, tay thon thịt chắc.
- Đi đứng nhẹ nhàng, thân ngay tính nhẹ.
- Giọng, điệu dễ nghe, thái độ hòa nhã.

4. Tướng khắc phu (xung khắc với chồng)

Trán dài, trán vuông, trán dô, trán bẹt, trán lõm, trán nhăn, trán có ba vết nhăn, giữa trán có vết nhăn dọc.... đều là tướng khắc phu.

Tóc quân, tóc vàng ệch, tóc cứng, tóc xù, tóc rụng đều là tướng khắc phu.

Mày rậm (chỉ lông mày), mày xiên, mày ngược.... đều khắc phu.

Mắt đỏ, mắt vàng, mắt trố, mắt to, mắt sùm sụp, mắt trắng dã, mắt tam giác, mắt khô, mắt có nếp nhăn ở dưới... khắc phu.

Mũi bẹt, mũi gầy, mũi có nhiều lông, mũi gồ,

sơn căn (giữa hai mắt) có nốt ruồi... khắc phu.

Quyền (lưỡng quyền) cao, quyền nhô, quyền thô, quyền ngược.... đều khắc phu.

Môi khuyết, môi dẩu, lộ xỉ, môi chum... khắc phu.

Tai mỏng, tai nhỏ, đầu nhọn, đầu ngựa, xương thô, tay to, cốt lộ, cổ lộ xương, mang tai lộ xương, mặt xanh, mặt gầy lộ gân, mặt có lông mao (tơ), mặt như nặn bột, giọng ồm như nam.... đều khắc phu.

5. Tướng dâm dăng gian xảo

- Đầu bẹt trán ngắn, đầu nhọn tai chuột.
- Đầu rụt lưỡi thè, đầu nhọn chân rung.
- Đầu chúm khi đi, mặt xanh nhìn ngược.
- Mắt như hoa đào, mặt nhiều tàn nhang.
- Mắt như bị thịt, mặt tròn như mỡ.
- Vết nhân quá nhiều, hai mắt hõm sâu.
- Mắt hay nhìn trộm, môi dẩu lệch lạc.
- Môi hay mấp má, góc miệng vết nhân.
- Quanh miệng màu xanh, ngồi không yên vững.
- Đi đứng nghiêng ngả, thấy người là tránh.
- Nhìn trộm sau lưng, đầu hay ngoảnh lại.
- Bật miệng mà cười, vuốt ve áo tóc (tóc mai).
- Chống cằm cắn móng (tay), thân như phượng liều.

- Cử chỉ phù phiếm, mùi thân khó chịu.

6. Tướng nghèo khổ

- Trán ngắn lại hẹp, tóc đỏ hoe hoe.
- Tai nhỏ mà đen, mày như chữ nhất.
- Mũi nhọn lại gãy, mồm chum thối lửa.
- Mồm rộng hoang hoác, trán nhọn mũi ngắn.
- Tay ngắn ngón lùn, thịt thô xương cứng.
- Môi dày mồm thối, tiếng nhỏ lại rít.
- Cảnh táo (dưới hai lỗ mũi) có nhân, dáng nhìn ngửa mặt.
- Mắt như muốn khóc, ngời lắc đui rung.
- Đi như sè nhảy, nói nhiều linh tinh.

7. Tướng nhiều con

- Mắt sáng phân minh, mí mắt hơi dài.
 - Dưới mắt sáng sữa, nhân trung sâu thẳng.
 - Tai dài (dây) sinh nữ, vận tay sâu rõ.
 - Lỗ rốn tròn to, môi nhiều vết nhăn.
 - Thân đầy mỡ to, môi nhiều vết nhăn.
- Nữ đại kỵ da nhăn, vì da nhăn nhiều sinh con yếu.

8. Tướng không con

- Tóc thô quá ngắn, trán lại quá cao.
- Lòng mày như không (có), hai mắt trũng sâu.

- Có quyền không mang (tai), mặt nhọn tai nhỏ.
- Mũi gãy lại tẹt, niên thọ (giữa mũi) nhãn cầu.
- Nhân trung không rõ, môi dầy lại trắng.
- Môi trên quá dầy, mặt dầy hum húp (mơ nang).
- Đầu vú không nổi, da bột xương nhỏ.
- Thịt thì nung núc, thịt nhiều xương ít.

9. Tướng khi mang thai

Sinh con trai:

- Tai trái dầy dạn, ấn đường (giữa hai lông mày) hồng hào.
- Lưỡng quyền hồng hào, chóp mũi hồng hào.
- Ngọa tâm (mí mắt dưới) đỏ tím, lòng bàn tay hồng.

Tướng sinh con gái:

- Ngọa tâm mày vàng, lòng bàn tay xanh trắng (hoặc đen)

Tướng khó đẻ:

- Mắt nhiều ánh xanh, mặt có khí đen.
- Tai kém tiếng khàn, lòng bàn tay xám.

Tướng dễ đẻ (bào thai khoảng 6, 7 tháng)

- Mặt sắc vàng tươi, mắt sáng có hồn.
- Mệnh môn (hai bên tai) đỏ tía, tiếng nói trong trẻo.
- Lòng bàn tay hồng.

10. Tướng dễ khó

- Mắt nhỏ mắt tròn, trắng nhiều vàng ít.
- Mắt có tia đỏ, ánh mắt vô hồn.
- Mi mắt thỉnh thoảng co lại.
- Môi không che nổi răng, môi trắng bênh bạch.
- Môi trên co lại, tai đen môi xanh.
- Lòng bàn tay xám (hoặc vàng).

11. Tướng trường thọ

- Tai dài có dái, mắt sáng phân minh (lòng đen, lòng trắng rõ ràng).
- Đường thọ đới (đường pháp lệnh) dài, nhận trung sâu rộng.
- Lưỡng quyền có thể, tiếng nói chắc nịch.
- Cổ có hai ngón, bụng chảy da rộng.
- Niên thọ (giữa sống mũi) đầy đặn, ngồi nhìn đoan trang.
- Bước đi vững vàng, địa cách (cầm) đầy đặn.

12. Tướng đoản thọ

- Thân mềm giọng yếu, thịt nhiều xương ít.
- Mày thấp che mắt, mắt không có hồn.
- Nhân trung nông ngắn, mũi tẹt lại ngắn.
- Tinh thần rời rã, đi đứng không vững.
- Nằm ngồi không yên, môi không che răng.

- Cổ gầy eo mềm, cằm lép lại nhọn.
- Tiếng nói phều phào(*).

13. Tướng lá lơi

- Đầu nhọn nhìn trộm, ánh mắt tản mạn.
- Đẹp nhưng lá lơi, eo mềm chân xiêu.
- Cười vô duyên cỡ, môi dẩu mồm chum.
- Mày như bút vẽ, mắt như hoa đào.
- Tiếng nói phù phiếm, đi như rần bò.
- Bước như sẻ nhảy.

14. Tướng hiền thực đoan trang

- Mắt mày thanh tú, mũi sống ngay ngắn.
- Môi hồng răng đều, tiếng nói trong trẻo.
- Ít nói ít cười, lười như hoa sen.
- Bước đi vững vàng, ngồi yên đứng lặng.
- Tính tình hòa thuận, thái độ nghiêm trang.

15. Tướng ngoa ngoắt

- Mồm cao môi hở, tiếng tản tóc hoe.
- Mũi cong lại héch, mắt có ánh dữ.
- Mày thô mặt đen, thể trạng thô cứng.
- Mắt nhỏ mồm nhọn, tiếng như lệnh võ.
- Thân dài âm khàn, tay thô ngón ngắn.

(*)Chú ý: Chỉ cần có một hai những điều trên là đoán thọ.

- Tính tình giả hoạt, quyền cao hầu nổi.
- Mắt trố trắng dã, tóc lông quăn tít.

16. Tướng cô độc

- Trán như trứng gà, mày rậm xương (mày) cứng.
- Mắt dài sùm sụp, mắt trố ba góc.
- Mặt ngựa quyền lệch, dáng như muốn khóc.
- Thanh võ mặt đen, mũi có nhân câu.
- Sơn căn (chỗ thấp của mũi) đứt gãy, lệ đường (dưới mắt) khô lõm.

17. Tướng cứu mỹ

- Đầu tròn trán bằng, xương nhỏ da trơn.
- Môi hồng răng trắng, mày dài mắt tú.
- Ngón dài lông dày, đường vân như tờ.
- Tiếng nhỏ thanh tròn, trong như nước suối.
- Cười không lả lơi, miệng không lộ xỉ.
- Bước đi bình thản, ngồi nằm thanh nhã.
- Thân khí hòa nhã, da dễ thơm tho.

18. Tướng cứu ác

- Mặt xấu quyền cao (hại phụ), hầu nổi giống nam (bị họa).
- Đầu méo mặt bản (bản tiện), đi như rắn bò sẽ nhảy (nghèo).
- Mày thấp áp mắt (bản khốn), mũi có nhân câu

(hại chồng gặp ách).

- Mắt trố trắng bạch (độc hung), tiếng ồn như nam (tái giá).

- Tóc lông quăn tít (chủ bản tiện khắc tử).

19. Tướng vượng phu

Mũi thẳng mà đầy, lòng bàn tay hồng mềm, mi mắt dài, miệng cười mắt nhắm, cổ có nốt ruồi, bàn chân cũng có nốt ruồi.

20. Tướng thông minh

- Tóc đen mà mịn, mày thanh khoang dài.

- Đen trắng (lòng đen, lòng trắng) phân minh, môi mỏng mà hồng.

- Răng như hạt na, bàn tay búp măng.

- Lời nói rõ ràng, cử chỉ hoạt bát.

21. Tướng ngu dần

- Tóc thô mà ruồi, mày thô tóc rối.

- Mắt tròn nhỏ, lòng đen, lòng trắng mờ mờ.

- Ánh mắt vô hồn, tay thô ngón ngắn.

22. Tướng cần kiệm

- Tóc đen mày tú, mắt sáng phân minh.

- Ngủ muộn không mệt, dậy sớm tỉnh ngay.

- Cử chỉ vững vàng, lời nói rõ ràng.

- Đảm đang không oán, không tranh hơn kém (với chị em dâu).

- Vui giận không lộ, thái độ ôn hòa.

23. Tướng lười nhác

- Lòng mảy giao nhau, ánh mắt lo lắng.
- Mũi tẹt gốc lõm, lời nói hàm hồ.
- (Làm) đầu voi đuôi chuột, tính ham vui chơi.
- (Thích) ăn ngon mặc đẹp, tiêu không tiếc tiền.

24. Tướng phóng túng

- Mày rậm mà rộng, mắt tròn đồng tử to.
- Thường hay cáu giận, xương nổi da căng.
- Mồm to, bộp chộp, nói nhanh âm sáng.
- Hay tranh với người, không tính nhần nại.
- Ham thích ra lệnh, thích người xu nịnh.

25. Tướng sát phu

Đường công danh sự nghiệp của chồng, một phần quan trọng là do người vợ. Vợ chồng ly dị, vợ tái giá, chồng chết tái giá trong sách tướng gọi là "khắc phu".

- Mày thưa giao nhau: Nữ tái giá.
- Mồm rộng quá khổ, tóc rậm trán rộng, tiếng thô: Nữ tái giá ba lần.
- Mặt hum húp lưỡng quyền cao: Nữ sát phu.
- Mắt có nếp nhăn nghiêng: Bỏ chồng theo trai.
- Nhân trung có nếp nhăn ngang: Khắc chết nhiều chồng.

- Mắt xiên tiếng thô: Bảy lần tái giá bảy chồng chết.

B. NAM GIỚI

Phần này cung cấp thông tin cho mọi người, đặc biệt khi chọn người cộng sự, tuyển cấp dưới và các thanh nữ chọn bạn đời.

1. Tướng đa tình (nam)

- Gian môn (chỗ cuối mắt gần tóc mai) đầy đặn, nam chủ đa tình.

- Ánh mắt lả lơi, chủ cũng tham sắc.

Ngoài ra còn có tai to, thái dương đầy đặn, sắc mặt ôn hòa, tính tình nhu thuận, cử chỉ nói năng nhẹ nhàng cũng đều thuộc loại đàn ông đa tình.

2. Tướng vô tình (tàn nhẫn)

- Mày thô, mắt khô.

- Lưỡng quyền cao, chóp mũi nhọn.

- Xương má lồi, tai nhỏ.

Ngoài ra còn có những biểu hiện về tính nết: Nói năng vội vã, tính tình xốc nổi, làm việc không bền; tính không nhẫn nại, đánh gà chửi chó (khi không được như ý), trợn mắt trợn mũi (khi người nhà khuyên can), tráo trở lật lọng.

3. Tướng khắc thê

- Mày thoi (lông mày hình thoi giữa cao, hai bên nhọn) xương thô, mí mắt ngắn thấp.

- Đuôi mắt nhân dọc, gian môn (chỗ cuối mắt gần tóc mai) khô lõm.

- Gian môn quá rộng, có màu xanh sẫm.

- Song nhân ấn đường (giữa hai lông mày), sơn căn (chỗ thấp nhất của mũi) bé nhỏ.

- Đuôi mắt nhiều nhân, vết nhân lung tung.

- Lưỡng quyền nhô cao, sơn căn nhân vàng.

- Mặt như bị thịt, lộ hầu lộ xỉ.

Nếu ấn đường có ba đường dọc, sơn căn có đường "chữ bát", niên thọ (giữa sống mũi) có vết nhân vàng, một vết nhân khắc một vợ, hai vết nhân khắc hai vợ. Mắt trái nhỏ, đuôi mắt có vết nhân hình chữ thập, hoặc đường cắt nhau, vợ dễ tự sát.

- Mặt to mũi quá nhỏ, xương mũi khô cứng.

- Vết nhân đuôi mắt khô, sơn căn có nốt ruồi, chủ khắc hai vợ.

- Gian môn (chỗ cuối mắt) đen xám, ấn đường (giữa hai lông mày) có nốt ruồi: Ly dị.

4. Tướng hiệu sắc

- Mày cong mắt tú, mày cong đuôi tản, mày loạn mắt ướt: Chủ hiệu tà sắc.

- Mày cong mắt tú, mày cong đuôi không tản, mày loạn mắt không ướt: Chủ hiệu chính sắc.

- Hai mày rậm vàng (mắt như hoa đào - ánh mắt ướt át): Chủ hiệu dâm.

5. Tướng không hiếu sắc

Mày thanh, mắt nhìn thẳng, mũi cân đối, ít nói ít cười, không thích nghe chuyện trai gái.

6. Tướng sợ vợ

Mày thưa mà cong, mắt đẹp hiền từ, lòng đen lòng trắng lơ mờ, ánh mắt yếu ớt, vẻ kinh hãi nhút nhát, lưỡng quyền vát, ấn đường (giữa hai lông mày) hẹp, nói năng nhỏ nhẹ, tính cách nhu thuận, không có hành vi bạo lực.

7. Tướng bắt nạt vợ

Mày rậm, mắt đỏ hoặc ánh mắt thường giận dữ, lưỡng quyền cao, mang tai dày, mặt căng da mỏng, mặt nhiều mụn nhỏ.

8. Tướng ngổ ngáo

Lông mày hình thoi, mắt tròn lồi, mũi bẹt quyền cao, da thô mặt bự, gian môn (cuối mắt) đen xạm, tính tình lỗ mãng, lời nói vội vã.

9. Tướng trung hậu

Mày cong mắt tú, mũi thẳng mồm vuông, sắc mặt hiền hòa, tính tình đôn hậu, không hiếu sắc, thích yên tĩnh, không thích cười đùa.

10. Tướng tráo trở

Mặt mỏng môi mỏng, mày cao hình thoi, ánh mắt hung tợn, tính tham cố chấp, hành vi quái lạ, coi thường tình nghĩa, mặt xanh nanh vàng, gặp việc nhỏ cũng nổi giận lôi đình.

11. Tướng có mới nới cũ

Mày vàng rậm cong, mày cong tản loạn, mắt hay nhìn trộm, tai dẹt, giọng phều phào, cử chỉ lả lơi, ngồi lệch đi nghiêng.

12. Tướng nhiều con cái

Cần quan sát anh môn (phần dưới hai tai, ngang với nhân trung). Nếu anh môn đầy đặn, mịn màng, chủ nhiều con cái.

13. Tướng sinh con gái (không sinh con trai)

Sống mũi như sống dao, anh môn hõm lõm, địa các (cằm) bị lép, mặt nhiều nốt ruồi, sẹo, nhăn.

14. Tướng vô sinh

Lông mày xéch, dưới mắt sâu hõm, mặt đầy vết nhăn, râu nhiều tóc ít, râu như đuôi én, râu thẳng lưa thưa.

15. Tướng khắc con cái

Ba đường nhân trên trán, xương mày nhô cao, mày dựng mày cong, mày hình chữ bát, ấn đường nhân kim (vết nhân như những cái kim ở giữa hai lông mày), mắt vàng ánh ướt, dưới mắt có vết nhân giọt lệ, dưới mắt có nhiều vết nhân đan xen, thượng huyền cao, hạ huyền thấp, lệ đường (dưới mắt, chỗ giọt lệ rơi) lõm, nốt ruồi lệ đường, ngọa tâm (gần gò má) xanh xám, sơn căn (giữa hai mắt) đứt gãy, mũi có vết nhân ngang, xương quỳn thô lộ, tai không có vành, nhân trung nghiêng lệch hoặc cao nhọn, cằm chụm thổi lửa, mặt như chực khóc, tiếng như hổ sói.

C. BẠN BÈ

*Tục ngữ có câu: "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng".
Bạn bè thường có bạn tốt, bạn xấu.*

1. Tướng tượng nghĩa

Sách "Ma y tướng pháp" có câu: "Chọn bạn kết giao hãy xem mắt của họ". Sách này còn phân tích: "Mắt ngay thẳng, lòng cũng ngay thẳng, ngay thẳng có hồn, làm việc có lòng can đảm". Đó đều thể hiện mắt người tướng nghĩa.

- Mắt sáng không lộ, nhìn thẳng tập trung.
- Mắt không lả lơ, ánh mắt uy nghiêm.
- Mũi thẳng cân đối, lưỡng quyền vừa phải.

Ngoài ra, còn giọng vang, đối xử khoan dung, trọng nhân nghĩa đạo đức, kính lão thương nghèo, không sợ quyền thế, hay làm việc nghĩa hiệp.

2. Tướng chính trực

- Mắt thanh mày tú, lòng đen lòng trắng phân minh.
- Ánh mắt phần nộ, không vẻ hung dữ.
- Mũi thẳng cân đối, sắc mặt hồng hào.

Ngoài ra, còn có các biểu hiện: Lòng dạ ngay thẳng, khiêm tốn hiền hòa, nghiêm mình rộng người, không thích phù hoa, nói năng thận trọng.

3. Tướng gian nịnh giáo quyết

- Mũi thô mày rậm, lông mày thưa thớt.
- Mắt đỏ nhìn xuống, mắt hay liếc ngang.
- Mũi nhọn môi mỏng, da mặt mỏng tang.

Cùng với lời nói ngon ngọt, lời nói ngông cuồng, cử chỉ lá lơi, bước đi lắc lư, ngồi không ngay ngắn.

4. Tướng tàn nhẫn

- Mặt mỏng, môi mỏng, mày thưa, mũi gầy, mắt bạc.
- Xương gò má nổi, tai bé lại cụp.

Cho dù bạn có đại ân đại đức cứu giúp, cũng đừng hy vọng được báo ơn, hơn hứa còn bị vạ lây.

5. Tướng trung hậu

- Lông mày mịn dài, mắt đẹp có hồn.
- Ánh mắt hiền hòa, mặt tươi như hoa.

Ngoài ra, các biểu hiện như: Đối xử khoan dung, biết rõ đồng nghiệp tham lam song không chê trách nói xấu sau lưng, không làm hại người, lỗi lớn mới nói, lỗi nhỏ bỏ qua... đều thể hiện tướng trung hậu.

6. Tướng khảng khái

- Trán rộng mày tú, mặt mày cân đối.
- Mũi thẳng quyền cân, mắt không nhìn trộm.

Tính khoan dung, làm việc thiện nhiều, bất chấp khó khăn, không sợ thiệt thòi... đều thể hiện của người có tướng khảng khái.

7. Tướng hà tiện

- Đồng tử nhỏ bé, mắt nhìn xiên nghênh.
- Quyền cao mũi tẹt, mồm nhỏ môi mỏng.
- Mũi cao quyền thấp, giọng nói khàn khàn.

Ngoài ra còn có thái độ coi tiền như mạng sống, không chút động tâm.

8. Tướng gò bó

- Mắt lặng yên không linh hoạt.
- Đồng tử nhỏ bé, không trong suốt.
- Mũi cao quyền thấp.

Ngoài ra còn sợ mạo hiểm, quá nguyên tắc, tính gàn bướng cố chấp, chỉ cần hơi thiệt đã tuyệt giao.

9. Tướng ngang ngược

- Xương lồng mày cao, lông mày thô loạn.
- Mắt lồi sắc đỏ, mặt mũi dữ tợn.

Loại người này coi anh em như kẻ thù, coi bạn bè như cỏ rác.

10. Tướng hồ đồ lảm cẩm

- Lông mày quá thấp, mắt không có hồn.
- Lông đen lông trắng lơ mờ, xương quyền lõm hõm.

Ngoài ra: Lời nói hàm hồ, dáng đi nghiêng ngả, không biết hay dở.

11. Tướng khắc bạc

- Lòng mảy thưa thớt, mắt mảy khắc khổ.

Người loại này mang nặng tâm lý thù phụ người chứ không để người phụ.

12. Tướng hiền hòa

- Mặt mũi thanh tú, ánh mắt hiền hòa.
- Mũi thẳng miệng vuông, môi hồng răng đều.

Ngoài ra, thái độ hòa nhã, đối xử khoan dung làm việc cẩn thận.

13. Tướng hời hợt (không thể chơi thân)

- Mày thô mà rậm, mắt vàng nhìn xiên.
- Chóp mũi bị lệch, mắt không nhìn thẳng.

Tính tình xốc nổi, hay nói huyên hoang, thích chiếm phần hơn, hay nói xấu sau lưng.

14. Tướng không đáng tin cậy

(Không thể chung hoạn nạn)

- Xương mày bị lõm, mắt như say rượu.
- Mũi cao quyền thấp, giọng nói gấp gáp.

Tính tình nhút nhát, hà tiện, coi tiền cao nhất, coi thường tình nghĩa.

15. Tướng có thể đảm đương được trọng trách

- Mày thanh mắt phượng, mắt sáng có hồn.
- Chóp mũi hơi nở, quyền cao cân đối.

- Miệng vuông răng đều, mặt tươi tai lớn.

Thái độ thân mật, hòa nhã, hữu nghị với anh em bạn bè, không nghe lời sàm nịnh của phụ nữ, không nói tục tĩu, lặng lẽ chuyện kín như bưng, gà gáy đã dậy, sức lực dồi dào, suy nghĩ sâu xa, ít nói ít cười.

16. Khó đảm đương trọng trách

- Xương quyền lõm khuyết, xương quyền gãy gò.

- Quyền cao mũi nhỏ, dưới mắt có nếp nhăn.

17. Tướng hảo sắc

- Mắt như say rượu, ánh mắt ướt át (mắt dâm).

18. Tướng cờ bạc (tính tham lam)

Chủ yếu xem mũi, mũi thể hiện tài vận. Nếu mũi nhọn móc câu (mũi quặp) hoặc mũi hếch gọi là mũi phá tài.

- Mũi quặp mũi hếch là tướng phá tài.
- Mắt lồi đồng tử vàng, đánh bạc thường xuyên.

19. Tướng trọng tín nghĩa

Lòng mất phân minh, răng đều tiếng rõ: Người này không dễ dàng hứa hẹn, nếu đã hứa, tìm mọi cách thực hiện.

20. Tướng xu nịnh

Tướng xu nịnh chia làm hai loại: Loại thứ nhất biết nhân tình thế thái, sử dụng thủ đoạn giao tiếp giỏi; loại thứ hai chuyên nịnh bợ để cầu lợi cho mình.

- Mày thanh mắt tú, nhưng môi lại mỏng.
- Mạt mũi tươi cười, nói năng khéo léo.

21. Tướng phát đạt

- Mắt sáng mày dài, mũi cao mà thẳng.

22. Tướng phản bội

- Lông mày khuyết thưa, xương mày lõm khuyết.
- Mắt lồi lại đỏ, nhìn trộm nhìn nghiêng.
- Quyền lông mũi nhỏ, không tẹt thì hếch.
- Tóc rối quyền lõm, là tướng phản chủ.

23. Tướng gây họa cho bạn bè

- Đầu nhỏ trán hẹp, mày chụm ấn đường (lông mày giao nhau).
- Lông mày áp mắt, mày thô mà loạn.
- Lông mày hình thoi, nhưng xương lại hóp.
- Mắt đỏ nhìn trộm, mũi lệch một bên.

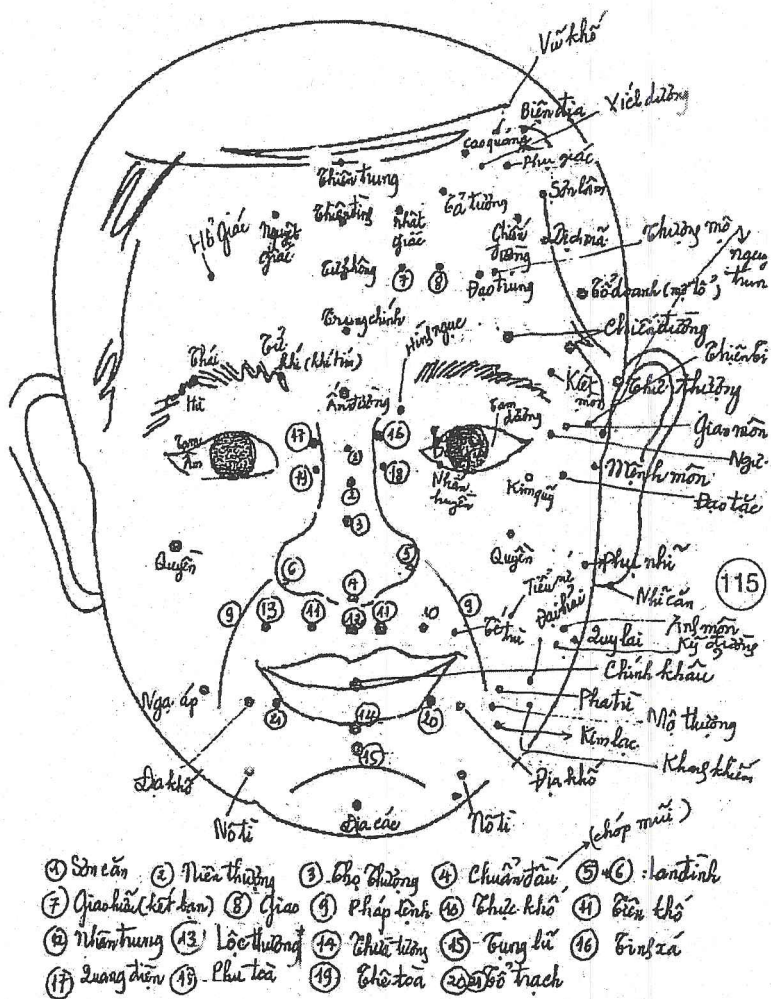
24. Tướng dưỡng bệnh không phục tùng

Kẻ này không gian thì ác có biểu hiện sau:

- Mũi to kỳ dị, lông mày hình thoi.
- Ánh mắt cô lộ, thọ cốt không mày.
- Mắt như mắt sẻ.

25. Tướng lừa nhác

- Mày vàng lại thưa, mắt nhỏ lại xấu.



50 VỊ TRÍ QUAN TRỌNG TRÊN MẶT CON NGƯỜI

- Mũi ngắn lại nhỏ, mũi to nhưng mỏng.
- Lưỡng quyền không có, tai không có vành.
- Tai đen hoặc cụp, cằm ngắn lại lẹm.

26. Tướng không ham lợi nhỏ

- Mắt đen lại dài, mũi thẳng mồm vuông.
- Ngồi tắt ngay ngắn, đi không lắc lư.

27. Tướng chỉ vì tiền (lợi)

- Đi thì cúi đầu, ngoảnh lại sau lưng.
- Mày thấp áp mắt, (mắt) đen nhiều hơn trắng.
- Mũi nhỏ lại bẹt, mũi to điều hâu.
- Tiếng nói phều phào, thích ngồi suy tính.

28. Tướng phụ trách

- Lông mày rộng thoáng, mắt sáng không lồi.
- Cương nghị vì người, mũi cao sống thẳng.

Những người này tính hòa nhã, nói năng thận trọng, làm việc chuyên cần.

29. Tướng vô trách nhiệm

- Lông mày áp mắt, mắt chuột lăm lét.
- Mũi cao quyền thấp, mũi thấp quyền cao.

Loại người này làm việc lỗ mãng, không theo thứ tự, nhút nhát sợ khó sợ khổ.

30. Tướng nắm quyền lớn

- Đầu tròn trán rộng, mày dài có uy.
- Mắt sáng có hồn, đen trắng phân minh.
- Giận mà không dữ, quyền cân với mũi.
- Sơn căn (chỗ thấp nhất của mũi) rất cao, địa các (cằm) đầy đặn.

Những người này nắm quyền lớn lâu dài.

- Đầu tròn mũi dài, sơn căn lõm thấp.
 - Chóp mũi hồ lô (to), địa các hơi nhỏ.
- Tuy nắm quyền lớn, không thể dài lâu.

31. Tướng xui nguyên dục bị (xúi bẩy)

Chia làm hai loại béo, gầy:

Người béo:

- Đầu to thân mập, mắt nhỏ tử đen (đồng tử).
- Chóp mũi điều hâu, miệng rộng hơi lệch.
- Môi trên thì mỏng, môi dưới lại dày.
- Đi mắt cúi gằm, dáng không đàng hoàng.

Người gầy:

- Đầu nhỏ thân gầy, mắt nhỏ lại vàng.
- Mũi ngắn nhọn bẹt, mồm chum thối lửa.

32. Tướng ăn cắp vặt

- Đầu nhọn mày thấp, mắt màu vàng nhạt.
- Mắt la mày lét, mũi ngắn môi trề.
- Răng mọc không đều, địa các nhọn hoắt.

33. Tướng tâm địa độc ác

- Mắt nhỏ lại vàng, mắt híp mày cao.
- Mày thô mọc lệch, mũi nhọn tai vênh.
- Mặt màu xanh đen, thường mang nợ khí.

34. Tướng nhút nhát sợ việc

- Đồng tử nhỏ vàng, đen trắng mờ mờ.
- Mũi ngắn lại tẹt, tiếng nói phều phào.

35. Tướng nhút nhát nhưng phúc hậu

- Đầu tròn ngay ngắn, mắt nhỏ thân ngắn.
- Nhìn hay ngửa mặt, rụt đầu rụt cổ.

Những người này tuy nhút nhát nhưng làm việc tỉ mỉ cẩn thận song đa phúc trường thọ.

36. Tướng ghen ghét

- Xương mày thấp lõm, mắt nhỏ lại đỏ.
- Ngồi thì cúi đầu, đi hay ngoảnh lại.
- Mày thấp áp mặt, đen nhiều trắng ít (lòng đen nhiều, lòng trắng ít).

37. Tướng nóng tính gây họa

- Mày thô lại rậm, mày thoi lông dựng.
- Mắt hình tam giác, trắng ít đỏ nhiều.
- Mũi khuyết lại vênh, tiếng nghe gáp gáp.

38. Tướng tự dưỡng tích thiện

- Mắt tú mày thanh, mắt sáng có hồn.
- Mũi quyền cân xứng, thần khí hòa nhã.
- Vui chẳng ai biết, buồn chẳng ai hay.

VII.

XEM NGŨ QUAN LUẬN TÍNH CÁCH

Trong bộ tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa*, La Quán Trung đã xây dựng vô số anh hùng hào kiệt và khắc họa về họ nhiều nét dị tướng điển hình. Theo quan niệm xưa, là anh hùng hào kiệt tất phải có tri dũng khác người và nhất là có bộ mặt hình dáng hơn người. Hồi 65 kể về việc Gia Cát Lượng sang sông khẩu chiến quần nho là một ví dụ điển hình về tài quan sát xem mặt bắt hình dong của ông.

Trước khi Gia Cát Lượng gặp những nhân vật chịu trách nhiệm quyết sách của Giang Đông, đầu tiên gặp phải một nhóm văn quan nhát gan chủ trương hàng Tào. Những văn quan này tuy không phải là người quan trọng nhưng có ảnh hưởng rất lớn đối với quyết sách của Tôn Quyền. Trong số đó, mưu sĩ Trương Chiêu vốn là thế hệ thứ hai những người sáng nghiệp Giang Đông. Anh của Tôn Quyền là Tôn Sách lúc lâm chung đã chỉ định Trương Chiêu làm cố vấn chủ yếu xử lý nội chính Giang Đông. Chủ trương đầu hàng của phái này làm giao động quyết tâm chống Tào của Tôn Quyền. Gia Cát Lượng

sử dụng thủ pháp quả đoán một “đao chém quỷ loạn”, phản bác triệt để những lập luận đầu hàng của phái này không chút lưu tình. Để có phương pháp thắng lợi khi khẩu chiến quần nho, Khổng Minh đã vận dụng năng lực xem tướng mạo của mình.

Khi Gia Cát Lượng hội đàm với Tôn Quyền. “Lỗ Túc đứng bên cạnh Khổng Minh, chỉ đợi xem ông nói với Quyền thế nào. Khổng Minh giải bày ý kiến Huyền Đức rồi liếc mắt nom Tôn Quyền, thấy ông ta mắt biếc râu đỏ, tướng mạo đường bệ, rất có lòng tự tôn trong việc dựng nước tiêu diệt đối thủ liền nghĩ thầm rằng: “Người này tướng mạo khác thường, chỉ ưa nói khích chứ không ưa thuyết phục; đợi khi nào hỏi, bấy giờ ta sẽ khích cho mấy câu là hơn!” Từ nhận xét đó với nhân vật quyền uy tối cao của Giang Đông, Gia Cát Lượng nhằm vào tâm lý mâu thuẫn hàng chống nan định do dự chưa hạ quân cờ của đối phương nên ca tụng thói phổng thực lực của Tào Tháo. Ông khích thẳng: “Nếu chúa công không sớm hạ quyết tâm chống Tào thì chi bằng nhanh chóng đầu hàng ngay đi”. Tôn Quyền không cam chịu nhục, lập tức đáp: “Nếu đúng như ông nói thì sao Lưu Dữ Châu không hàng Tào?”. Gia Cát Lượng chớp lấy câu nói này, tức thì ném ra một câu nói khích khiến cho đối phương không chịu nổi: “Ngày xưa Điền Hoành chỉ là một tráng sĩ nước Tề còn không chịu nhục. Huống hồ Lưu Dữ Châu dòng dõi tôn thất anh hùng cái thế, mọi người ngưỡng mộ. Việc tuy khác nhau nhưng đều là đại trượng phu há chịu khuất phục dưới tay người khác!” Quả tặc đạn này vừa kích Tôn Quyền vừa quất mạnh Tôn Quyền, nêu lên quyết tâm kiên định chống Tào của Lưu Bị. Lúc đó

Tôn Quyền bị xúc phạm nghiêm trọng, bất giác biến sắc, phất áo đứng dậy đi vào nhà trong.

Một nhà đàm phán loại thường không đánh giá được lòng dạ qua tướng mạo của Tôn quyền khó lòng có gan lớn như thế. Nhưng Gia Cát Lượng không phải buột miệng nói ra mà đã có dụng tâm trước. Ông sợ dĩ dảm làm như vậy bởi vì đã khẳng định Tôn Quyền là loại người “mắt biếc râu đỏ”, loại người có chí khi bá vương, ưa khích, bản chất ương ngạnh không dễ buông xuôi, không dễ dàng hàng địch.

Thành công lớn sau cuộc hội đàm với Tôn Quyền, Gia Cát Lượng lại tiếp tục đánh gục nhân vật có ảnh hưởng lớn thứ hai của Đông Ngô.

Trong cuộc đàm phán cuối cùng có tính chất then chốt với Chu Du, Gia Cát Lượng đã khéo léo dùng chiến thuật châm chọc nhược điểm đối phương. Biết Chu Du là nhà quân sự giỏi nhất, nhân vật ảnh hưởng lớn nhất đối với quyết sách của Tôn Quyền, nhưng ông ta cũng là người trầm tĩnh, đa mưu, vì thế thuyết phục người này hoàn toàn không dễ. Chỉ có ra một đòn cực mạnh, vì vậy khó ai ngờ được Khổng Minh lợi dụng bài Đồng tước đại phú của Tào Tháo có hai câu: “*Lâm nhị kiều vu đông nam hệ, lạc triều tịch chi dĩ cộng*” xuyên tạc thành Tào Tháo có đã tâm bắt hai nàng Kiều là vợ Tôn Sách và vợ Chu Du về hưởng lạc. Chỉ có một nhát sắc đâm vào chỗ đau nhất mới khiến Du đứng bật dậy nổi giận thề không cùng Tào Tháo đội trời chung. Rõ ràng tài quan sát sắc bén đã Gia Cát Lượng đã hoàn tất xuất sắc sứ mệnh quan trọng đến Giang Đông đàm phán liên minh kháng Tào.

1. Mày (lông mày)

Từ lông mày có thể biết tình trạng sức khỏe và tư tưởng. Lông mày có thể chia làm mấy loại sau:

(1) Lông mày tiêu chuẩn:

- Nền dài hơn mắt
- Chỗ rộng nhất khoảng một đốt ngón chỏ.
- Đầu mày nên tròn.
- Dáng mày mềm, cong dần tự nhiên.
- Lông mày không thưa không rậm, có độ bóng.
- Cách mắt một đốt ngón trỏ.

Tình cảm và trí tuệ của người có lông mày này cân bằng, nếu có trán rộng đẹp, năng lực tư duy logic cao hơn người bình thường.

(2) Lông mày thưa:

Là người điềm đạm, nhưng thiếu ý chí tiến lên, xa cách người thân, sức khỏe không tốt lắm.

(3) Lông mày màu nhạt:

Nhìn xa lông mày như màu trắng. Người này phản ứng chậm, suy nghĩ rất đơn giản. Nếu có khiếm khuyết khác sẽ khó tiến triển. Tuy họ không có ý chí mạnh, nhưng chỉ cần cố gắng cũng có thể thành công.

(4) Lông mày rậm:

Người này tính ngạo mạn ngoan cố, không thành khẩn, tính hời hợt, bộc trực, cuộc đời khá tốt.

(5) Lông mày dài:

Người này khoan dung, rất ít cáu giận, tình trạng kinh tế rất tốt.

(6) Lòng mày ngắn:

Khá tự tư, dễ cấu, không dễ thỏa hiệp với người khác, đa sầu đa cảm, không có duyên, cho dù kết hôn cũng dễ ly hôn, hay chiến tranh lạnh với bạn đời.

(7) Lòng mày thô (lòng mày to rậm):

Khí gan thịnh vượng, thuộc loại lòng mày tướng quân, việc gì cũng hăng hái, có khí phách nam tử.

(8) Lòng mày mịn:

Tính khá tiêu cực, nhu nhược, nhút nhát.

(9) Lòng mày quăn:

Người xưa gọi là lòng mày La Hán, đặc biệt thích hợp làm người xuất gia tu hành. Nếu hình lòng mày bị khuyết, tư tưởng đơn giản, tính không thân mật, hay nịnh người quyền thế. Nếu trán, mắt, cằm khiếm khuyết, dễ chết yểu.

(10) Lòng mày tam giác:

Tục gọi là lòng mày dững sĩ. Tính cương nghị quyết đoán, không sợ gian nguy, thích được coi là trung tâm.

(11) Lòng mày chữ nhất (lòng mày ngang):

Nếu chữ nhất thô, gan dạ, ý chí mạnh, tiếng lớn và nghiêm.

Nếu lòng mày chữ nhất mịn, là người cố chấp, thiếu tính nhân nại.

(12) Lòng mày chữ bát:

Nếu không nhìn nghiêng là người cương trực. Nếu gốc lòng mày không rõ, khi 30 tuổi công việc không thuận lợi.

(13) Long mây hình mặt trăng

Tính tình quyết liệt, nếu long mây rậm, tính như người bị bệnh tâm thần.

(14) Long mây hình con dao:

Thông minh quyết đoán, tự tư tự lợi, coi thường tình nghĩa, tính độc ác.

(15) Long mây sợi chỉ:

Tính nóng nảy, nhỏ nhen, nóng nảy, trầm cảm, lưỡi nhác.

(16) Long mây mọc lung tung:

Đầu óc đơn giản, không tập trung được sức chú ý, làm việc lỗ mãng.

(17) Long mây chổi xể:

Chia làm hai loại:

Loại đầu mây rộng: Làm việc không tập trung.

Loại cuối mây rộng: Làm việc đầu voi đuôi chuột.

Khoảng 30 tuổi nên chú ý đến sức khỏe và vận thể.

(18) Long mây xé:

Đó là long mây của các sát thủ, anh chị xã hội đen. Họ hiếu thắng không chịu thua kém, ương ngạnh.

(19) Long mây vẽ ngược:

Tính lương thiện, làm việc cần mẫn, rất dễ thành công.

(20) Long mây rộng:

Tính khoan dung, ôn hòa, thân mật, dễ hồ đồ vì vô nguyên tắc.

(21) Long mây hẹp:

Đầu óc linh hoạt, phản ứng nhanh, nhưng thiếu độ lượng thường buồn bã. Đến trung niên dễ sinh bệnh nặng, đề phòng bệnh gan.

(22) Lòng mảy cách xa mắt:

Có gen trường thọ, tính ôn hòa đôn hậu. Nếu cách hơn một đốt ngón tay, nghĩ một đằng nói một nẻo.

(23) Lòng mảy gần mắt:

Tính nóng nảy, đa nghi, nhưng dễ bị lừa, kiến thức ít. Nếu quá hẹp, công việc không thuận lợi, quan hệ xã hội không tốt. Khó được kế thừa tài sản, nhưng có tài sản.

2. Mắt

(1) Mắt một mí:

Tính trầm ít nói, ý chí mạnh, tính tự trọng lớn, tính cách hướng nội, chịu khó làm việc, kiên trì nhẫn nại.

(2) Mắt hai mí:

Tính rộng rãi, thẳng thắn, tình cảm, thiếu tính kiên trì.

(3) Mắt to:

Nhiều tình cảm, lạc quan, nhiệt tình, thận trọng, hay nói phản ứng chậm. Mắt quá to, dễ vô nguyên tắc, không biết bảo vệ mình.

(4) Mắt nhỏ:

Suy tính chu đáo, thông minh, quan sát nhạy bén, làm việc ngăn nắp, có một số người tính không đàng hoàng.

(5) Mắt híp:

Suy nghĩ thấu đáo, có hơi thần kinh, đa nghi.

(6) Mắt tròn:

Thẳng thắn, cởi mở, trong ngoài nhất trí, làm việc hăng hái, cảm giác nhạy bén, dễ bị dụ dỗ, khó giữ được tình cảm.

(7) Mắt xếch:

Tự tin, dễ tự cao tự đại, lạc quan tếu, thiếu mưu lược mặc dù có dũng khí.

(8) Mắt cụp (góc mắt cụp xuống):

Khoan dung, tế nhị, hành động khá tiêu cực, bị quan.

(9) Mắt hõm sâu:

Năng lực lý giải mạnh, tinh thần cảnh giác cao, suy nghĩ sâu sắc, tính xấu chỉ biết quyền lợi trước mắt, thích làm khổ người khác.

(10) Mắt đỏ ngầu:

Hay gây sự, trung niên khốn khó.

(11) Mắt lồi:

Lương thiện, cởi mở, lạc quan, giỏi giao tiếp, hơi thần kinh, hay tự làm khổ mình (phân biệt với mắt lồi do tuyến giáp trạng).

(12) Mắt trắng dã toàn bộ:

Thông minh, phản ứng nhanh, quả quyết, có tài lãnh đạo. Nhưng nếu lòng dạ đen tối sẽ thành kẻ nhẫn tâm, độc ác.

(13) Mắt trắng dã phần trên:

Tự coi mình là trung tâm, xúc nổi, hay nổi nóng,

hay công kích người khác, tự ti nặng, hay dễ bụng, dễ phạm pháp.

(14) Mắt trắng dã phần dưới:

Tự tin, hiếu thắng, gan lý, tự do, lãnh đạm, nói không đi đôi với làm, dễ phạm pháp, đa nghi, ghen tức, cố chấp.

(15) Hai mắt cách nhau rộng:

Hiền hòa, đôn hậu, nhìn xa thấy rộng, nhút nhát, sợ sệt, khó nên việc lớn.

(16) Hai mắt cách nhau hẹp:

Tính hướng nội, hẹp hòi, cả nghĩ, bộp chộp, buồn bã, chỉ tính việc trước mắt, khổ đảm đường độc lập.

Ánh mắt

(1) Ánh mắt tiêu chuẩn (lý tưởng):

Ánh mắt hiền từ, sáng, long lanh, tập trung.

(2) Ánh mắt nghi hoặc (dáng vẻ nghi nghi ngờ ngờ):

Luôn luôn nghi ngờ, nói chuyện không nhìn thẳng.

(3) Ánh mắt sắc bén:

Suy nghĩ sâu, hiểu biết rộng, đầu óc tỉnh táo, lý trí thẳng tình cảm, hiểu nhân tình thế thái.

(4) Ánh mắt phần nỡ (do tức giận):

Tinh tình bộp chộp, dễ phạm sai lầm.

(5) Ánh mắt ướt át:

Tự tin, dễ bị lôi cuốn, không điều khiển được tình cảm.

(6) Ánh mắt lơ mơ:

Thiếu tự tin, nhu nhược, quan hệ khó khăn, công việc không thuận lợi.

(7) Hay chớp mắt:

Có thể do thần kinh suy nhược, lo lắng bồn chồn.

3. Trán

Từ trán có thể biết được trí tuệ, trí nhớ, tư duy của con người.

(1) Trán lý tưởng:

Rộng, tròn, bằng phẳng: Thông minh, quyết đoán, đầu óc tỉnh táo.

(2) Trán hẹp (còn gọi là trán ngắn):

Đầu óc không linh hoạt, tư duy không rõ ràng, làm việc không dứt khoát, thường u buồn.

(3) Trán lồi (trán nổi gồ):

Tâm hồn rộng mở, hệ số thông minh cao, năng lực lý giải tốt.

(4) Trán bằng phẳng (bẹt):

Tài hoa và năng lực khó phát huy đầy đủ.

(5) Trán hói đỉnh đầu (hói ở giữa đầu):

Hiểu rõ nhân tình thế thái, có lý tưởng.

(6) Trán hói hai bên đầu:

Cởi mở, hiếu thắng, lăm chuyên, hay chế giễu người khác.

(7) Trán hói đều (hói cả giữa đầu và góc đầu):

Thông minh, mưu mẹo, hài hước.

(8) Trán hai góc lồi (ở giữa không hói):

Nóng tính, bảo thủ.

4. Lương quyền và má

(1) Lương quyền lý tưởng:

Má đầy đặn, tròn, phẳng, hồng hào, da bóng, lương quyền không cao.

(2) Lương quyền cao (xương lương quyền cao):

Kiều ngạo; tự do, thích đấu đá. Sách cổ nói, nam lương quyền cao có quyền lực, nữ lương quyền cao khắc chồng.

(3) Lương quyền thấp:

Tính ôn hòa, nhu thuận, ít thành tựu. Nếu lương quyền quá thấp, nhất gan và tự ti.

5. Cằm

(1) Cằm lý tưởng:

Có đường nét hài hòa, đầy đặn, cuộc sống cuối đời mỹ mãn, khá trường thọ.

(2) Cằm rộng:

Cởi mở, chăm chỉ, có trách nhiệm, sức lực tốt, đáng tin cậy.

(3) Cằm hẹp:

Làm việc đầu voi đuôi chuột, không chăm chỉ, lừa dối.

(4) Cằm tròn rộng:

Hòa nhã, nhiệt tình đối với người, đối với công việc.

(5) Cằm vuông rộng:

Cương nghị, kiên cường, tinh táo, quyết đoán, hăng hái, bền bỉ (thích hợp làm lãnh đạo).

(6) Cầm tròn hẹp:

Cá tính đơn thuần, đầu óc rõ ràng, làm việc không kiên trì.

(7) Cầm nhọn hẹp:

Bộp chộp, hơi thần kinh, si tình, nghĩ gì làm đấy. Đề phòng chết yếu.

(8) Cầm lẹm:

Tính thất thường, hay chế giễu và moi móc người khác.

(9) Cầm hình gàu tát nước:

Nóng vội, hẹp hòi, hay tự ái.

(10) Cầm hai tầng:

Ôn hòa, bình tĩnh, khoan dung.

6. Tóc

(1) Tóc cứng: Tính hào phóng, sức lực dồi dào, cố chấp, khó hòa hợp với người khác.

(2) Tóc mềm: Thông minh lanh lợi, hòa nhã, sáng tạo, khỏe mạnh, tích cực, nhẫn nại, thiên tài, thiên về nghệ thuật.

(3) Tóc thô: Khỏe mạnh, tích cực, kiên nhẫn.

(4) Tóc mịn: Thông minh, tinh táo, có giáo dục, làm việc cẩn thận, hòa nhã.

(5) Tóc nhiều: Nhẫn nại, làm việc hăng hái.

(6) Tóc ít: Thông minh, tiêu cực, sức yếu, nhiều bệnh.

(7) Tóc đen bóng: Cởi mở hoạt bát.

(8) Tóc đen nhạt: Ôn hòa, sức khỏe yếu.

(9) Hói đầu: Mười người hói đầu, chín người giàu. Không có tóc, đầu dễ tỏa nhiệt, vì vậy họ thường phản ứng nhanh.

7. Râu

(1) Râu rậm: Tích cực, có sức sống, gan dạ, có dũng khí.

(2) Râu thưa: Hay sợ thất bại, làm việc thiếu kiên nhẫn.

8. Nhân trung (nằm giữa mũi và môi)

(1) Nhân trung sâu dài: Sức lực dồi dào, khá thọ, nhẫn nại chịu đựng gian khổ, nhiều bạn bè.

(2) Nhân trung nông, ngắn: Sức yếu, xốc nổi, tâm trạng không cân bằng.

9. Răng

(1) Răng to: Sức lực dồi dào, tài vận rất tốt.

(2) Răng nhỏ: Cần cù, có nghị lực.

(3) Răng nhọn: Làm việc tính toán kỹ, suy tính sâu, số mệnh không tốt lắm.

(4) Răng vẩu: Gan lì, làm việc tích cực, tò mò, hay nói, thích khoe khoang.

(5) Răng mọc nghiêng vào trong: Cử chỉ lạ lùng, thích ý tưởng, độc đáo.

(6) Răng thưa: Khỏe mạnh, không thể giữ bí mật.

(7) Răng mọc lung tung (răng mọc không đều): Giỏi biến hóa, vui giận thất thường, tự tư tự lợi, nói làm không nhất trí.

VIII.

ÔNG CHỦ CỦA BẠN LÀ NGƯỜI THẾ NÀO?

Trong xã hội ngày nay, quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động được xây dựng trên nguyên tắc dân chủ và bình đẳng. Ông chủ doanh nghiệp có quyền tự do dùng người và tuyển người có năng lực và trách nhiệm. Người lao động cũng có thể tự do lựa chọn người quản lý hay ông chủ của mình, tức lựa chọn môi trường công tác của mình.

1. Xem miệng ông chủ

Những ông chủ thành công có biểu hiện ở miệng như sau:

- Miệng góc cạnh phân minh.
- Miệng có hình cánh cung.
- Miệng mở ra to, chụm lại nhỏ.
- Trên môi có vết nhăn, môi trên môi dưới cân đối.
- Môi hồng hào như bôi lớp son hồng.
- Nhân trung sâu và dài.

Họ là những người thấu tình đạt lý, thông minh nhân hậu, suy nghĩ sâu sắc, biết giữ lời hứa, đã nói

là làm, năng lực làm việc lớn, trình độ văn hóa và hiểu biết xã hội cao hơn người bình thường.

Nếu gặp ông chủ như trên, bạn đã chọn đúng người.

Tướng ông chủ biểu hiện cụ thể:

(1) Miệng mở to, thu nhỏ, miệng ngay ngắn không lệch, môi đầy, răng đều và trắng: Những ông chủ này hào phóng, dám làm, tinh lực dồi dào, quyết đoán, từ 56 - 60 tuổi họ thành công.

(2) Miệng mở không thấy răng: Không giàu thì sang.

(3) Cười không lộ xỉ: Thích thành công trong công việc.

(4) Giọng du dương, mạnh mẽ: Giàu sang

(5) Giọng khàn, trầm, yếu: Nghèo, chết yếu, không thể kinh doanh lâu.

(6) Giọng lúc cao lúc thấp: Công việc trực trặc, trăm việc đều tắc.

(7) Cầm khuyết: Khoảng 60 - 61 tuổi gặp bệnh nan y hoặc phá sản.

(8) Miệng quá nhỏ so với mũi: Xấu, sau 50 tuổi sẽ gặp trực trặc trong cuộc đời.

(9) Miệng rộng môi to đầy đặn: Thích ăn ngon, cuộc sống đầy đủ, tài vận hanh thông.

(10) Miệng quá rộng: Quan hệ lộc vinh quý, thăng chức, kiếm được nhiều tiền (thân thể phải cao lớn mới ứng nghiệm).

(11) Miệng to, tai nhỏ và nhọn: Sự nghiệp trắc trở, phiêu bạt khắp nơi, khó có thành tựu, ít tài lộc.

Những người này thuộc loại “Thủy đa mộc phiêu” tức miệng như cái thuyền, coi như là thủy (nước), tai như bánh xe gỗ (mộc).

(12) Miệng to mũi nhỏ (thuộc loại “Thủy phản khắc Thổ”: Mồm thuộc Thủy, mũi trong ngũ hành vì ở giữa thuộc Thổ); hay bị vạ miệng, cãi cọ vô cớ, hay bị kiện tụng, bất lợi về bất động sản, mua nhà thì nhà có vấn đề hoặc bị lừa, trung niên cố hết sức cũng không có thành tựu.

(13) Miệng to mắt nhỏ: Tâm khẩu bất nhất, không làm ông chủ được. Nếu miệng mở to, hở răng, mắt nhỏ không góc, sách cổ xếp người này vào loại “chết không có đất chôn”. Nhưng thật ra họ dễ phá sản vì không biết dừng đúng lúc.

(14) Miệng to không có góc cạnh (góc cạnh ở đây chỉ môi nổi lên nhiều chỗ xung quanh miệng): Kiếm được tiền nhưng khó giữ, thích đầu cơ, không làm kinh doanh được.

(15) Mồm nhỏ trán to (thuộc “Hỏa đa Thủy khô”): Thông minh, mưu trí, sức yếu, quan hệ với cấp dưới không tốt, trung niên trục trặc, về già cô độc.

(17) Miệng nhỏ đầu nhỏ: Thuở nhỏ nghèo khổ, trung niên khá, đoản thọ.

(18) Miệng lớn mũi to (Thổ vượng khắc Thủy).

Cố chấp (không biết thay đổi), thích phê phán người, xung đột với cấp dưới, mũi to tự cao, không dám trao quyền cho cấp dưới.

(19) Miệng nhọn, chụm như thỏi lửa: Hay phê phán, nói bạt mạng, có lý bất chấp tình, sự nghiệp thất bại bần cùng.

(20) Miệng trễ: Chỉ nghĩ theo hướng tiêu cực, bi quan, cho dù cố gắng cũng vẫn khổ.

(21) Miệng lẩm ba lẩm bẩm (khi không có người): Tinh thần có vấn đề, cuộc đời nghèo khổ, nếu môi mỏng, sức yếu, phá sản.

(22) Miệng râu xồm xoàm: Khó phát đạt, dễ phá sản, về già nghèo khổ.

(24) Miệng có vết nhăn (#): Thuở nhỏ khổ cực, trung niên phát đạt, về nhà phú thọ, khắc con cái.

(25) Hai bên miệng có vết nhăn dọc: Cuối đời phá sản, tính hung bạo, dễ sa vào vòng pháp luật. Khi mới kinh doanh, mọi việc bình thường, sau đó trục trặc.

2. Xem tại ông chủ

(1) Tai mỏng, sơn căn (giữa hai lông mày) thấp, miệng nhỏ dẫu, ngực lõm: Không làm được ông chủ.

(2) Tai dẹt, hồng hào: Công việc hanh thông.

(3) Tai cao hơn lông mày: Sáng suốt hiểu đạt, giỏi giang; nếu môi xám, răng xạm, công việc trục trặc.

(4) Tai lệch (tai cao tai thấp), hai mắt xếch: Tuổi trẻ vận khá, từ 41 - 45 sẽ bị trục trặc, sức khỏe kém, bị thương bề ngoài. Nếu mũi gãy hoặc gồ, 30 - 40 tuổi phá sản.

(5) Tai có vành, tai vĩnh: Nếu hình dáng đẹp trai, trông giống như cánh hoa sen, hồng hào, lỗ tai to. Tục gọi "tai hươu", có tài, có thành tựu về khoa học, kỹ thuật song khó giữ được của, không nên làm ông chủ, nếu không nợ nần chồng chất, phá sản.

(6) Tai không có vành: Tục gọi là “tai lợn”, khó thành sự nghiệp, không thiện chung (chết yên lành).

(7) Tai tuy có vành nhưng mỏng, nhỏ: Danh nhiều hơn lợi, không hợp kinh doanh, nếu mũi mỏng càng không nên buôn bán. Vành tai không nên vĩnh, tuy khôn ngoan lanh lợi nhưng không giữ được của, dễ phá sản.

(8) Vành tai không đều: “Kim Mộc khai hoa”, nếu vành tai vĩnh thuở nhỏ nghèo, phải cố gắng nhiều mới thành công. Những người này thường tay trắng làm nên sự nghiệp. Lúc nào cũng chú ý đến cơ sở, là ông chủ cần mẫn, nhưng yêu cầu đối với cấp dưới rất cao.

(9) Tai có thiên luân (vành thiên ở bộ phận trên cùng của tai) không có địa luân (vành địa ở bộ phận dưới cùng của tai): Lúc thành lúc bại, khó giữ nghiệp.

(10) Tai tuy hỏ hoác nhưng có dái tai to, sự nghiệp vẫn thành công, thuộc loại thành công lớn nhưng muộn.

(11) Trên tai có nốt ruồi, cộng thêm mày thô: Chọc dù sự nghiệp thành công 30 - 50 tuổi sẽ thất bại cả gia đình lẫn sự nghiệp đồng thời còn mắc nạn kiện tụng.

(12) Tai to sần sùi, môi mỏng nhọn: Ít phúc lộc, về già không nơi tựa, không làm được ông chủ.

(13) Tai quá to, hai mắt quá nhỏ: Thuộc loại “Mộc đa bất sinh Hỏa”, ít phúc, hẹp hòi, không làm ông chủ được.

(14) Tai to không dái: Thông minh tài trí, thích khoa trương phù phiếm, năng lực có hạn, thành công

ít, đổ vỡ nhiều.

(15) Tai to nhưng nhẽo, dái tai nhỏ: Vô năng lại hiểu dân, lực thân và trợ thủ không giúp, sự nghiệp bất thành.

(16) Tai quá nhỏ, mũi quá to: Không nghe ý kiến đóng góp, không dám trao quyền, cho dù làm ông chủ suốt đời lao khổ.

(17) Tai quá nhỏ, mắt quá to: Khó giữ cửa, không làm ông chủ được.

(18) Tai nhỏ, có vành, đầy đặn, có dái tai to: Tay trắng làm nên sự nghiệp, tuy trẻ bần khổ, trung niên đại phát.

(19) Tai nhỏ lại xiên, vành nhỏ không dái (tai chuột): Dễ phạm nạn kiện tụng, thích đầu cơ, lập công ty cũng dễ lừa bịp mà thôi.

3. Xem lông mày ông chủ

Cổ ngữ có câu "Tinh thần tiềm tàng ở xương, thể hiện ở lông mày". Người phương Tây cho rằng: "Qua lông mày có thể biết tính tình, qua mũi có thể biết sức khỏe". Theo tướng mạo học Trung Quốc, thời gian bắt đầu vận động của lông mày, từ 31 tuổi đến 34 tuổi. Lông mày còn gọi là "cung thê tài". Lông mày liên quan với gan.

Có 8 yếu tố của tướng lông mày tốt đẹp:

1 - *Thoải ẩn*: Độ rộng giữa hai lông mày từ một đốt ngón tay trở lên.

2 - *Phụ ngạch*: Lông mày mọc trên xương lông mày.

3 - *Mao nhuyển*: Lông mày mềm mại.

- 4 - *Qua mục*: Long mày mọc quá long my.
- 5 - *Vĩ tự*: Đuôi long mày không mọc lung tung.
- 6 - *Hữu thái*: Long mày bóng mượt.
- 7 - *Hữu dương*: Long mày vươn lên mềm mại.
- 8 - *Căn căn nhi nội*: Long mày đen tuyền.

Trên đây là tám yếu tố biểu hiện của tướng long mày thành công, đại phú đại quý ở ông chủ. Sau đây là chi tiết dự báo đặc điểm các loại long mày:

(1) Long mày tú lệ (phù hợp với tám tiêu chuẩn trên, cộng thêm ấn đường đầy đặn, mắt sáng, mũi thẳng, mềm rộng, thời trẻ đã phát đạt, là nhân vật thành công.

(2) Long mày tú lệ, bóng, tai hồng hào, mắt uy nghiêm: Đang lên, thành công, mọi việc như ý muốn.

(3) Long mày khiếm khuyết nhỏ: Kinh doanh nhỏ thành công.

(4) Long mày cong dài: Cuộc đời phú quý.

(5) Long mày ngắn: Cuộc đời bần hàn, nếu ấn đường (giữa hai long mày) và mắt có tướng tốt giảm bớt bần hàn.

(6) Long mày bóng mượt: Tướng phú quý.

(7) Long mày thưa, thanh tú: Cuộc sống no đủ.

(8) Long mày rậm đen, sơn căn (chỗ thấp nhất của mũi) đầy đặn, hai mắt lớn: Cuộc đời thuận lợi, tài lộc dồi dào, gặp ông chủ này không sợ quýt lương.

(9) Long mày dài đến mang tai: Tướng đại quý.

(10) Long mày dựng đứng như tên: Cực đoan, tàn nhẫn, tuy có tài trí nhưng dễ tổn âm đức, công ty

lên xuống thất thường, dễ phá sản.

(11) Long mây chữ nhất: Chú trọng quyền lực, quản nghiêm do đó không được cấp dưới ủng hộ, dễ phá sản, thích hợp làm thủ trưởng quân đội.

(12) Sơn căn lõm, sống mũi tẹt, chóp hếch: Từ 25 - 34 tuổi không giữ được của, đa nạn đa tật.

(13) Long mây mọc tản mát: Không giữ được của, bại nhiều thành ít.

(14) Long mây mọc ngược: Hình khắc lục thân, nóng tính, dễ bị kiện tụng, tự cao tự đại, thành ít bại nhiều. Nếu xương mây cao, tính thô bạo, dễ phạm sai lầm, chết vì gặp hung hiểm.

(15) Long mây mọc giao nhau (trông như hai tầng long mây trông lên nhau): Khắc lục thân, bỏ tổ nghiệp ly hương, dễ bị kiện tụng.

(16) Long mây "tỏa ấn" (tức hai long mây giao nhau): Hình khắc lục thân, ngoài việc lấy vợ muộn, có con muộn ra, cuộc đời học nhiều thành đạt ít, cuộc đời ít quan lộc, buôn bán vỡ nợ. Giai đoạn từ 28 - 32 tuổi, 36 - 43 tuổi sự nghiệp không thuận lợi. Thời gian này, tâm trạng không ổn định, hay gặp trục trặc, rắc rối, tai vạ bất ngờ.

(17) Long mây "áp nhân" (tức long mây quá gần mắt): 26 - 46 tuổi công tác trục trặc. Nếu ấn đường, sơn căn lõm bỏ tổ nghiệp ly hương, một đời lao khổ.

(18) Long mây "mọc ngược": Nếu long mây thô mọc hỗn loạn, tính bộp chộp, suy nghĩ cực đoan, không nhẫn nại, cuộc đời nghèo khổ. Cuối đời cùng cực nghèo khổ cô đơn.

Cổ ngữ có câu: "Hình mây không hay, chớ hỏi công danh". Các tiên hiền nói: "Phát khoa (đỗ đạt) ở hai con mắt, cập đệ (đỗ cao) ở hai lông mày". Lông mày tú lệ, tài vận hanh thông.

(19) Lông mày đen mọc hỗn loạn, mờ mờ: Đang ở mặt lộ cùng đường, vận thế khó mở, danh lợi đều không.

(20) Lông mày mọc tản mát: Từ 31 - 34 tuổi sự nghiệp bình thường. Nếu các bộ phận khác không tốt sẽ có thể bị hao tổn tiền của.

(21) Đầu mày nhỏ, đuôi mày to: Tuổi trẻ không thuận lợi song về già vinh hoa, càng già càng tốt, trí thức chuyên môn cao, có tài đặc biệt, có thành tựu, sự nghiệp đỉnh cao, đi lên mãi.

(22) Lông mày rậm đen, trông lại thưa: Sau 33 tuổi, chậm nhất là 39 tuổi thay đổi về sự nghiệp, nếu bộ phận khác không tốt, về già thế lương, cô độc, bần hàn.

(23) Lông mày thưa: Lý trí kém, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, 30 tuổi buôn bán bình thường vì còn sức lực, quá 35 tuổi lý trí, thể lực mệt mỏi khó duy trì kinh doanh như cũ.

(24) Lông mày đen, thô, xẹp, cộng thêm mặt vuông cân đối: Có tài học vấn, hàn nho, không hợp buôn bán.

(25) Lông mày thô, rậm, đục (lộn xộn), áp nhãn, ánh mắt mờ mờ: Từ 19 - 39 tuổi dễ sa vào hình ngục.

(26) Lông mày mọc dựng đứng, mắt nhiều tia đỏ: Từ 19 - 39 bị sa vào ngục hình.

(27) Long mày mọc loạn xạ: Đề phòng thất bại, cẩn thận lời nói, kinh doanh thận trọng, dễ mắc vạ miệng hoặc tai họa bất ngờ, sự nghiệp tan vỡ rất nhanh.

(28) Long mày tự nhiên rụng: Cát vận chuyển thành suy vận, nên chú ý sức khỏe, đề phòng tổn hại tài sản.

(29) Long mày mọc lộn xộn, mặt nhiều vết nhăn: Làm nhiều thu ít, khó nên sự nghiệp, không nên làm chủ, chỉ công tác hành chính bình thường.

(30) Nốt ruồi long mày (trong có dấu ngọc): Thông minh, có tài, trung thành, lương thiện, chân chính. Nếu các bộ phận khác tốt đẹp, có thành tựu lớn. Tuy bị trắc trở một lần, sau đó hoàn toàn thuận lợi.

(31) Nốt ruồi ở phần trên long mày: Từ 31 - 34 tuổi tuy công việc trục trặc, nên giữ gìn cẩn thận, không nên đầu tư lớn vì dễ phá sản.

(32) Long mày có mụn, nốt ruồi ác, hoặc lõm khuyết: Trung niên mắc vạ kiện tụng, dễ bị phá sản, có thể sa chân không bao giờ đứng dậy nổi.

4. Xem mũi ông chủ

Mũi là chủ tài vận, vì vậy nên thẳng, đầy đặn, bóng mượt, cân xứng, chóp mũi tròn, lỗ mũi không quặp không hếch, cánh mũi cân đối, cộng với lưỡng quyền vừa phải, đó là tướng "sao Thổ nhập mệnh". Người có mũi này đại phú đại quý, đủ cả phúc, lộc, thọ.

Mũi đẹp song còn phải kết hợp với tai, mày, mắt, miệng mới phát huy tác dụng. Nếu một bộ phận khiếm khuyết, sự nghiệp kinh doanh của người chủ khó phát đạt.

(1) Mũi nhọn: Ý chí, tài năng hơn người, tay trắng làm nên sự nghiệp. Nếu miệng, tai, tay đầy đặn, đầu tròn, eo tròn giàu lâu dài, sự nghiệp cũng thăng tiến.

(2) Mũi thẳng đầy đặn cộng thêm mắt sáng mày đẹp: Từ 31 - 50 tuổi vận tốt, tài vận phát, có quý nhân dìu dắt, có thể lập công ty lớn.

(3) Mũi đầy đặn, lưỡng quyền đẹp: Trung niên sự nghiệp thuận lợi, tay trắng lập sự nghiệp, được người giúp, tài hoa phú quý.

(4) Mũi đầy đặn, lưỡng quyền xấu: Trung niên sự nghiệp khó khăn.

(5) Mũi quyền đầy đặn, ấn đường (giữa hai lông mày) lõm, hai mắt mờ tối nếu cố tình kinh doanh trung niên thất bại.

(6) Mũi đẹp quyền xấu (quyền cao quá hoặc có tí vết) không nên liên doanh, nên chỉ kinh doanh nhỏ để tránh bất hòa, tổn hại tiền bạc.

(7) Sống mũi gãy gọi là "Lai long bất vượng": Cho dù cố gắng cũng dễ thất bại; nếu lưỡng quyền xấu không được quý nhân giúp đỡ, sự nghiệp càng nguy hiểm, từ 41 - 47 tuổi dễ bị phá sản.

(8) Mũi có khiếm khuyết, nhưng sống mũi thẳng, lông mày đẹp, sự nghiệp vẫn phát đạt.

(9) Mũi đẹp, lông mày xấu: Dễ bị phá sản hoặc sức yếu.

(10) Mũi nhỏ, trán và cằm đầy đặn: Vẫn có thành tựu trong sự nghiệp, cần được bạn bè giúp đỡ.

(11) Mũi thẳng, xương xấu, gọi là "mũi kiếm": Cuộc đời bôn ba, làm nhiều lộc ít, sự nghiệp khó thành.

(12) Mũi cao không đầy đặn (lộ cốt): Cho dù tổ nghiệp để lại tài sản lớn thế nào, chỉ vài năm bị tan.

(13) Mũi bẹt, cong, lõm: Từ 41 - 50 tuổi bệnh tật, sự nghiệp tan rã. Nếu mày cong dài, mắt sáng không sao, song thu hoạch có hạn, sức lực kém.

(14) Sống mũi gãy ba phần hoặc lõm ba chỗ: Dễ bị phá sản và hình khắc.

(15) Mũi khô gầy, cánh mũi khô khuyết và có tia máu hồng dưới da: Cả đời gian lao, sự nghiệp không thành, kinh doanh thất bại.

(16) Mũi lồi lõm: Có bệnh tật đang ẩn, sự nghiệp không thành.

(17) Mũi đẹp song quyền thấp, mặt nhỏ, trán phẳng, má khuyết, cổ ngữ gọi là "Cổ phong độc tủng": Không giữ được của, có nguy cơ phá sản, nam nếu không râu càng linh nghiệm.

(18) Mũi ngắn: Thất bại, phá sản, mang họa. Tốt nhất là không kinh doanh lớn.

(19) Mũi nhỏ lỗ mũi to hoặc mũi gầy mặt béo: Thất bại kinh doanh, làm nhiều thu ít. Nếu làm công chức, cũng bị cướp công.

(20) Mũi nhỏ lỗ mũi to hoặc cánh mũi một to một nhỏ: Làm việc theo hứng, dễ phá sản, không

giữ được của. Sau 50 tuổi, sống trong nghèo khổ.

(21) Mũi quá nhỏ, nhân trung nông: Sự nghiệp trắc trở, thu ít, sức khỏe yếu, nếu có râu, giảm được trục trặc.

(22) Mũi to mũi nhỏ, chóp mũi quặp: Thuộc loại "Thổ khắc Thủy". Khoảng 50 tuổi phá sản.

(23) Mũi nhỏ lại lõm: Khó thành sự nghiệp, cô khổ bản hàn.

(24) Mũi nhỏ, sơn căn thấp: Vất vả khó thành, không được người thân, bạn bè giúp đỡ, nếu mất sáng, tai to gặp hung hóa cát.

(25) Cánh mũi to, đầy đặn, bóng mịn: Sớm thành công, biết kinh doanh.

(26) Cánh mũi đầy đặn, đình úy (cánh mũi phải) đầy đặn hơn gián dài (cánh mũi trái): Có thể liên doanh, liên kết, tự đầu tư làm môi giới, phát đạt.

(27) Mũi hẹp, không cánh mũi (cánh mũi nhỏ, bẹt): Không có cửa, bởi vì hai cánh mũi tượng trưng hai kho của.

(28) Hai cánh mũi có nốt ruồi đen: Bị bệnh đau dạ dày, trung niên dù có sự nghiệp cũng thất bại. Nếu có gân đỏ, chứng tỏ vấn đề tiền bạc đang bị tổn hại.

(29) Cánh mũi trái khuyết: 44 tuổi sẽ bị gặp tai họa phá sản.

(30) Cánh mũi phải khuyết: 45 tuổi sẽ bị gặp tai họa phá sản.

(31) Lỗ mũi không có lông: Hung tướng, tham

lợi trước mắt, không nghĩ hậu quả, bóc ngắn cắn dài, sự nghiệp không thành.

(32) Sơn căn đầy đặn: Ý chí kiên định, suy nghĩ thấu đáo, quyết định chính xác, sự nghiệp thành công.

(33) Sơn căn có một hai vết nhăn ngang: Trung niên, sự nghiệp bại, có ba vết nhăn: Tay trắng dựng nghiệp, lao khổ, xa quê mới thành.

(34) Mũi đầy đặn, sống mũi thẳng, chóp mũi tròn, đầy: Tay trắng dựng nghiệp, giàu có. Nếu ngũ quan tốt, mắt sáng, giàu địch quốc.

(35) Trên sống mũi có vết nhăn xiên, ngang, sâu: Trong đời có lần thất bại (ở thời gian trung niên). Vết nhăn nhiều nhưng chứng tỏ trung niên có dấu hiệu hao tổn tiền bạc.

(36) Sống mũi lồi: 31, 32, 37, 38, 44, 45 tuổi dễ bị phá sản, thân bại quê người.

(37) Sống mũi cong: 31 - 47 cần đề phòng thất bại kinh doanh.

(38) Sống mũi lõm: Cho dù chóp mũi dài 44 - 47 tuổi đề phòng thất bại trong kinh doanh, nữ dễ bị ly dị.

(39) Chóp mũi tròn, sống mũi có vết: Trung niên thất bại, nhưng sau đó thành công giàu có.

(40) Mũi sư tử: Chóp mũi tròn, cánh mũi to, sơn căn lõm: Sức sống mạnh mẽ, tinh thần phấn đấu cao, kinh doanh thuận lợi. Nếu trán cao sẽ đại phú.

(41) Mũi điều hâu: Chóp mũi nhọn, quặp: 44 48 tuổi dễ phá sản.

(42) Chóp mũi nhỏ, nhọn: Tự tư, hay mất lòng người khác, cuối đời nghèo khổ.

(43) Chóp mũi nhỏ, nhọn, quặp không sâu: Chỉ nên kinh-doanh nhỏ.

(44) Chóp mũi đầy đặn, sơn căn thấp, có vết nhận: Vất vả cả đời, sự nghiệp không thành.

(45) Mũi hếch: Trung niên dễ bại, nếu chóp mũi có nốt ruồi đen, bốn ba nghèo khổ.

5. Xem mắt ông chủ

(1) Mắt lý tưởng: Sáng, cân đối, lòng đen lòng trắng phân rõ, ánh mắt sắc, có hồn, tài hoa, thông minh.

- Khoảng cách giữa hai mắt vừa phải.

- Hai mắt đều nhau.

- Lòng đen ở chính giữa mắt.

- Mắt dẹt (mắt tròn: Gọi là mắt trố, mắt dẹt gọi là mắt dẹt (tế), phân biệt với mắt nhỏ (mắt híp) và dài.

(2) Mắt to, lòng đen quá lộ, hai mí: Tính bộp chộp, nặng về tình cảm.

(3) Mắt dẹt, lòng đen quá lộ: Trí dũng đều kém.

(4) Mắt nhìn thấy tai (mắt dài): Thiên tài (rất hiếm).

(5) Mắt to: Tuy có tài nhưng bất lợi quan trường.

Mắt dẹt: Tài bình thường, nhưng lại quan trường, đại thọ.

(6) Mắt trố lại ngắn: Vừa ngu vừa ác.

Mắt dẹt không dài: Nhỏ nhen, không thành đại

nghiệp.

(7) Mắt có hồn, ánh mắt nhìn tập trung, biểu thị chí hướng xa, ý chí mạnh là tướng thọ. Ánh mắt biểu thị sức khỏe, vận khí.

(8) Lòng đen lòng trắng phân minh: Lòng đen nhiều hơn lòng trắng. Nếu lòng trắng nhiều hơn lòng đen gọi là mắt trắng dã, thuộc loại mắt ác, đoán thọ hoặc tai nạn bất ngờ, nếu trường thọ cô độc thể lương.

(9) Mắt thần định: Khi làm chủ vận mệnh, tinh thần mạnh mẽ bình tĩnh trước nguy nan.

(10) Mắt phượng: Mắt thanh mây tú, lòng đen lòng trắng phân minh, đồng tử trong, mắt có hồn. Sách cổ gọi là "mắt phượng". Đây là tướng đại quý đại phú, sự nghiệp gặp quý nhân giúp đỡ, thuận buồm xuôi gió.

Mắt đẹp cân đối, dài, đuôi mắt hơi vươn lên gọi là mắt "Đan phượng": Trọng nghĩa khinh lợi, chính khí凛冽, làm người cẩn thận, nổi danh thiên hạ, là hiền năng thanh quan hoặc trung liệt võ tướng. Không thích hợp kinh doanh, vì loại người này tôn trọng pháp luật, tín nghĩa, không biết biến thông.

(11) Mắt sáng có hồn, ánh mắt sắc: Thông minh, tài hoa.

(12) Mắt tối âm u, sức khỏe, trí tuệ, tính cách có vấn đề nghiêm trọng, khó thành sự nghiệp, thành nhiều hơn bại, cuộc đời bình thường.

(13) Mắt đục, lòng đen âm u, không có ánh sáng (vô hồn), lòng trắng có gân đỏ: Tướng nghèo khổ, suốt đời không làm nên sự nghiệp.

(14) Mắt đen như mực (lòng đen đen tuyền), ánh mắt sắc, lưỡng quyền cao rộng: Thông minh hiền lương, sự nghiệp tất thành.

(15) Mắt gian hùng, tức lòng đen vừa to vừa tròn, chiếm gần như toàn bộ khoang mắt: Trí tuệ lớn nhưng tâm địa tàn nhẫn, hy sinh người để đại thành tựu.

(16) Mắt đoản mệnh: Lòng đen tuy to, mắt to nhưng không thu (trố), ánh mắt tản mát.

(17) Mắt lòng đen lòng trắng rõ ràng: Tài vượng, làm ít thu nhiều, hưởng phúc. Nếu lòng đen trắng không phân minh, làm nhiều thu ít.

(18) Mắt trắng dã: Sự nghiệp lúc thành lúc bại, thành công thất thường.

(19) Mắt vô hồn: Khoảng 40 tuổi gặp tai họa, nếu không sức khỏe, sự nghiệp bị hao tổn.

(20) Ấn đường (khoảng cách giữa hai mắt và lông mày) hẹp (hoặc sơn căn hẹp): Sách cổ gọi là "Nhật nguyệt tranh huy", nên đi theo ngành quân sự. Nếu kinh doanh dễ phá sản.

(21) Mắt không đẹp, lông mày tản: Sau 40 tuổi sự nghiệp hao tổn, sẽ không vực dậy được.

(22) Đuôi mắt trễ, tai gãy vẹo, mũi cong, gồ ghề: 40 - 50 tuổi sự nghiệp hao tổn.

(23) Mắt to, có hồn, lông mày dài quá mắt: Có thành tựu, lông mày ngắn trung niên gặp nạn, sự nghiệp tan vỡ.

(24) Mắt to, trán nhỏ hẹp: Khó thành công, đoản thọ.

(25) Mắt to, thần lộ (ánh mắt không thu): Dã tâm lớn, dục vọng nhiều, tuy tài cao, không được thiện chung (chết yên ổn).

(26) Mắt thần lộ, mũi quá nhỏ, nhọn (Mộc khắc Thổ): Khó thành, trung niên gặp ách, sự nghiệp tan vỡ.

(27) Mắt to, thần lộ, tai chuột (Thủy bất sinh Mộc): Học nhiều thành đạt ít, khó thành sự nghiệp, đoản thọ.

(28) Mắt to, mồm quá nhỏ (Mộc bất sinh Hỏa): Hạn 49 tuổi, sự nghiệp thành công lại e đoản thọ.

(29) Mắt to, mặt quá nhỏ: Khó giữ của.

Mắt nhỏ, mặt quá to: Đề phòng họa hung khí.

(30) Mắt nhỏ tai to: Nghèo khổ cô độc.

(31) Mắt nhỏ miệng to: Nghèo đến già.

(32) Mắt nhỏ lông mày thô rậm: Suốt đời trắc trở, tai họa liên miên, sự nghiệp khó thành.

(33) Mắt không đẹp, song tướng lông mày đẹp: Sự việc khó thành.

(34) Mắt trái hơi nhỏ (nữ kỵ mắt phải nhỏ): 32, 41, 50 tuổi sự nghiệp trục trặc, sức khỏe suy yếu, hao tổn tiền của. Mắt phải nhỏ: 26, 35, 44 tuổi cũng giống như trên.

(35) Mắt trố, ánh mắt không lộ, lòng đen lòng trắng phân minh (ác hình thiện nhân): Có thể phát đạt, đa lao đa khổ, gặp hung nhiều.

(36) Mắt lộ không uy (ác hình ác nhân): Hình khắc lao khổ, sự nghiệp không thành, đa hiểm đa

nạn.

(37) Đuôi mắt có vết nhăn hướng lên trên: Tay trắng dưng nghiệp, thọ. Nếu bộ phận khác tốt: Sự nghiệp tất thành. Vết nhăn xuống dưới, lao khổ, làm nhiều thu ít. Vết nhăn quá nhiều (ở đuôi mắt) tuy giàu có song mệt mỏi, khó hưởng phúc.

(38) Mắt sâu: Khó giữ của, nếu lông mày thưa tảo, 41 tuổi hao tổn, mất hết.

(39) Mày áp mắt: 37 tuổi phá sản, cho dù không kinh doanh cũng tranh cãi, hao tổn tài sản.

IX.

CHỌN BẠN TRĂM NĂM QUA TƯỚNG MẠO

Lựa chọn người bạn trăm năm luôn là vấn đề bức xúc nhất từ bao đời nay. Người thì may mắn có được người vợ cần cù chịu khó, người thì lấy phải cô vợ lười biếng, thích hưởng thụ. Người có được người chồng thủy chung hết mực trách nhiệm, kẻ thì lấy phải anh chồng cờ bạc, trai gái và ngược đãi vợ con. Nghịch cảnh như thế có vô số trong xã hội. Sau đây là một số bí quyết khi lựa chọn bạn đời trăm năm dưới con mắt môn khoa học nhân tướng.

A - CHỌN VỢ

1. Dái tai to dầy - tài vận tốt

Bất luận dáng mạo, mặt mũi có khiếm khuyết gì, nếu bạn có một đôi tai to, dầy dạn, dái tai dài thuộc loại "Mệnh tốt không sợ vận xấu".

Người có dái tai to dầy, tiền của nhiều, bạn bè giúp, tài sản đặc biệt tốt, trong nhà có ruộng đất, nhà cửa vàng bạc. Bất kể là nam nữ đều có gia đình yên vui. Chỉ cần không kinh doanh lớn, không sợ hao tổn tiền của, không đau đầu về tiền bạc. Vì có vận quý nhân nên không sợ tai họa nguy nan. Việc hung hóa cát, việc lớn hóa nhỏ.

Nữ có dái tai to, mềm mại rất khoan hậu, dịu dàng, có âm phúc, nhân duyên gọi là người có "phúc". Nếu bạn có người vợ như vậy, vận khí của bạn không thể xấu, không lo ăn mặc thiếu thốn. Nếu gặp được cô gái như vậy phải cưới càng nhanh càng tốt, đừng chần chừ do dự, thậm chí không cần xem ngày sinh tháng đẻ của cô ta.

2. Tiếng nói dịu dàng - giai hiền nội trợ

Tiếng nói* như vô hình song lại bị ảnh hưởng rất lớn tới con người. Tướng học cổ xưa rất trọng "nhân thanh"(**) đặc biệt đối với nữ giới.

Tiếng nói dịu dàng, trong trẻo, vang lảng là khuôn mẫu của người vợ hiền. Đó là người khỏe mạnh,

* Tiếng nói: tức giọng nói con người.

** Nhân thanh: Cổ ngữ có câu "Nhân thanh, vật sắc, hoa hương, quả vị" có nghĩa là con người quý ở tiếng nói, đồ vật quý ở màu sắc, hoa quý ở hương thơm, quả quý ở hương vị.

tâm khí lưu thông, là người tự tin, hoạt động gánh vác việc nhà. Nếu giọng nói khàn khàn, cao chội tai, quá thấp, ồ ồ... gây không khí căng thẳng, bức bối.

3. Nhân trung sâu rõ - Thể chất ưu tú

Nhân trung sâu rõ, sức sống dồi dào, có thể sinh con khỏe mạnh.

Nhân trung - giữa chóp mũi và môi trên, tốt nhất nên: Trên hẹp dưới rộng, nét rõ ràng, không có nốt ruồi, vết nhân hoặc gồ ghề, kỵ ngắn.

Nếu nhân trung sâu rõ: Làm việc có nghị lực, là người tinh anh, tác phong quang minh lỗi lạc, hiểu thuận, thông minh, đa phúc.

Nếu nhân trung quá sâu, tính cố chấp, ngang bướng.

Nhân trung sâu rõ còn trường thọ, vượng phu ích tử, thật là mệnh tốt. Là người lòng dạ tốt, thích giúp người, có hậu.

4. Mũi cao sống thẳng - phượng hoàng trong đời

Mũi cao, sống mũi thẳng, sơn căn (chỗ thấp nhất của mũi) đầy đặn, cánh mũi đầy đặn là quý tướng.

Nếu nữ mũi cao sống thẳng cho dù học vấn không cao vẫn là phụ nữ sáng giá, đáng lấy làm vợ. Chỉ cần sơn căn không quá cao, nếu không sẽ là kẻ ngoan cố, bất lợi trong nhân duyên. Những người sống mũi cao đều là người có năng lực cá nhân tài giỏi. Nữ sống mũi cao thường lấy chồng có năng lực, thật xứng đáng là duyên kỳ ngộ. Đó là những người vợ vượng phu ích tử.

5. Cầm dây dợ - cá tính ôn hòa

Nữ cầm dây dợ không những hòa nhã, biết chiều lòng người. Sách tướng có câu: "Nữ hàm dây dợ, vượng phu ích tử". Nếu lấy được người vợ như vậy, người chồng vô cùng hạnh phúc. Họ sẽ giúp chồng làm nên sự nghiệp, chăm sóc con cái, phụng dưỡng bố mẹ chồng. Tục ngữ nói "Gia hòa vạn sự hưng". Chính người phụ nữ mang lại sự hưng vượng cho gia đình.

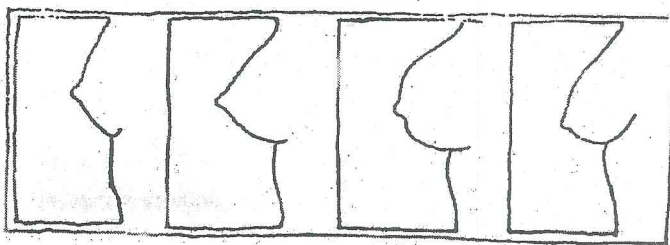
Nếu thịt cầm dây dợ, rú xuống lại quá nhiệt tình giúp người khiến mình bận bịu quá. Yêu quý người đương nhiên là đáng quý, nhưng đầu tiên phải yêu quý mình và người thân của mình trước.

6. Cặp vú nở nang tròn trịa

Bộ ngực là phần nhạy cảm nhất về giới tính ở phần phía trên của cơ thể của người phụ nữ, có thể coi đó là "Khí quan tính dục thứ hai", ta có thể thấy mối quan hệ mật thiết giữa bộ ngực và tính dục. Thường thì, bộ ngực phát triển là biểu thị sự trưởng thành về giới tính của người con gái.

Hình dáng kích thước bộ ngực của con gái mỗi người mỗi khác. Về cơ bản; hình dáng của bộ ngực phụ nữ có thể được phân thành 4 loại sau: Ngực nhỏ, ngực hình nón, ngực tròn to (hình bán cầu) và ngực xệ. Từ đây có thể đoán biết được tính cách, độ trưởng thành và khả năng tình dục của người phụ nữ.

- *Ngực nhỏ.* Những bạn gái có bộ ngực nhỏ thường là những người đang trong độ tuổi đi học (khoảng trên 10 tuổi), kể cả một số nữ sinh viên.



H 32

Hình: một số kiểu bộ ngực nữ giới

Giới tính của họ thường chưa phát triển nên khả năng tình dục không lớn, không thích tìm hiểu về tình dục, và cũng không thích kết bạn với người khác giới, dễ nổi cáu.

- *Ngực hình nón.* Những bạn gái có bộ ngực hình nón thường yêu cầu rất nghiêm khắc đối với người bạn trai, tính tình ổn định, trưởng thành về giới tính. Đặc biệt nổi bật của họ là coi trọng chữ "Trình". Họ rất chung tình, là một người vợ, người mẹ mẫu mực.

- *Ngực tròn to (hình bán cầu).* Hình dáng của bộ ngực giống như quả táo, những bạn gái có bộ ngực này thường đã trưởng thành về giới tính, tính dục phát triển mạnh có sức hấp dẫn mạnh mẽ với nam giới. Đầu vú và thân vú phát triển to, rất tốt khi nuôi con và làm cho người chồng thỏa mãn trong quan hệ chăn gối. Vì vậy những người đàn ông có kinh nghiệm trong chuyện chăn gối đều rất thích những phụ nữ này.

- *Ngực xệ.* Những phụ nữ có bộ ngực này thường không quá coi trọng quan niệm chữ trinh, rất thích

gắn gũi với người khác giới. Dạng những phụ nữ này rất được con trai Âu - Mỹ ưa thích, vì họ là biết cách chiều chuộng nam giới trong quan hệ chăn gối.

Nếu như bạn muốn tìm bạn gái, thì trước tiên nên chú ý đến hình dáng, kích cỡ bộ ngực của người bạn gái, xem có phù hợp với tính cách của bạn không. Những phụ nữ xứng đáng làm vợ của những người đàn ông tự tin thường là những phụ nữ có bộ ngực căng tròn.

Bí quyết chọn vợ:

Nữ, ngón tay như củ hành, chồng thành công sớm. Lưng quỳn cao nổi, chồng ra đi sớm (chết sớm). Mắt sâu lại động tình càng linh nghiệm. Sống mũi lõm khuyết, dễ bị lừa. Vết đậu đỏ đầy mặt, hôn sự nguy hiểm. Mông cong lại cao, sát chồng không cần dao; mông bằng phẳng, chồng không thỏa mãn. Mặt tròn môi hạnh, thật đáng yêu; nhân trung sâu dài, phú thọ miên trường. Mông lác eo lác, là kẻ bẩn tiện.

B. CHỌN CHỒNG

1. Tai cao hơn lông mày - thông minh hơn người

Cổ ngữ có câu: “Tai cao hơn lông mày, thiếu niên đã phát”. Trường hợp này rất đúng với Trương Học Hữu (một vị quan Trung Quốc), có sự nghiệp hanh thông. Ông là người ngũ quan xuất sắc, tai cao hơn lông mày, thông minh hơn người. Do am hiểu câu “tự cao thì tổn hại, khiêm tốn thật có ích”, vì vậy mới có thể giữ được vận tốt nhiều năm.

2. Trán rộng đầy đặn có thể đạt địa vị cao

Trán cao, thiên đình (vị trí chính giữa trán) đầy đặn. Hai bên thiên đình gọi là hai góc nhật nguyệt, hai bên góc nhật nguyệt gọi là biên thành. Từ 15 - 25 tuổi đã có danh tiếng. Họ là những người địa vị cao, nhân viên cao cấp của công ty. Trán rộng, biểu hiện của trí não phát triển, năng lực tư duy và năng lực phán đoán cao hơn mọi người do đó dễ thành công. Nếu hành vi cử chỉ dàng hoàng tạo ấn tượng tốt đẹp, vô cùng thuận lợi.

3. Mày tú sắc hồng - vận thế tốt đẹp

Nếu có đôi lông mày thanh tú, đến sau 20 tuổi vận thế sẽ tốt đẹp. Mày rậm nhưng không thô, mày thưa nhưng không tản mát. Lông mày hơi vươn lên, lông mày thu. Đó là những người thông minh, tấm lòng lương thiện. Biết rút kinh nghiệm sau mỗi lần thất bại, không hề ghen tỵ với người khác, lạc quan, thành công trong sự nghiệp.

Do sức lực dồi dào, khi thời cơ đến có thể lợi dụng ngay.

4. Lương quyền đầy đặn - phơi phơi đi lên

Lương quyền là đường quan lộc. Lương quyền đầy đặn, đường quan lộc hanh thông. Không có lương quyền đầy đặn rất khó thành công.

Lương quyền đại biểu cho chí tiến thủ. Nếu lương quyền đầy đặn, năng lực làm việc cao, giàu mưu mẹo. Nếu mũi thẳng, vừa uy nghiêm vừa có quyền cao chức trọng, quý hết chỗ nói. Từ 44 - 48, vận thế hanh thông quan vận thuận lợi đạt tới đỉnh cao.

5. Địa các đầy đặn - cuối đời đại phát

Nếu địa các tức cằm đầy đặn, sự nghiệp phát đạt, cả đời phú quý, thuận buồm xuôi gió. Nếu mang tai có một hai vết nhăn tục gọi là vết nhăn thành công, cuối đời đại phát.

Bí quyết chọn chồng:

Nam, 10 ngón tay bút măng, tiền tài ngày một nhiều. Gian môn (đuôi mắt) lõm khuyết, khắc thê hôn nhân thay đổi. Mắt có tia máu đỏ, làm việc hay thất thố. Sống mũi nghiêng vẹo là kẻ âm hiểm gian tà. Vết nhăn ngang nhiều là kẻ hung bạo vô luân. Ánh mắt không yên, tâm thuật bất chính. Mặt sắt mày cao, nắm binh quyền lớn. Mày thanh mắt tú, tiền đồ như gấm hoa. Mắt sáng tai lớn, vận mệnh hanh thông. Lưng gù, ngực dô, suốt đời khổ cực. Tiếng bé, đi như rắn bò, tiền đồ chẳng ra gì.

LUẬN VỀ NỐT RUỒI

I.

ĐÔI ĐIỀU VỀ NỐT RUỒI

Có nhiều người cho rằng, nốt ruồi chẳng qua là biến sắc tố dưới da, làm sao có thể từ nhân tố ngẫu nhiên này phán đoán được tình trạng cát hung, cũng như dự báo được tính cách con người. Họ cho rằng, nhận dạng về nốt ruồi thiếu cơ sở khoa học. Song thực tế họ lại công nhận những thành tựu nghiên cứu về sinh học cây trồng: Nếu trên thân cây hoặc vỏ quả xuất hiện vết (giống như nốt ruồi ở người) đốm, người nông dân sẽ căn cứ vào màu sắc, hình dáng của vết đốm có thể xác định chính xác cây đang mắc bệnh gì, xuất hiện loại sâu bọ gì hoặc thiếu phân gì, thừa phân gì. Vì vậy mới có câu "Mọi cái bên trong phản ánh ra bên ngoài". Từ đó không thể nói, xem nốt ruồi để dự báo là "không có cơ sở khoa học", không đáng bàn luận. Gần đây có nhiều nhà y học nghiên cứu nốt ruồi trên góc độ chuyên môn và thừa nhận nó là một căn cứ để xác định sức khỏe và tâm lý con người.

Có một câu chuyện sau đây đáng suy nghĩ: Một học viên hay tỏ ra nghi ngờ về kiến thức tướng học, một hôm được một giáo viên khẳng định: “Ở bên trái của cậu có một nốt ruồi mà cậu không để ý, nếu không tin cậu có thể cùng một học viên khác đi kiểm tra”. Sau khi từ phòng vệ sinh ra, hai học viên thừa nhận và khâm phục điều thầy giáo nói. Thực tế, vị giáo viên đó chỉ căn cứ vào mục “Tinh tương ứng” của tài liệu tướng mạo để phán đoán mà thôi. Nếu cuốn sách này ứng nghiệm, điều này chứng tỏ kinh nghiệm do tiên hiền tổng kết có tính khoa học rất cao chưa thể phủ nhận mù quáng. Cuốn sách này giải thích, ở một bộ phận nào đó trên mặt có nốt ruồi, một số bộ phận khác trên cơ thể cũng có nốt ruồi tương ứng. Điều này rất ứng nghiệm. Từ đó, ta có thể từ dấu hiệu bề ngoài để biết chỗ nào, bộ phận nào trong cơ thể có vấn đề.

Vết bớt, tàn nhang trong tướng mạo học không có tác dụng quan trọng như nốt ruồi. Vết bớt là vết trên cơ thể hình thành từ trong bào thai, khi sinh ra đã thấy, phân bố thành từng đám, có màu đỏ, màu chàm, tục gọi là “vết bớt của mẹ”. Y học gọi là “vết ban rượu nho”, thuộc một loại “u huyết quản”. Những vết bớt này tồn tại suốt đời, không tự nhiên mất đi. Nếu nó xuất hiện ở chỗ hở, ngoài việc gây ra tình cảm tự ti đối với người có vết bớt. Nó không ảnh hưởng gì đến sức khỏe và uy hiếp tính mạng.

Nốt ruồi còn gọi là “điểm đen”, thời cổ gọi là “yểm”. Tất cả những vết trên da hơi nổi gồ lên đều gọi là nốt ruồi, nhiều nhất là màu đen, cũng có màu đỏ, hồng, son, xám, xanh. Dó tế bào ở tầng sâu dưới da tập trung các sắc tố (đen)... Sau đó nó nổi ở đoạn

cuối vi huyết quản bị vỡ ở dưới da, vì vậy nó phát triển và hình thành nốt ruồi. Những nốt ruồi son đỏ hình thành từ mao huyết quản của động mạch, còn nốt ruồi đen, xanh hình thành từ mao huyết quản của tĩnh mạch.

Nốt ruồi dưới góc độ dự báo được dân gian chia làm ba loại: Nốt ruồi quý, nốt ruồi ác và nốt ruồi bình thường.

- Nốt ruồi quý: Màu sắc bóng, sáng như ngọc trai, thường có màu đen bóng đỏ tươi, trong suốt.

- Nốt ruồi ác: Màu đen nhờ, màu đỏ nhợt nhạt, màu trắng đục.

- Nốt ruồi bình thường: Màu sắc không tươi nhưng trông lại tươi.

Người quản lý là người bố trí, sắp xếp, vận dụng các nguồn nguyên tài nguyên. Tài nguyên lớn nhất chính là nhân tài. Nhưng dùng người tài như thế nào để phát huy sở trường hạn chế sở đoản của họ.

Tam Quốc diễn nghĩa là một bộ thông giám tình sâu rộng lớn về nhận biết tài và dùng tài. Trong cuốn sách này, tác giả đã đề cao một tư tưởng quan trọng “được người thì thịnh, mất người thì chết”

Từ khi được Gia Cát Lượng phò tá, thế lực cát cứ của Lưu Bị mạnh lên. Thắng trận Xích Bích, đoạt Kinh Châu, lấy Tây Xuyên, địch Hán Trung, xưng vương, xưng đế, lúc này dưới trướng ông, vẫn có Khổng Minh, Bàng Thống, Pháp Chính phò tá; võ có “Ngũ Hổ tướng quân”, đáng chú ý nhất là võ tướng Ngụy Diên phục dịch, quả là cực thịnh một thời. Tuy nhiên, ngay khi Ngụy Diên về quy hàng, Khổng Minh đã phát hiện sau gáy ông ta có một nốt ruồi, liền

thét lớn: “Ăn lộc chủ mà giết chủ, mi là người bất trung”, ta xem mi sau gáy có cái phản cốt, mai sau tất sinh phản nghịch, nên chém trước phòng họa”. Vốn là người biết tận dụng người tài, ông không nỡ chém Ngụy Diên lúc đó, mà chỉ răn đe. Quả nhiên, sau khi Khổng Minh mất, Ngụy Diên tự đắc cho rằng không còn ai để sợ và đã tâm làm phản. Nhờ diệu kế cắm nang của Khổng Minh để lại, triều đình đã chém được đầu Ngụy Diên hết sức tài tình. Cái phản cốt sau gáy Ngụy Diên là cái gì nếu không phải là một nốt ruồi đen.

Sau đây là một số vị trí và ý nghĩa của nốt ruồi trên cơ thể con người theo kinh nghiệm dân gian:

1. Ở tai

- Nốt ruồi vành tai, chủ bị lời dèm.
- Nốt ruồi xanh đen, trung niên gian dầu.
- Nốt ruồi màu đen, sinh con quý tử.
(Một nốt một con trai, năm nốt năm con trai).

2. Ở lông mày

- Nốt ruồi giữa mày, thông minh hiền lành (chủ nhiều mưu mẹo).
- Nốt ruồi đầu mày, không sợ việc quan trọng (không sợ quỷ thần).
- Nốt ruồi lông mày, chức quan quý trọng.
- Nốt ác cuối mày, quan kiện trung niên (việc tranh giành ở cơ quan).
- Nốt trong lông mày, thông minh mưu kế.

3. Ở mắt

- Nốt ruồi dưới mắt, con cái khó nuôi (con cái thể lực yếu).

- Đuôi mắt nốt ruồi, vợ có bệnh tật.
- Nốt ruồi ở mi, chủ tính tham lam (dễ sa hình ngục).
- Nốt ruồi đuôi mắt, nam khắc thê nữ dâm dục.

4. Ở mũi

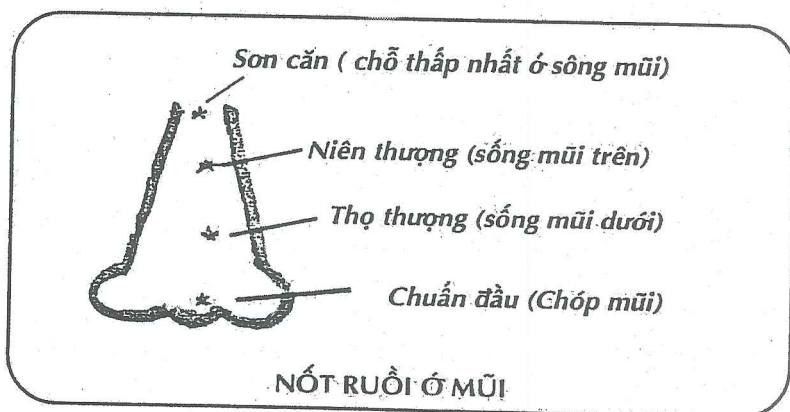
Sơn căn (chỗ thấp nhất của mũi).

Niên thượng (sống mũi trên). - Gọi chung là niên thọ.

Thọ thượng (sống mũi dưới).

Chuẩn đầu (chóp mũi) (vẽ hình).

- Nốt ruồi niên thọ, chủ bị bệnh hiểm (hiếm thấy).
- Nốt ruồi niên thượng, chủ tất nghèo khổ.
- Nốt ruồi thọ thượng, anh em bất hòa.
- Nốt ruồi cánh mũi, chủ tất gặp hung.
- Nốt ruồi chuẩn đầu, chủ bị bệnh trĩ.
- Chuẩn đầu nhiều nốt, chủ gặp gian truân.
- Nốt ruồi ấn đường (chỗ giữa hai lông mày),



thật là quý tướng.

- Nốt ruồi sơn căn, tài giỏi phúc đức (ở chính giữa).

- Nốt ruồi lệch căn, đề phòng sông nước.

(Lệch căn: Ở một bên sơn căn gọi là "lệch căn", thường hay gặp tai nạn sông nước).

5. Ở miệng, lưỡi

- Nốt ruồi môi trên, chủ nhiều tài lộc.

- Nốt ruồi môi dưới, cãi cọ lời thôi.

- Nốt đen môi trên, chủ tính tham ăn.

- Nốt ruồi giữa môi, hay bị vạ miệng (nốt ruồi

ác).

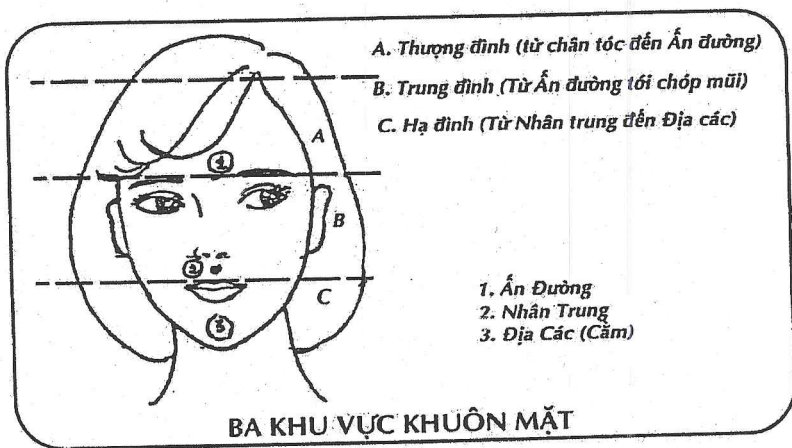
- Lưỡi có nốt ruồi, nói năng trí trá.

- Nốt ruồi bên miệng, khó mà tụ tài.

- Nốt ruồi bờ môi, chủ dễ tán tài.

- Nốt ruồi khóe miệng, chủ hay cãi cọ.

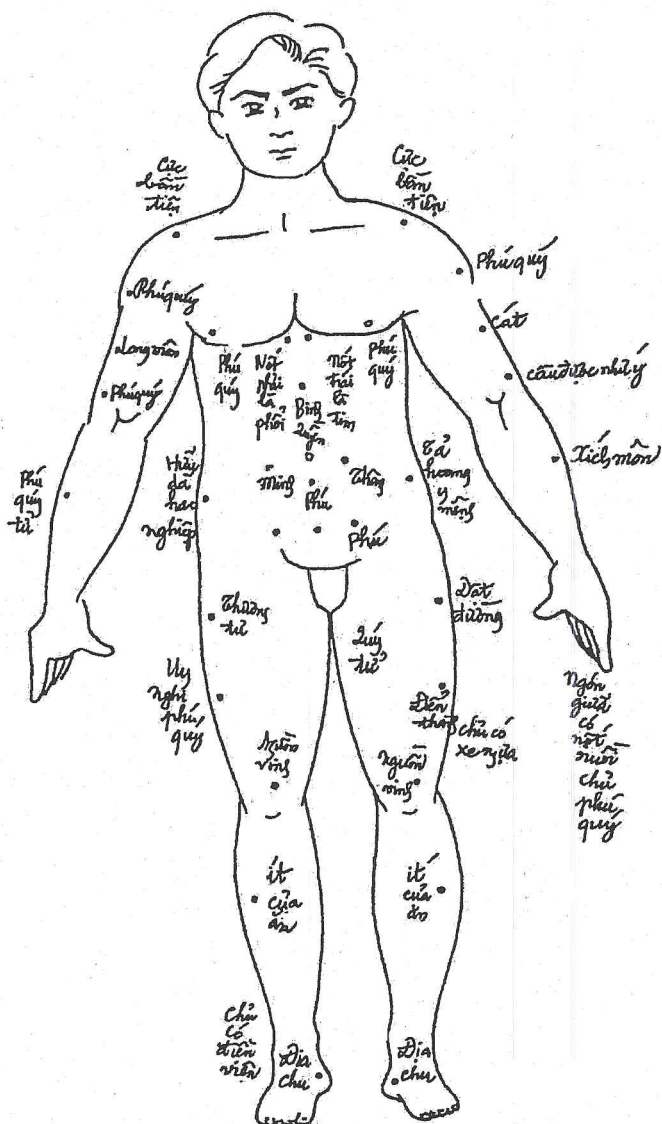
- Nốt ruồi cuối khóe miệng, đề phòng sông nước.



Sau đây là một số vị trí nốt ruồi tương ứng:

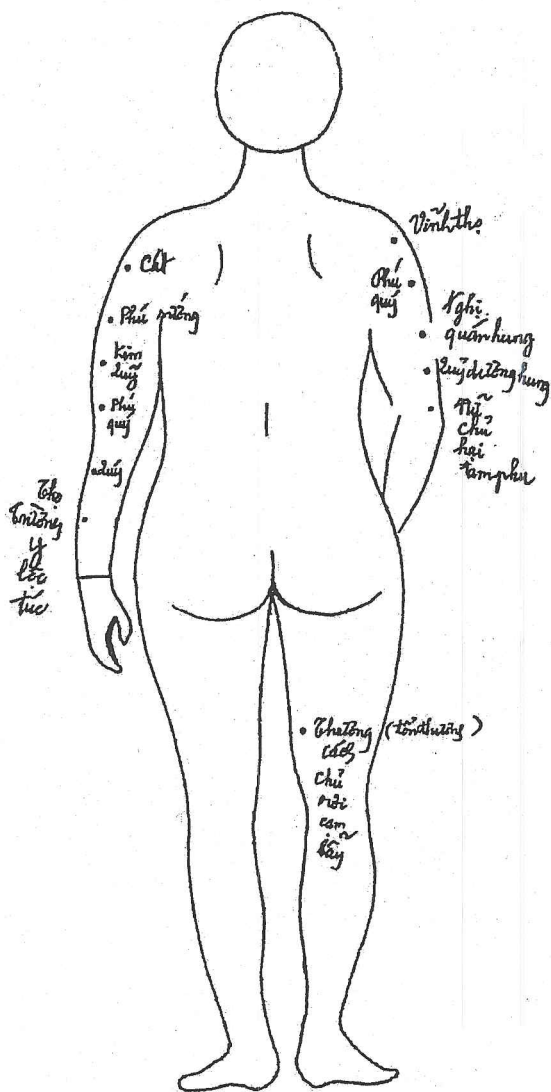
- Trán có nốt ruồi, đầu gối cũng có.
 - Tai có nốt ruồi, vai hoặc khuỷu tay cũng có.
 - Mé ngoài mắt có nốt ruồi, ở háng cũng có.
 - Nốt ruồi lông mày, ở vú cũng có.
 - Nốt ruồi đầu mày, ở cổ cũng có.
 - Nốt ruồi dưới bụng, ở lòng bàn chân cũng có.
 - Nốt ruồi trên tay, đầu gối cũng có.
 - Ấn đường nốt ruồi, trên lưng cũng có.
 - Nhân trung nốt ruồi, trong rốn (hoặc dưới rốn) cũng có.
 - Nốt ruồi trên mũi, dương vật cũng có.
 - Nốt ruồi thượng đình, dưới cổ, vai ngực lưng đều có.
 - Nốt ruồi trung đình, nách, rốn, eo đều có (trừ mũi nam).
 - Nốt ruồi hạ đình, rốn bụng dưới cũng có (trừ nữ).
- (Ba vị trí trên, bên trái ứng với bên trái, bên phải ứng với bên phải).
- Mũi có nốt ruồi, dương vật cũng có (ở sống mũi).
 - Nốt ruồi chóp mũi, quy đầu cũng có.
 - Môi có nốt ruồi, âm hộ cũng có.
 - Vành tai có nốt ruồi, âm hộ cũng có.

Chú ý: Nốt ruồi quý thường chính xác về vị trí tương ứng hơn nốt ruồi thường, còn nốt ruồi ác, không chính xác.



CÁC VỊ TRÍ NỐT RUỒI Ở PHÍA TRƯỚC





HÌNH MẶT NGHIÊNG NAM VÀ NỮ

II.

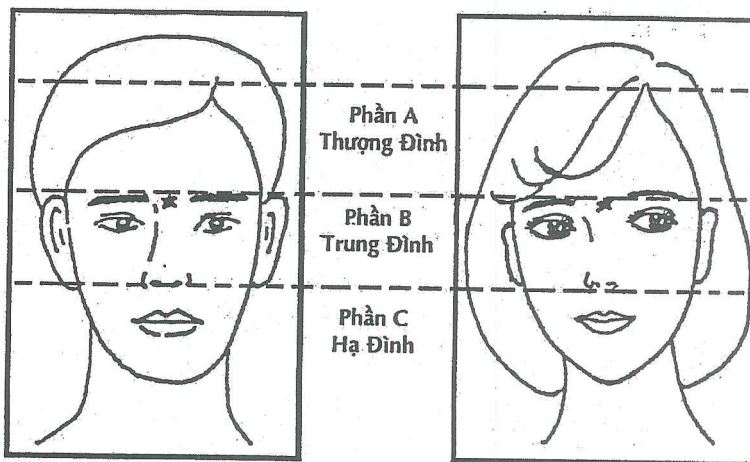
NGHIÊN CỨU VÀ XEM NỐT RUỒI THEO HÌNH VẼ

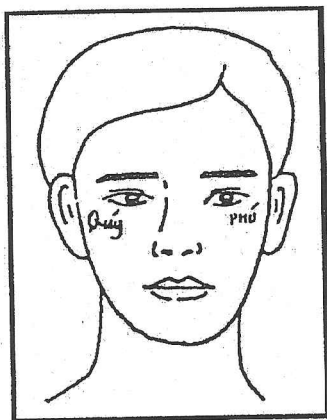
Cả nam và nữ theo tướng mặt, người xưa chia khuôn mặt con người chia làm ba phần đại biểu cho ba giai đoạn đời người: Tiền vận, trung vận hậu vận.

Phần A (thượng đình): Từ chân tóc đến Ấn đường.

Phần B (trung đình): Từ ấn đường đến chóp mũi.

Phần C (hạ đình): Từ chóp mũi đến cằm (từ nhân trung đến Địa các).





Phần A (tiền vận) gồm:
Đỉnh đầu, trán, lông mày.

Phần B (trung vận)
gồm: Mắt, lưỡng quyền, má,
mũi, tai.

Phần C (hậu vận) gồm:
Môi, miệng, mép, cằm.

Nếu trên khuôn mặt có bảy nốt ruồi
hoặc năm nốt ruồi, ở bên trái chủ phú
(giàu), ở bên phải chủ quý (sang). Bất
luận nam nữ.

Luận giải ý nghĩa nốt ruồi ở một số vị trí trên mặt

1 - Nốt ruồi đỉnh đầu: Rất quý, khó phát hiện.
Người có nốt ruồi này gặp hung hóa cát, chuyển
nguy thành an.

2 - Nốt ruồi trên trán: Giữa trán, thường xa nhà,
cuối đời cuộc sống yên ổn hạnh phúc.

3 - Nốt ruồi ở má: Cuộc đời thường dễ va chạm
vào tố tụng pháp luật.

4 - Nốt ruồi ở hàm: Nếu nốt ruồi ác, hình sần
sùi, màu sắc xám đen, cuộc đời không yên, hay đổi
chỗ làm hoặc chuyển chỗ ở.

5 - Nốt ruồi ấn đường (giữa hai lông mày): Sức
khỏe kém, thường hay có bệnh.

6 - Nốt ruồi ở lông mày: Bất kể là lông mày trái hay phải, làm việc chăm chỉ có trách nhiệm, lương thiện, thích làm việc công ích, thích hợp làm việc từ thiện.

7 - Nốt ruồi mi mắt: Mười người có tám là yếu ớt, nếu không thường hay đổi chỗ ở.

8 - Nốt ruồi dưới mắt: Hay bị người yêu bỏ rơi.

9 - Nốt ruồi đuôi mắt: Là kẻ đào hoa, bị vướng vào lưới tình khó thoát, thậm chí thân bại danh liệt vì tình.

10 - Nốt ruồi đầu mũi: Quan hệ nam nữ quá nhiều, hiếu sắc tham dâm, thường thất bại vì hiếu sắc, ly dị nhiều lần.

11 - Nốt ruồi hai bên mũi: Hiếu dâm phù phiếm, nam là kẻ tay chơi, nữ hay theo trai bất chấp hay dở.

12 - Nốt ruồi ở mép trên: Có thể sinh thai đôi.

13 - Nốt ruồi mép dưới: Phi tài sản. Cuộc đời cho dù có tiền cũng không mua được tài sản.

14 - Nốt ruồi môi trên: Tình cảm phong phú, đa sầu đa cảm, luôn nghĩ cho người khác.

15 - Nốt ruồi môi dưới: Đảm đang, giỏi nấu ăn, sành ăn.

16 - Nốt ruồi lòng tai: Có tài, sự nghiệp thành công, có nhiều tài sản.

17 - Nốt ruồi vành tai, sau tai:

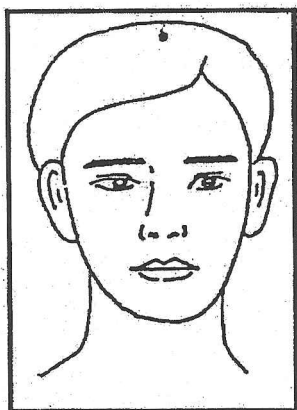
Ở bên trên: Quan hệ với bố mẹ không tốt.

Ở giữa: Hay bị người khác lợi dụng.

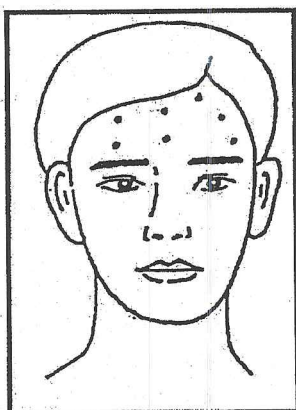
Ở bên dưới: Cuộc đời không có tài vận.

A: THƯỢNG ĐÌNH

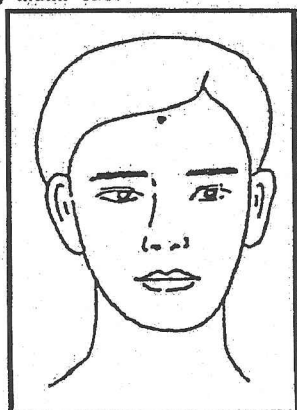
Nốt ruồi ở đầu, trán, lông mày



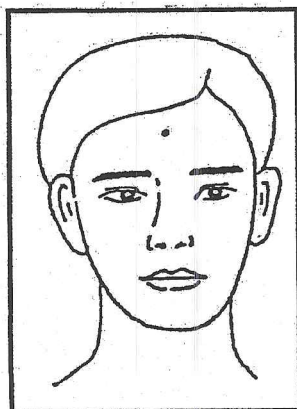
Nốt ruồi mọc trong tóc gọi là "ngọc ẩn trong tóc", chủ sang trọng, phú quý. Nếu ở đỉnh thì có quyền uy, tướng thanh cao.



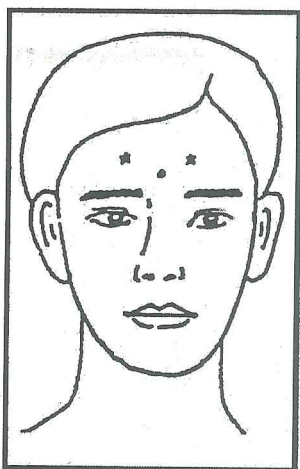
Trán có 7 nốt ruồi, chủ đại quý (vô cùng sang trọng).



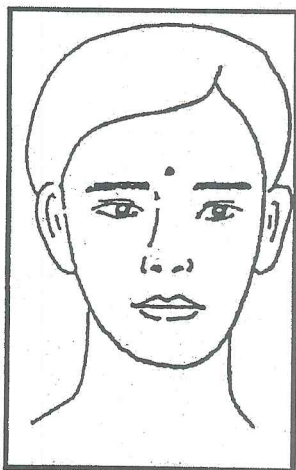
Nốt ruồi ở Thiên Trung hại cha. Nếu cầm đầy đặn có nốt ruồi son thì quý, Nhật giác không nổi, có nốt ruồi đen hại cha.



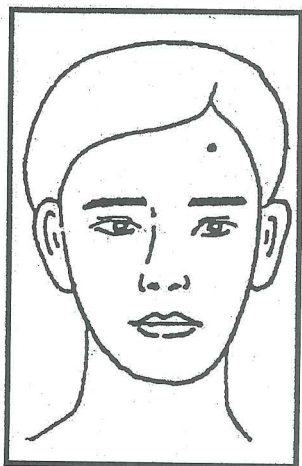
Nốt ruồi ở Thiên Đình hại mẹ.



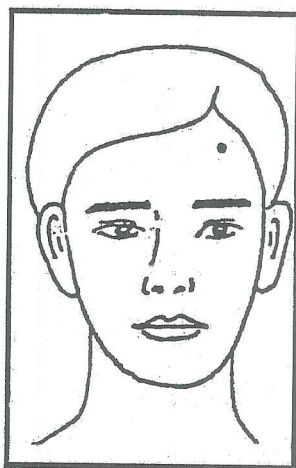
Nốt ruồi ở tư không, chủ hại cha mẹ. Nếu nhật giác, nguyệt giác lõm khuyết càng xấu.



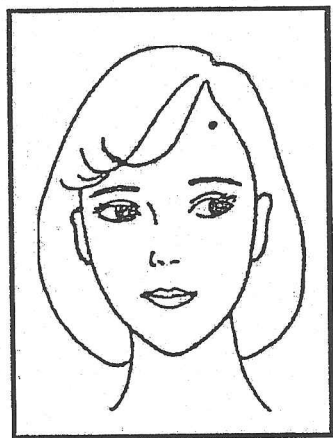
Nốt ruồi ở Trung Chính chủ không có chức quyền, nếu có chỉ là hư danh.



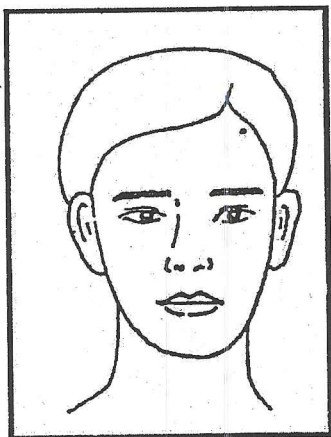
Nốt ruồi ở Cao Quảng hại song thân.



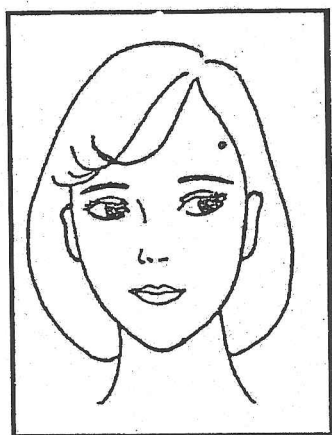
Nốt ruồi ở Xích Dương chủ khách tử.



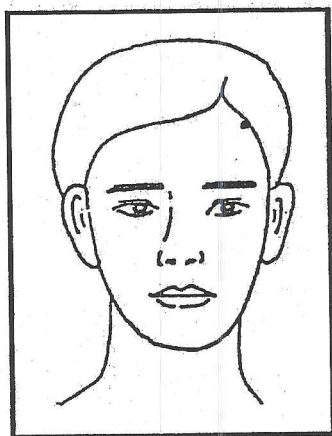
Nốt ruồi ở Vũ Khố, chủ chết binh đao.



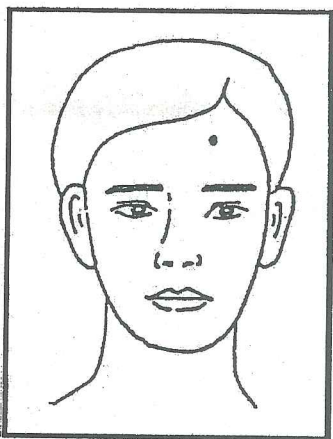
Nốt ruồi ở Phụ Giác chủ chết binh đao.



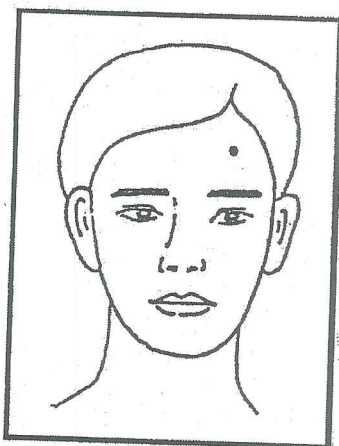
Nốt ruồi ở Sơn Lâm, chủ ly thương (bị thương ở bên ngoài).



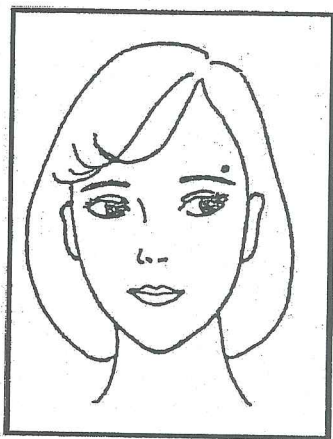
Nốt ruồi ở Biên Địa chủ chết bên ngoài.



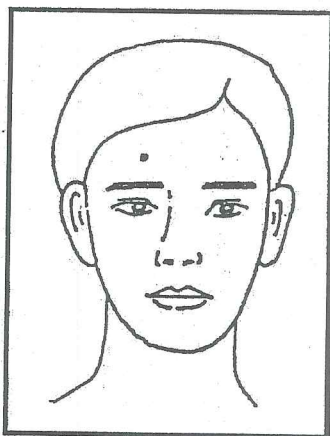
Nốt ruồi ở Tả Tương chủ chết bất ngờ.



Nốt ruồi ở Thượng Mộ, chủ không có chức quyền.

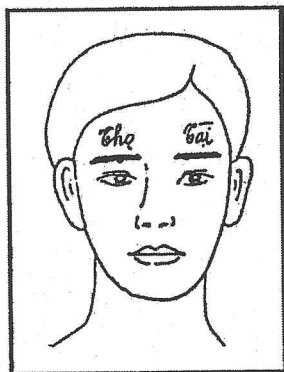


Nốt ruồi ở Kiếp Môn chủ chết vì cung tên.



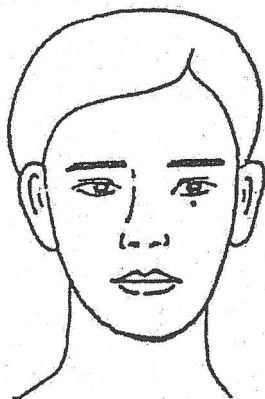
Nốt ruồi ở Hổ Giác chủ chết trận.

Nốt ruồi ở lông mày
bên trái: chủ có tài
sản, bên phải: chủ
trường thọ

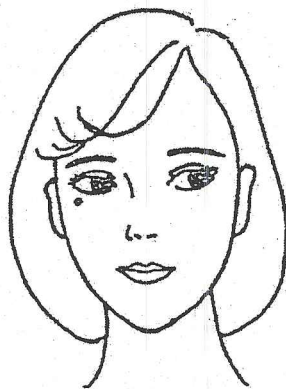


B: TRUNG ĐÌNH

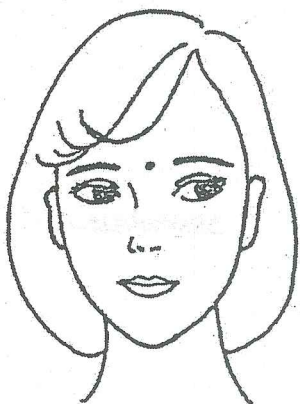
Nốt ruồi ở mắt mũi, lưỡng quyền, tai



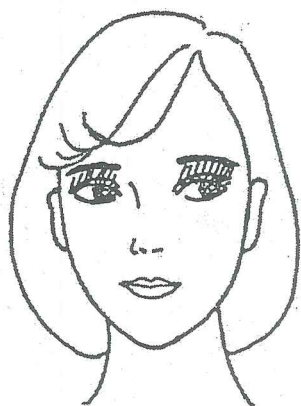
Thiếu nam, chủ khắc con, trai
thứ ba (út)



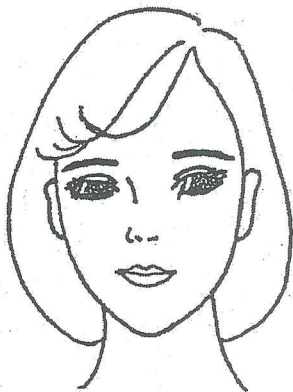
Thiếu nữ, chủ khắc con, gái thứ ba
(út)



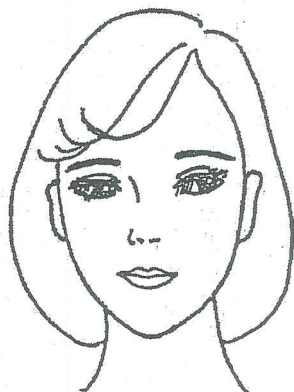
Nốt ruồi ở giữa Ấn Đường chủ quý (sang trọng) còn gọi là hạt ngọc sáng.



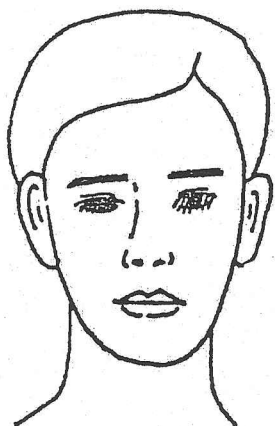
Nốt ruồi đen ở trong mắt, chủ cang khốn.



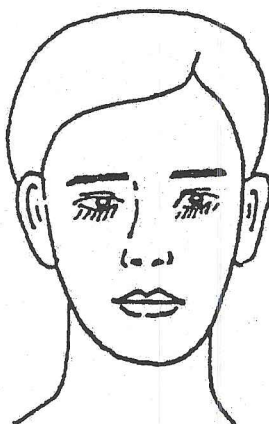
Nốt ruồi bạch lệ trong mắt hoặc vết trắng trong mắt chủ khóc than chuyện nghịch cảnh.



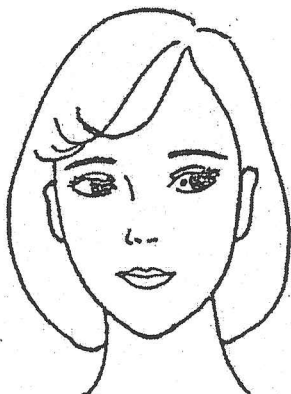
Tia máu đỏ ngầu, chủ ác tử (chết hung).



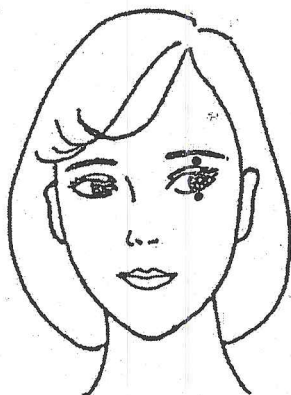
Nốt ruồi huỳnh đệ ở hai mắt phân minh, nhà có cửa ăn của để.



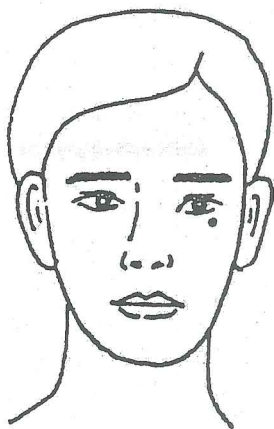
Dưới mắt có nốt ruồi đen, chủ khác hình, khóc than suốt đời.



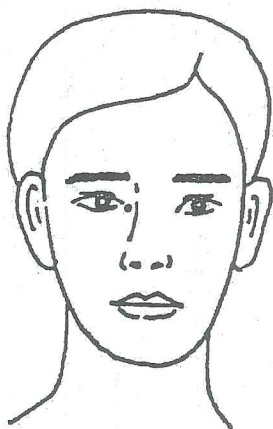
Nốt ruồi ở Tam Dương (lòng trắng mắt trái) chủ khắc tôn tử (con cháu).



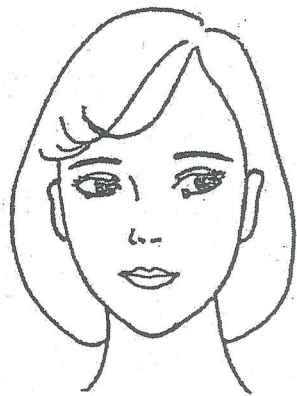
Nốt ruồi đối xứng trên dưới mắt trái, chủ phong hầu, phong đến công khanh.



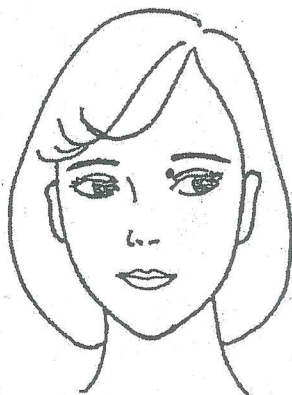
Nốt ruồi ở Kim Quy chủ phá tài.



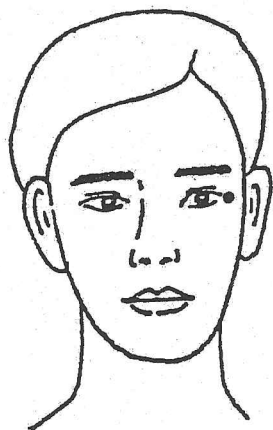
Nốt ruồi ở Thê Tòan chủ chết vợ.



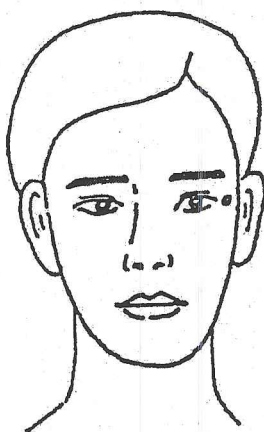
Nốt ruồi ở mí mắt (mắt hai mí) chủ đa ích song gian trí hoặc kẻ trộm.



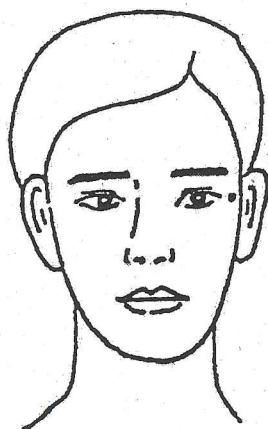
Nốt ruồi ở Hình ngực chủ hình ách, phá tẩn.



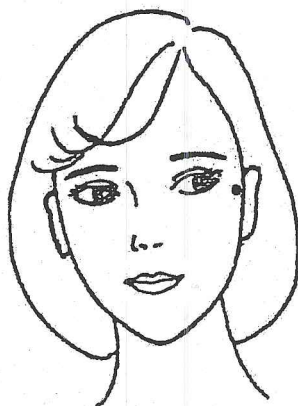
Nốt ruồi ở Ngư Vĩ (đuôi mắt) chủ chết giếng chợ.



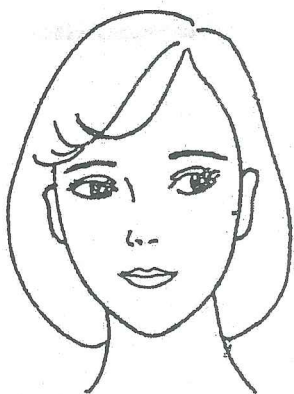
Nốt ruồi ở Gian Môn chủ chết dưới đao kiếm.



Nốt ruồi ở Thiên Tinh (giếng trời) chủ bị nạn sông nước.



Nốt ruồi ở Nguyên Trung chủ thanh cao, thận trọng.



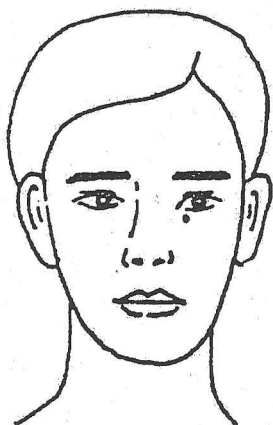
Nốt ruồi ở Mệnh Môn, chủ tai nạn hỏa hoạn.



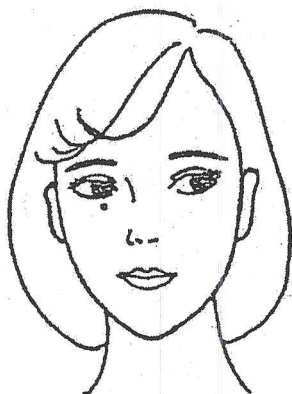
Nốt ruồi ở Đạo Bộ (lúc Đạo Tặc) chủ mất của hoặc gian tặc.



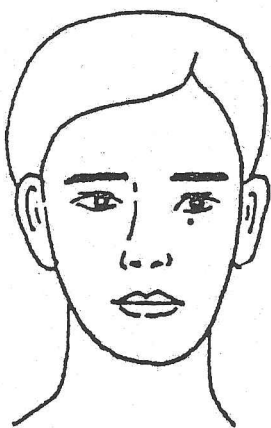
Nốt ruồi ở lưỡng quyền, quan mất chức, chủ phá tài (sản).



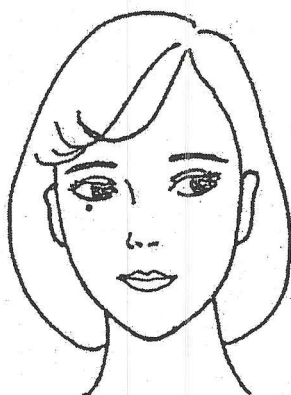
Trưởng nam, chủ khắc con trai đầu
(cả).



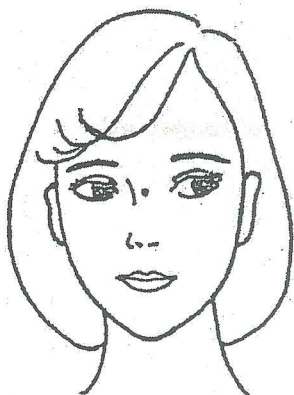
Trưởng nữ, chủ khắc con gái đầu
(cả).



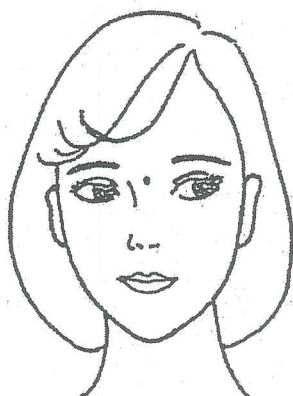
Trung nam, chủ khắc con trai thứ
hai.



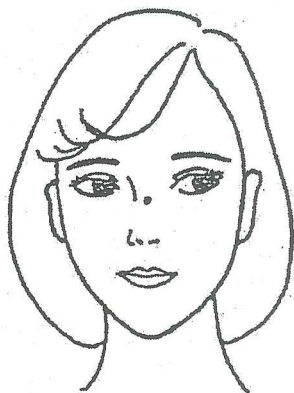
Trung nữ, chủ khắc con gái thứ
hai.



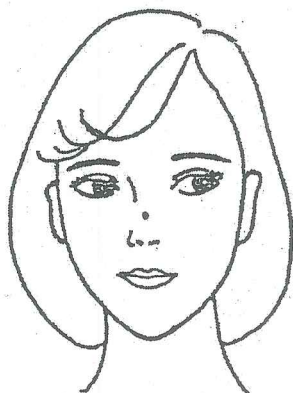
Nốt ruồi ở phần dưới Sơn Căn, chủ chết trận nên khiêm nhường, nhún nhường, chờ mạnh động làm liều.



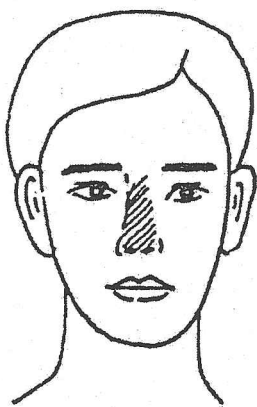
Nốt ruồi ở phần trên Sơn Căn, chủ khắc hại khoảng 4 tuổi.



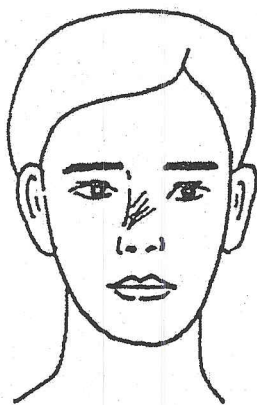
Nốt ruồi ở Niên Thượng chủ bất hạnh.



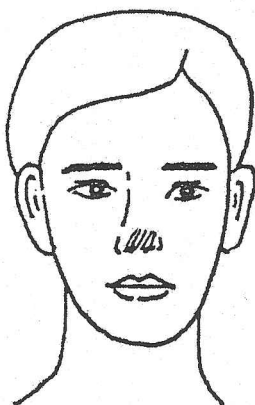
Nốt ruồi ở Thọ Thượng.



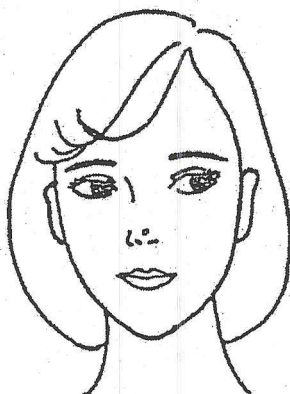
Sống mũi (gồm cả Sơn Cấn Niên Thọ) nếu nhiều nốt ruồi vất vả trị trừ.



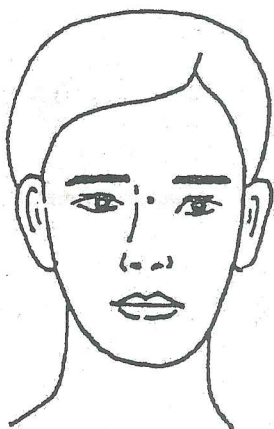
Nốt ruồi ở Niên Thọ chủ bệnh tật.



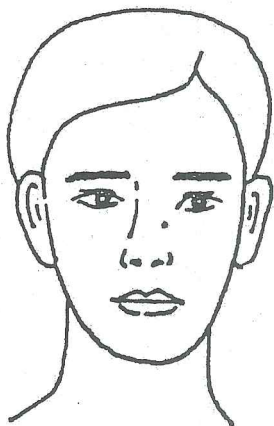
Chóp mũi nhiều nốt ruồi chủ vất vả.



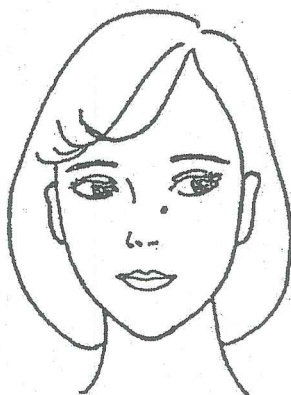
Đầu mũi có nốt ruồi chủ bị tai họa đao kiếm.



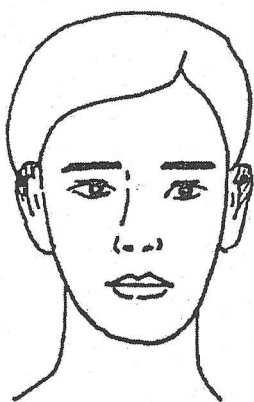
**Nốt ruồi ở Sơn Cấn chủ tai nạn
sông nước hoặc mất của.**



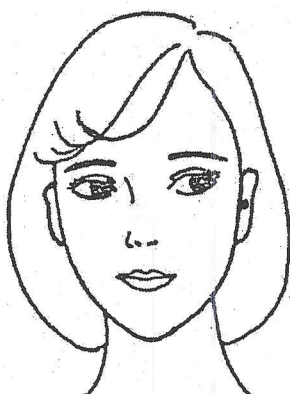
**Nốt ruồi cạnh mũi, bị dày vò bệnh
tật mà chết.**



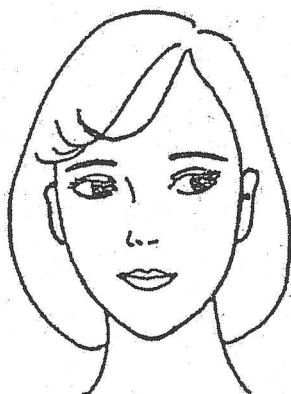
Nốt ruồi ở Phu Tọa chủ chết chồng.



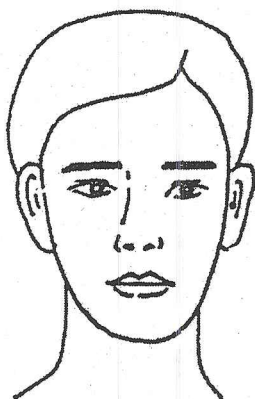
Nốt ruồi ở vành tai chủ thông tuệ.



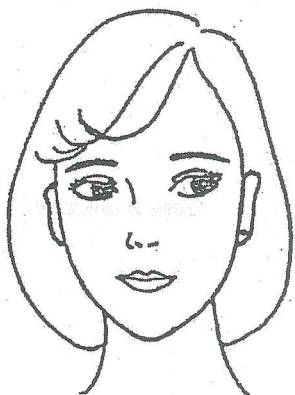
Nốt ruồi đen trong tai, chủ là quý tử.



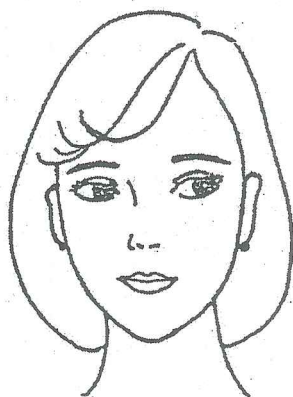
Nốt ruồi tím trong tai, chủ ngộ ngược (phía sau vành tai cũng vậy).



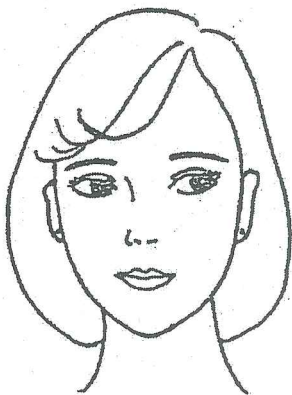
Nốt ruồi trong tai chủ thọ (có lông tai chủ cũng thọ).



Giữa mái tai có nốt ruồi đỏ chủ giàu có, đen chủ hiệu tử.



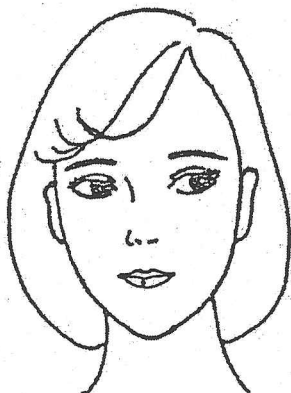
Nốt ruồi đen ở cuối mái tai chủ chết ngoài đường.



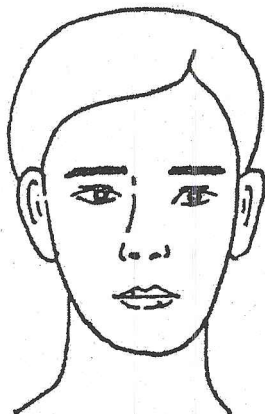
Nốt ruồi mái tai, chủ có của.

C: HẠ ĐÌNH

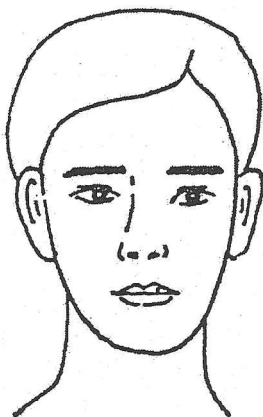
Nốt ruồi ở miệng môi, cằm



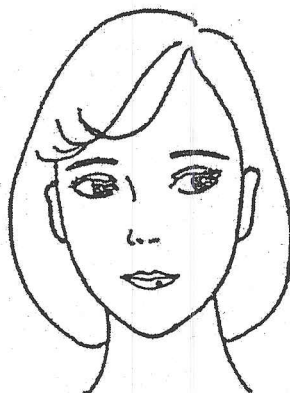
Nữ môi có nốt ruồi, chỗ kín cũng có nốt ruồi tương ứng.



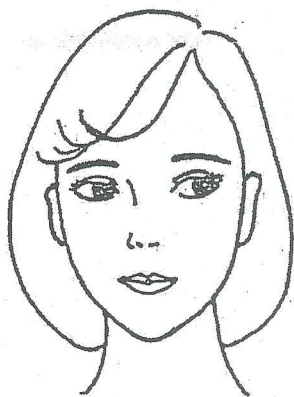
Nốt ruồi hai bên môi, chủ phá tài.



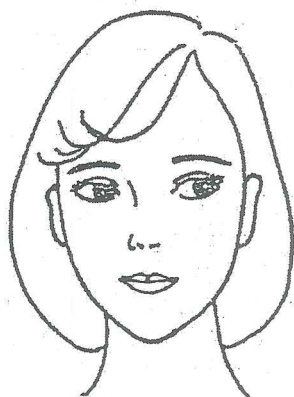
Nốt ruồi trên môi, chủ cát.



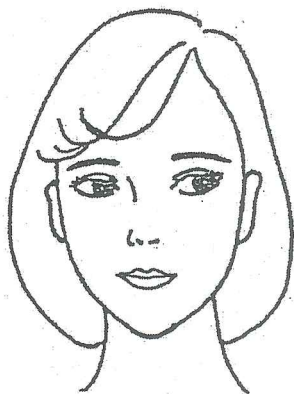
Miệng (môi) có nốt ruồi đen chủ tài lộc.



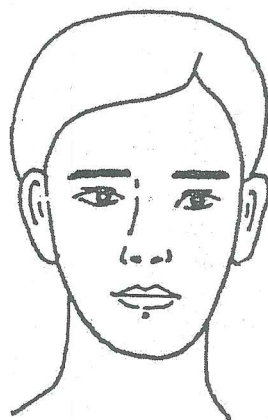
**Trong miệng có nốt ruồi đen, chủ
hay ăn.**



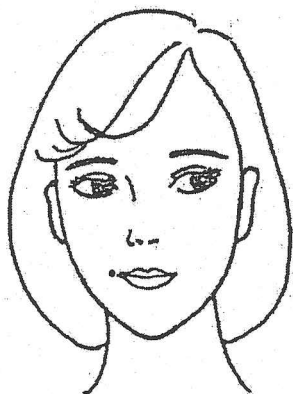
**Nốt ruồi chính khẩu (chính giữa
miệng), chủ bị vạ miệng, cãi cọ.**



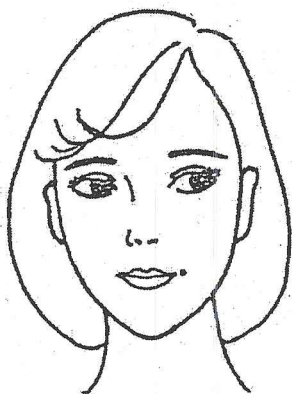
Nốt ruồi ở lướn, chủ hay nói dối.



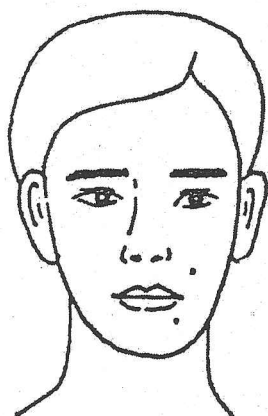
**Nốt ruồi ở Thờ Tương chủ chết vì
say rượu.**



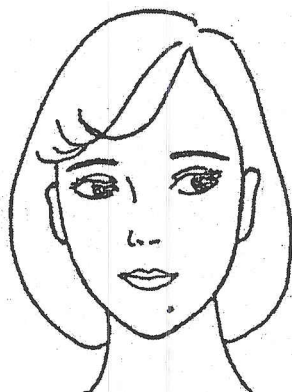
Nốt ruồi khóe miệng (phải), chủ mắt chức.



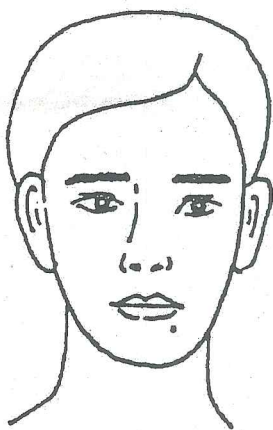
Nốt ruồi khóe miệng (trái) chủ cãi nhau.



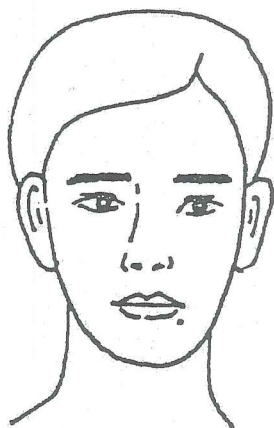
Nốt ruồi ở Bộc Sứ (người ở) chủ là trộm.



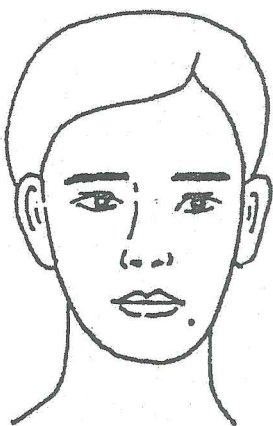
Nốt ruồi nõ bực (nõ tỳ). Ở bên trái: Chủ không có nõ bực; ở bên phải, chủ không có nõ tỳ.



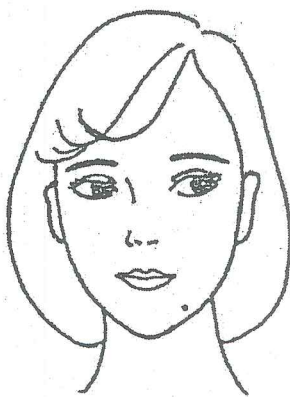
**Nốt ruồi ở Tố Trạch (tức nhà ở)
chủ di cư.**



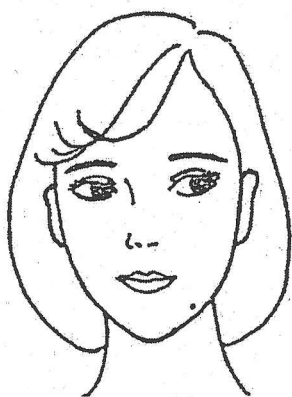
Nốt ruồi bên mép, khó giữ cửa.



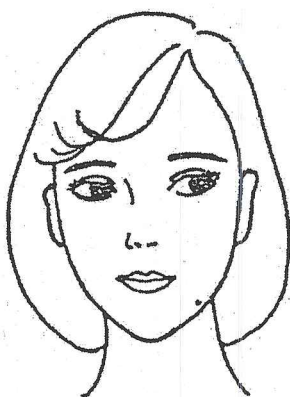
**Nốt ruồi ở Mộ Thượng chủ khách
vong.**



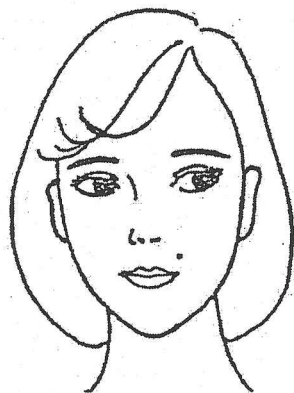
**Nốt ruồi ở Khanh Khiếm chủ rơi
vách núi.**



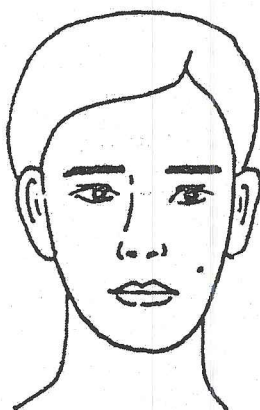
Nốt ruồi ở Pha Trì, chủ rớt xuống sông.



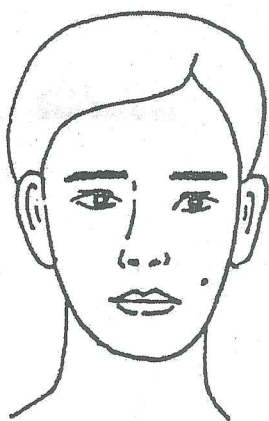
Nốt ruồi ở Đại Hải, chủ tai nạn sông nước.



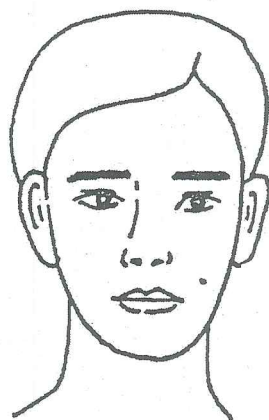
Nốt ruồi ở Tế Trù, chủ kém ăn.



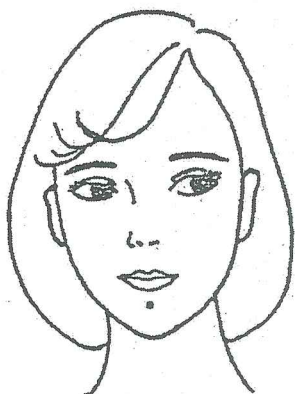
Nốt ruồi ở Tiểu Sử chủ bất hàn.



Nốt ruồi ở Anh môn chủ cơ hàn.



Nốt ruồi Kỷ Đường, chủ khắc thân.



Nốt ruồi ở Địa Các chủ thiếu điền trạch.

III.

QUAN SÁT MẶT ĐOÁN LƯU NIÊN VẬN HẠN

Theo quan niệm dân gian thì mặt của chúng ta giống như chiếc gương, nhìn vào dự đoán được vận hạn từng năm.

Người xưa chia mặt thành 99 bộ phận, mỗi bộ phận đại biểu một năm.

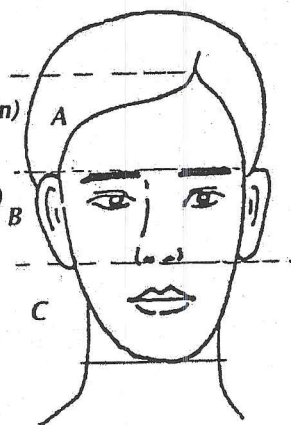
Mặt có thể chia làm ba bộ phận:

1 - Trán (biểu thị thời kỳ thanh thiếu niên): 15 tuổi - 30 tuổi.

A - TRÁN: Biểu thị thời kì thanh thiếu niên)
15 - 30 tuổi

B - LÔNG MÀY - CHÓP MŨI: Trung niên)
31 - 50 tuổi

C - CHÓP MŨI - CẮM: (Về già)
51 tuổi- trở đi



2 - Lông mày - chóp mũi (biểu thị thời kỳ trung niên) - 31 tuổi - 50 tuổi.

3 - Chóp mũi - cằm (biểu thị thời kỳ già) 51 tuổi trở đi.

(1) Trán: (15 - 30) có thể chia làm ba bộ phận nhỏ.

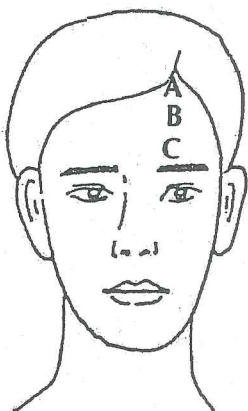
- Biểu thị năng lực suy luận và logic.
- Biểu thị năng lực ghi nhớ.
- Biểu thị năng lực trực giác.

Phần A: Nếu trán cao, bộ phận này sẽ lớn, năng lực suy luận tốt.

Phần B: Nếu trán rộng bộ phận này sẽ lớn, năng lực ghi nhớ tốt.

Phần C: Nếu bộ phận này rộng, ý chí và trực giác tốt.

(2) Từ lông mày đến chóp mũi (31 - 50 tuổi)



A - Biểu thị năng lực suy luận và logic

B - Biểu thị năng lực ghi nhớ

C - Biểu thị năng lực trực giác

Mắt và mũi ở bộ phận này phải là mắt sáng mũi thẳng, độ dài nên dài hơn trán mới tốt: Chăm chỉ làm việc, không sợ khó khăn, ý chí kiên cường. Nếu bộ phận này ngắn, ý chí bạc nhược, bỏ dở công việc.

(3) Từ chóp mũi đến cằm (51 tuổi trở lên)

Bộ phận này dài hơn trán và mũi, kết hợp với cằm đầy đặn, cuối đời an nhàn, hạnh phúc. Nếu miệng lệch cằm lẹm, cuối đời khổ.

NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ NỐT RUỒI, VẾT Sẹo

1. Có người liên tục gặp tai họa xe cộ, nghĩ trên mặt mình có nốt ruồi gây ra tai họa này. Người đó liền tìm cách tẩy nốt ruồi ấy, thế nhưng nó đã để lại một vết sẹo lớn trên mặt.

Một bác sỹ khoa da liễu kể: Trên mặt người đó có một nốt ruồi chỉ bằng hạt cát, không ảnh hưởng gì đến sắc đẹp. Có lần trong một tháng chồng bà ta bỗng liên tục bị tai nạn xe cộ. Hai vợ chồng vội tìm một thầy tướng để tìm nguyên nhân. Thầy tướng sau khi tính một hồi lâu, nói như đinh đóng cột: Trên mặt bà vợ có một nốt ruồi ác cần phải tẩy. Hai vợ chồng liền hỏi bác sỹ. Bác sỹ nói tốt nhất không nên tẩy nốt ruồi này, bởi vì nếu làm không tốt sẽ để lại vết sẹo khó coi. Bà vợ không nghe lời khuyên, tìm người tẩy nốt ruồi, kết quả đã để lại vết sẹo ngày càng lớn. Điều đáng tiếc, vết sẹo ngày càng lớn rất khó xử lý. Bác sỹ nói, có người vì thẩm mỹ, có người vì muốn thay đổi số mệnh đã tìm tòi mọi cách tẩy nốt ruồi. Họ không tìm bác sỹ chuyên môn, tự

tiện tìm người tẩy nốt ruồi. Việc này không những gây hậu quả xấu, rất nguy hiểm.

2. Một bé trai mới ra đời hai ngày, 1/4 thân thể đầy vết bớt đỏ sâu như một đứa bé da đỏ. Bố mẹ bé đưa con đến khoa da liễu cho rằng đó là những vết bớt “dạng ngọn lửa”, còn gọi là “vết bớt rượu nho” một loại mụn huyết quản.

Thân bên phải và tay phải, phần thân trên, đùi trái thân dưới của đứa bé đều bị các vết bớt đỏ phẳng bao phủ. Phần mặt cũng có vết bớt. Vị chủ nhiệm khoa da liễu nói: Những vết bớt này suốt đời không tự nhiên mất đi.

Mấy năm gần đây có người nghiên cứu, dùng phương pháp chiếu tia (lối xa) để loại bỏ vết bớt này, song tỉ lệ thành công chỉ khoảng 50%. Vết bớt loại này ngoài việc ảnh hưởng tâm lý và sắc đẹp ra, không gây nguy hiểm đến tính mạng. Về mặt lâm sàng, vết bớt có diện tích rộng như vậy ít thấy, trong khi đó cháu bé này sinh ra mới có hai ngày. Lúc này, tốt nhất không nên động đến nó, đợi khi cháu bé ở tuổi 13 - 15 dùng phương pháp chiếu tia, khá an toàn và khả năng thành công cao.

TỔNG LUẬN VỀ NỐT RUỒI

Nốt ruồi giống như cây cỏ trên núi, gò đồng trên mặt đất. Núi tốt đẹp mới mọc ra cây lành, biểu hiện sự ưu tú của núi.

Đất tích chất ô nhiễm mới sinh ra cỏ độc, chứng tỏ có sự ô nhiễm đất.

Lại như ngọc lành còn có vết, trên đời cái lành thường ít, các ác thường nhiều, cái lý của vạn vật đều như vậy. Con người có vẻ đẹp bên trong mới mọc ra nốt ruồi kỳ lạ để biểu hiện tính thiện của mình. Con người có bản chất độc ác, mọc nốt ruồi ác thể hiện cái độc ác bản tính của mình.

Phạm nốt ruồi mọc ở chỗ lộ liễu trên cơ thể, phần lớn đều dữ, mọc ở chỗ kín, phần lớn đều lành, mọc trên mặt là bất lợi.

Kẻ mang nốt ruồi đen như mực: Phần lớn là hung.

Người có nốt ruồi đỏ như son: Tất cả đều cát, song hiểm hay cạnh tranh, tranh cãi.

Kẻ mang nốt ruồi trắng: Chủ buồn thương, hình ách.

Người có nốt ruồi vàng: Chủ hay quên, thất thoát.

Nốt ruồi lông mày trái chủ giàu có, lông mày phải chủ thọ.

Nếu có nốt ruồi ở 13 vị trí từ tóc đến cằm, hình vân chủ phá sản thậm chí tử vong. Nốt ruồi ở cung nào, chủ xấu cung đó.

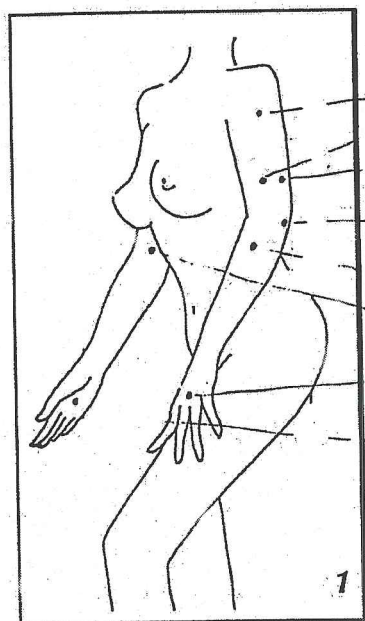
IV.

LUẬN ĐOÁN NỐT RUỒI TRÊN CƠ THỂ

Trong giao tiếp, chúng có thể dễ dàng quan sát vị trí những nốt ruồi trên mặt đối tượng, nhưng khi chúng nằm ở những vị trí kín đáo hơn thì rất khó thực hiện. Vì vậy mục này, cung cấp cho bạn đọc một số thông tin để bạn tự tìm hiểu vị trí nốt ruồi bản thân để tham khảo điều chỉnh cuộc sống, hoạt động bản thân cho phù hợp.

1. Luận đoán

- Nốt ruồi ở bắp tay (phía ngoài, phần trên) gọi là "tử môn", chủ bệnh tật.
- Nốt ruồi ở bắp tay (phía ngoài, phần dưới) gọi là "tý lữ" (thành lữ cánh tay): Chủ giàu có.
- Nốt ruồi ở bắp tay (phía ngoài, phần dưới, đằng sau) gọi là "ách môn": Chủ chết vì đao kiếm.
- Nốt ruồi ở đầu khuỷu tay: Chủ giàu có.
- Nốt ruồi ở cánh tay dưới (phía ngoài), gọi là "kim quĩ": Chủ giàu có, rộng rãi.
- Nốt ruồi ở bụng khuỷu gọi là "hậu thu": Chủ khéo tay.



Tứ môn: Bệnh tật

Tỳ lỵ: Giàu có

Ách môn: Chết vì đao kiếm

Đầu khuỷu: Giàu có

Kim quỳ: Giàu có rộng rãi

Hậu thu: (hốc tay): Khéo tay

Mu bàn tay: Sinh tài

Lòng bàn tay: Phú quý

- Nốt ruồi ở mu bàn tay chủ sinh tài, ở lòng bàn tay chủ phú quý.

Hình 1:

Tứ môn: Bệnh tật

Tỳ lỵ: Giàu có

Ách môn: Chết đao kiếm.

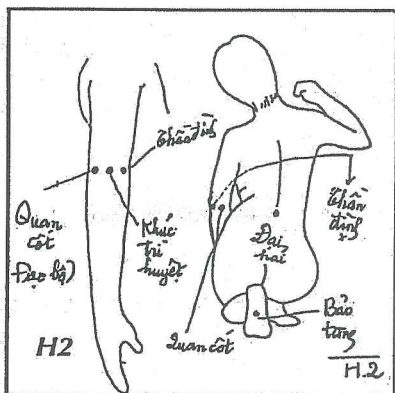
Đầu khuỷu: Giàu có

Kim quỳ: Giàu có rộng rãi.

Hậu thu (hốc tay): Khéo tay.

Mu bàn tay: Sinh tài

Lòng bàn tay: Phú quý

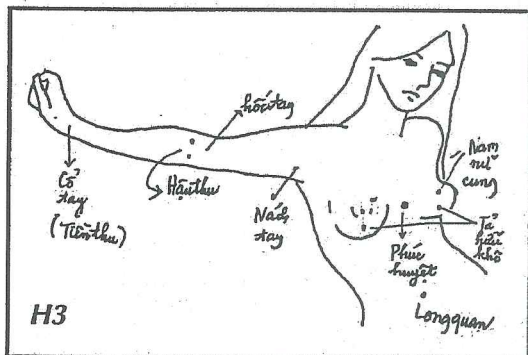


- Nốt ruồi thân đĩnh: Chủ hoang tưởng, gian tà.

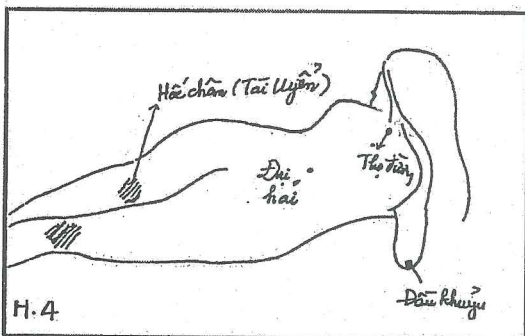
- Nốt ruồi quan cốt (còn gọi là đạo bộ): Chủ bị mất của.

- Nốt ruồi ở giữa eo, gọi là "Đại hải": Chủ giữ biên giới không về.

- Nốt ruồi ở gan bàn chân, gọi là "bảo tạng": Chủ phong tước lâu.



- Nốt ruồi giữa hai vú, gọi là Phúc huyết: Chủ quý hiển yên vui.



- Nốt ruồi trên vú (ở trên), gọi là "Nam nữ cung": Chủ con cái nhiều.

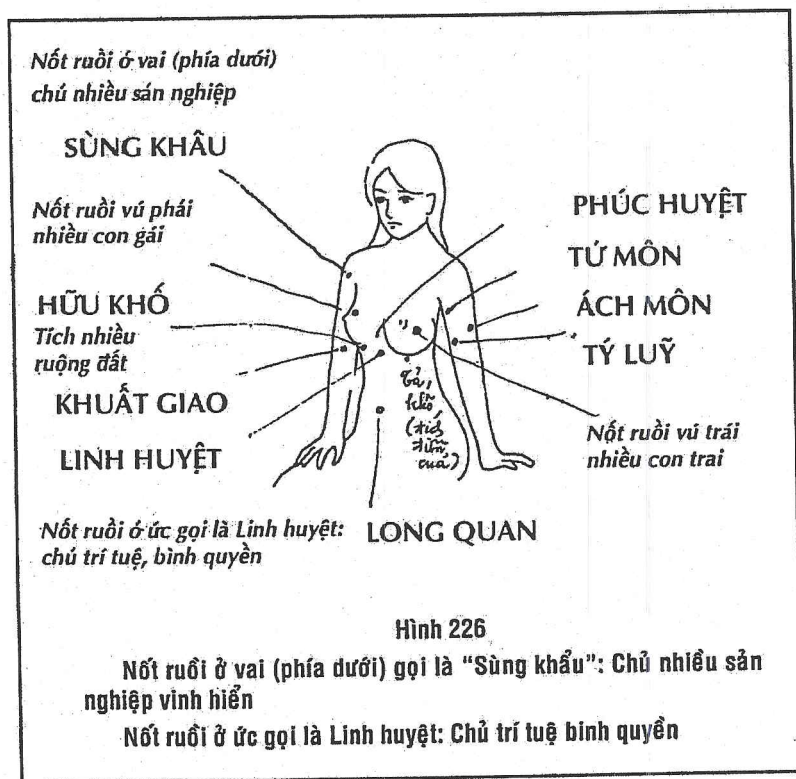
- Nốt ruồi trên vú (ở dưới) gọi là “Tả hữu khố”: Chủ tích trữ tiền của.

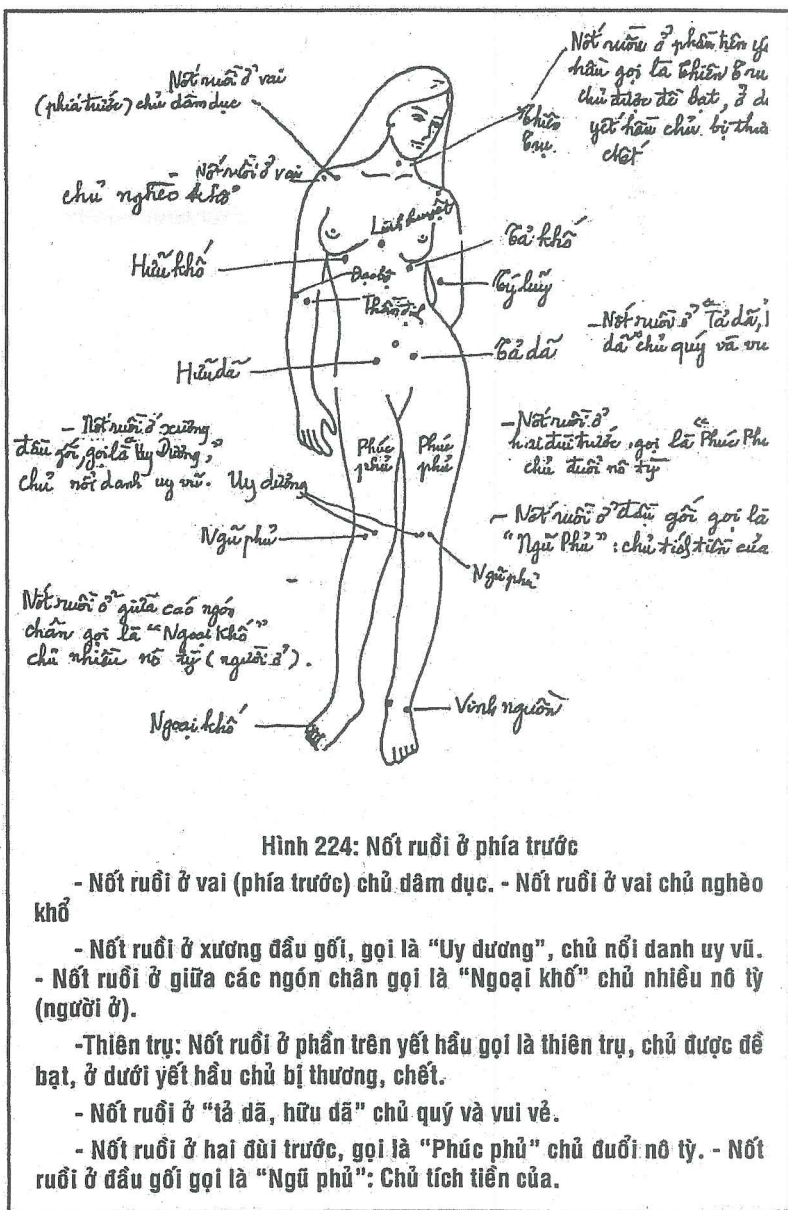
- Nốt ruồi ở rốn, gọi là “long quan”: Chủ phú quý sinh quý tử.

Hình 4

- Nốt ruồi ở hốc chân gọi là “Tài uyển”: Chủ trâu ngựa lực sức.

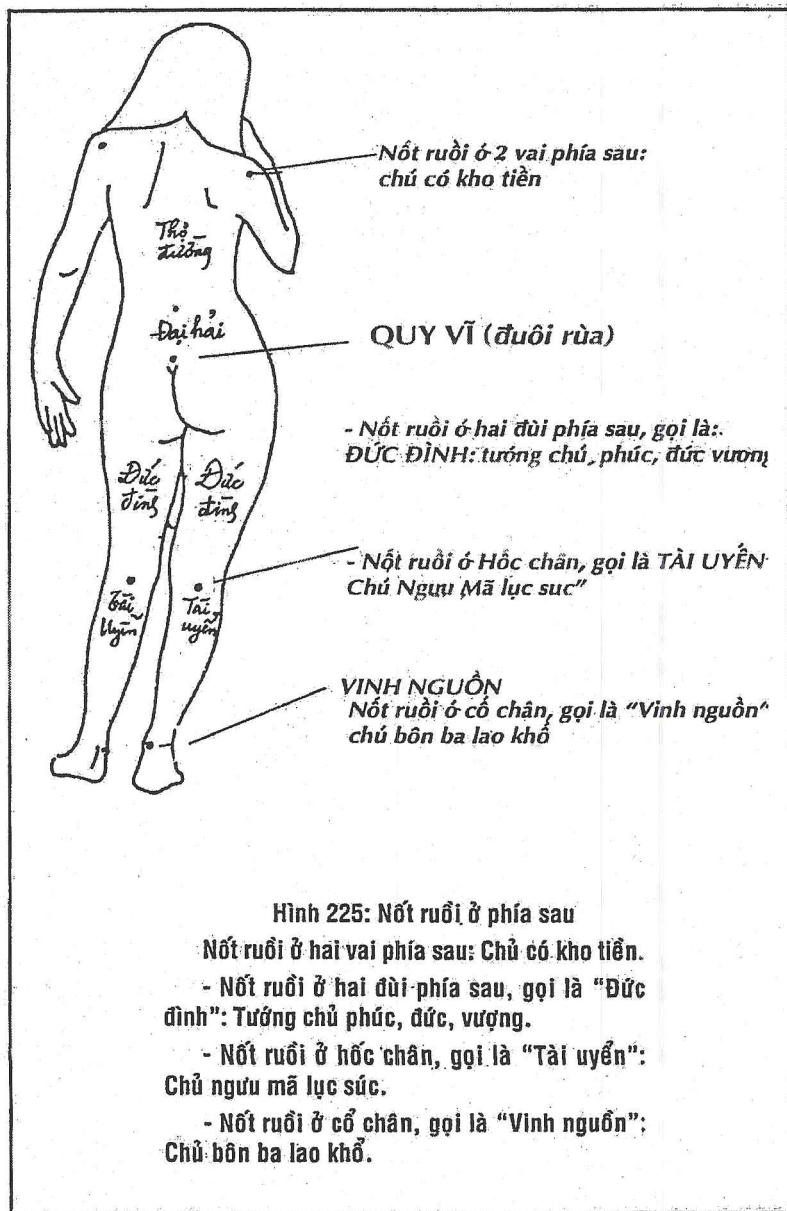
- Nốt ruồi ở phần dưới gáy gọi là “Thọ đường”: Chủ đa thọ





Hình 224: Nốt ruồi ở phía trước

- Nốt ruồi ở vai (phía trước) chủ đảm đạc. - Nốt ruồi ở vai chủ nghèo khổ
- Nốt ruồi ở xương đầu gối, gọi là "Uy dương", chủ nổi danh uy vũ.
- Nốt ruồi ở giữa các ngón chân gọi là "Ngoại khổ" chủ nhiều nô tỳ (người ở).
- Thiên trụ: Nốt ruồi ở phần trên yết hầu gọi là thiên trụ, chủ được đề bạt, ở dưới yết hầu chủ bị thương, chết.
- Nốt ruồi ở "tả đả, hữu đả" chủ quý và vui vẻ.
- Nốt ruồi ở hai đùi trước, gọi là "Phúc phủ" chủ đuổi nô tỳ. - Nốt ruồi ở đầu gối gọi là "Ngũ phủ": Chủ tích tiền của.



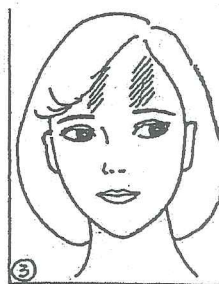
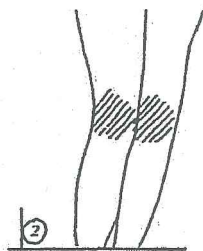
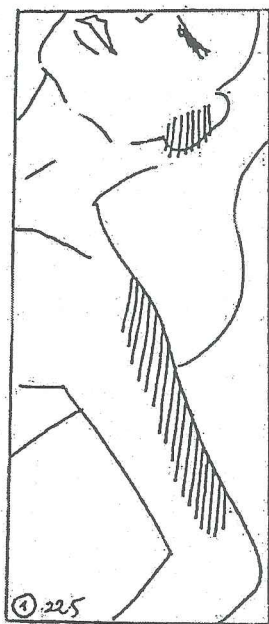
2. Tính tương ứng của nốt ruồi

Theo sách tướng mạo về sự tương ứng các nốt ruồi trên cơ thể. Thí dụ như:

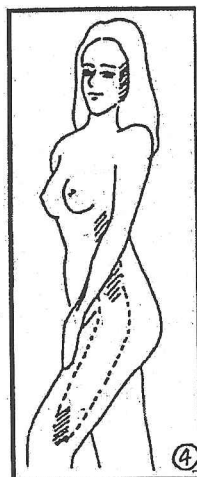
(1) - Nếu tai có nốt ruồi ở bộ phận từ vai đến khuỷu tay sẽ có nốt ruồi tương ứng, vị trí theo tỉ lệ giữa tai - vai + khuỷu tay. Tương ứng Tai - Vai + Khuỷu tay.

(2) - Mặt có nốt ruồi, ngực cũng có nốt ruồi. Tương ứng: Mặt - Ngực.

(3) - Trán có nốt ruồi, đầu gối cũng có nốt ruồi. Tương ứng: Trán - đầu gối.



Hình 227: Tính tương ứng của nốt ruồi trên cơ thể



Hình 228

(4) - Phía bên mắt (xem H4) có nốt ruồi, sườn và mé đầu gối cũng có nốt ruồi tương ứng.

Phía bên mắt:
Như gian môn có nốt ruồi có thể vòng eo cũng có nốt ruồi tương ứng.

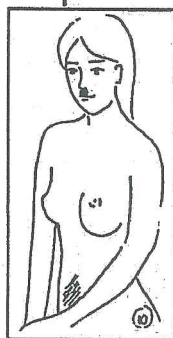
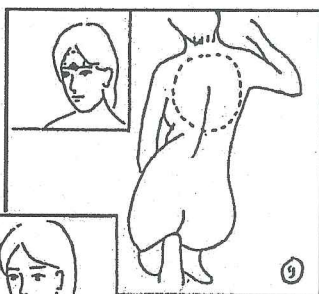
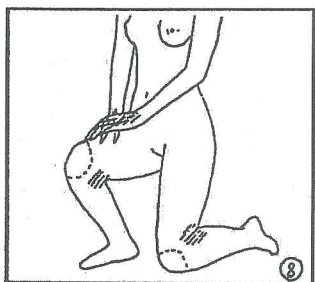
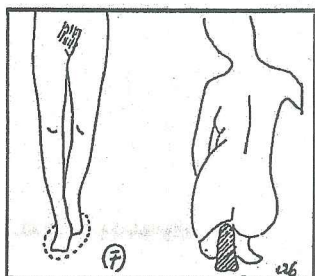
Tương ứng: Gian môn - Sườn - Mé ngoài đầu gối.

(5) - Lưng quyền (mé ngoài) có nốt ruồi, vùng bắp tay ngoài (H5) cũng có, phần nhiều ở mặt trước và mé trong cũng có nốt ruồi tương ứng.

Tương ứng:
Lưng quyền - bắp tay.

(6) - Đầu lông mày có nốt ruồi cổ (mé trên) dưới cằm cũng có nốt ruồi tương ứng.

Tương ứng: Đầu lông mày dưới



Hình 229

cầm.

(7) - Bụng dưới có nốt ruồi, bàn chân cũng có nốt ruồi tương ứng.

Tương ứng: Bụng dưới - gan bàn chân.

(8) - Mu bàn tay có nốt ruồi đại để đầu gối cũng có nốt ruồi tương ứng.

Lòng bàn tay có nốt ruồi, kheo chân cũng có.

Tương ứng: Bàn tay - đầu gối.

(9) - Ấn đường có nốt ruồi vùng lưng cũng có.

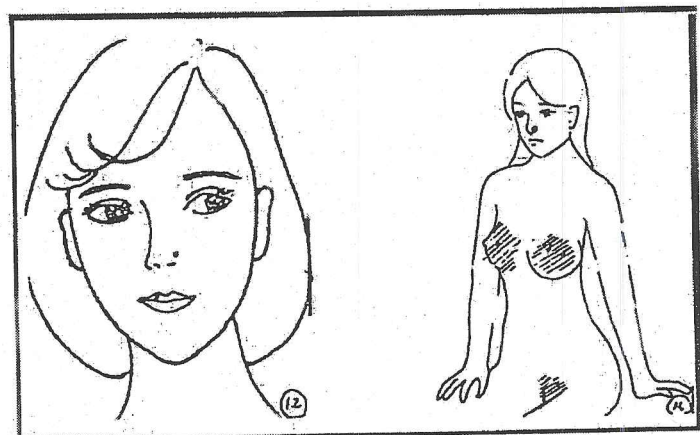
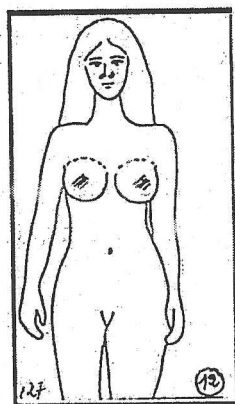
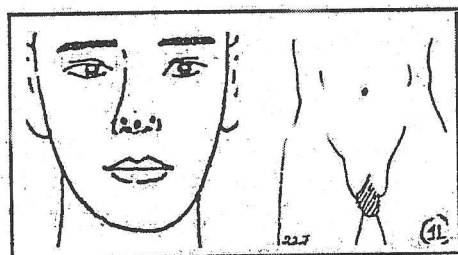
Ấn đường: Vùng giữa hai lông mày.

Tương ứng: Ấn đường - vùng lưng.

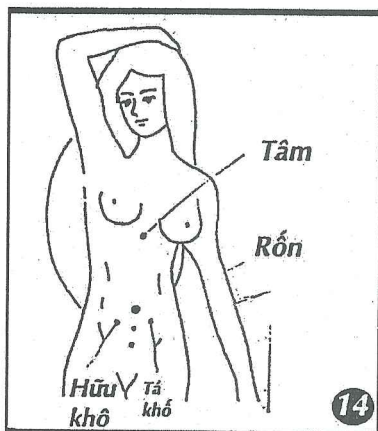
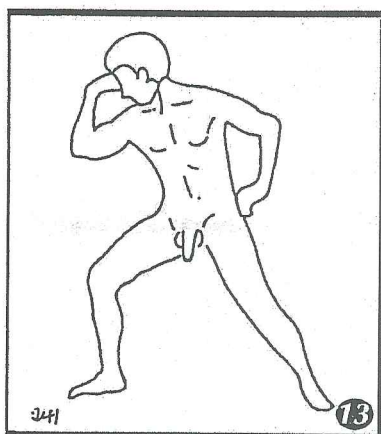
(10) - Nhân trung có nốt ruồi - rốn cũng có nốt ruồi tương ứng.

Nốt ruồi nhân trung gần mũi - nốt ruồi ở rốn mé trên.

Nốt ruồi nhân trung gần môi - nốt ruồi ở rốn



Hình 230



Hình 231

mé dưới.

Tương ứng: Nhân trung - rốn. Hình 229

(11) - Nam: Nốt ruồi ở chóp mũi, đầu dương vật cũng có.

Tương ứng: Mũi - dương vật

Nốt ruồi ở giữa mũi (hoặc cuối mũi) ở đoạn giữa (hoặc đoạn cuối dương vật cũng có).

(12) - Nữ có ba trường hợp sau:

- Nốt ruồi ở mũi, âm hộ cũng có.

- Nốt ruồi ở cánh mũi - Nốt ruồi ở hai vú.

- Nốt ruồi ở môi - Nốt ruồi ở âm hộ.

Tương ứng: Mũi - âm hộ.

Hai cánh mũi - hai vú.

Môi - âm hộ.

(13) - Nốt ruồi ở quy đầu: Chủ quý tử, ở chính giữa chủ ưu tú.

Ở âm nang: Bên trái,

chủ sang trọng; bên phải, chủ giàu có. Ở cả hai bên, suốt đời phú quý.

(14) - Nốt ruồi ở ức gọi là "tâm oa".

Nam: nắm binh quyền.

Nữ: Cương bạo nắm quyền.

Hai nốt ruồi chính giữa ở bụng dưới chủ: Phú hào.

Nốt ruồi ở tả khố: Đại quý.

Nốt ruồi ở hữu khố: Phú hào. (Xem hình 230)

3. Phân loại nốt ruồi

(1) - Nốt ruồi khoan hồng đại lượng: Nốt ruồi ở hai bên dưới cổ. (hình 1)

Nốt ruồi dưới cổ thật khoan,

Bất luận nam nữ đều tâm trung,

Tính nết ôn hòa chí cao thượng.

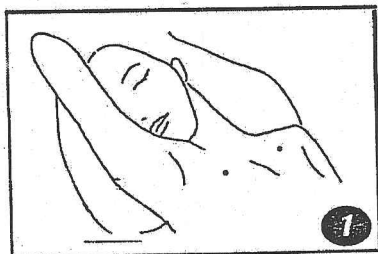
Phúc lộc dồi dào, chẳng vấn vương.

Hiền lương thanh cát, đầy nhân nghĩa,

Nhún nhặn nhịn nhường, đại lượng tâm.

Nhân tình thế thái, thông đạo lý.

Tránh được u mê, giữ vẹn tình.



Bị người chơi xỏ, không oán thán,

Giúp người thành đạt, chẳng kể công.

(2) Nốt ruồi lòng dạ lạnh
sói: Nốt ruồi lang sói, ở tâm
oa.(hình 2)

Bất luận nam nữ, đều tà
tâm.

Tính nết dữ dần, lắm
mưu mẹo

Hãm hại bạn thân, miệng
vẫn cười.

Nhìn thấy tiền tài, mắt đã
đỏ,

Lừa được nhiều lần, da
vẫn đen.

Vẫn biết làm sai, reo
mầm họa,

Song vì ích kỷ, khó đổi
thay.

Nếu không tích đức, làm việc thiện,

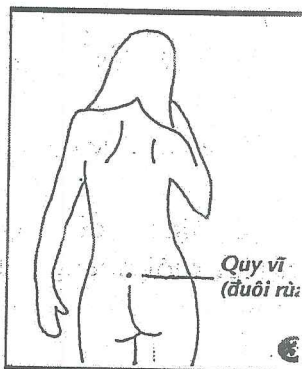
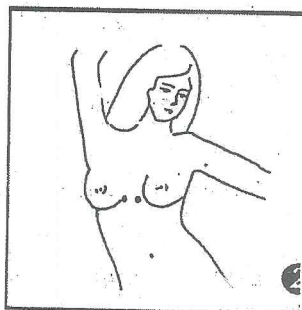
Ăn oán trên đời, sẽ báo ngay.

(3) Nốt ruồi kỳ tài kỳ thuật (Thuật: Phương pháp,
phép, cách; kỳ thuật: Phép kỳ lạ, mưu lạ. Thuật là
đỉnh cao của tư duy, biểu hiện sự kỳ diệu của trí
tuệ).(hình 3)

Nốt ruồi quy vĩ, thuật thay tài.

Bất luận gái trai, đều vui vẻ.

Thông hiểu các ngành, văn học sử



Am tường mọi việc, cố chí kim.

Giỏi văn thao vũ, chí viễn đại.

Lòng dạ sao Khuê, sáng suốt đời.

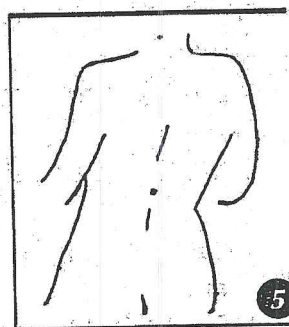
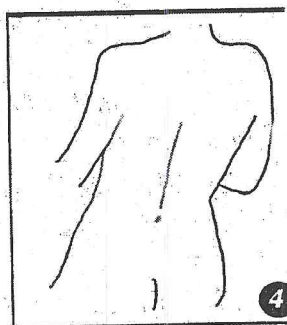
Con đường quan lộc, do khoa giáp,

Cứu khổ phò nguy, thực xứng danh.

Phú quý hiền lương, đều quý mến,

Nghèo hèn ác độc, cũng ngại ca.

(4) Nốt ruồi thọ diên cổ hy: Nốt ruồi ngang rốn, ở sau lưng



Bất luận gái trai, đều trường thọ.

Tuổi trẻ tai ương, không động chạm.

Về già bệnh tật, cũng tránh xa

Nhân gian đa tuế, đa lộc hưởng.

Bành Tổ xuống trần, vội đến thăm.

Vợ chồng cùng thọ, đều vui vẻ,

Cháu chắt đầy nhà, rạng tổ tông.

Phúc như Đông Hải, trường lưu thủy,

Thọ tử Nam Sơn, lão Thọ Tinh.

(5) Nốt ruồi phúc như Đông Hải: Nốt ruồi chính giữa, ở sau lưng

Bất luận gái trai đều đại cát.

Phúc như Đông Hải, cả đời tử,

Quý tử đầy nhà, rạng tiên gia.

Âm Đức cứu người, rồi phải báo,

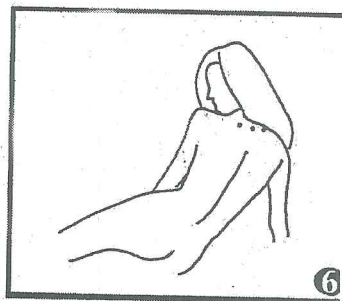
Phú quý thanh cao, đã thấy ngay.

Tổ tiên phù hộ, suốt cuộc đời.

Công danh rạng rỡ,
khắp non sông.

Phải nói nốt này, thiên
hạ hiếm.

Triệu người may có, một
đến hai.



(6) Nốt ruồi thạch
sùng cự phú: Nốt ruồi cự
phú, mọc sau lưng.

Bất luận gái trai, giàu địch quốc,

Dụng cụ gia đình, không nơi để,

Vàng bạc châu báu, nứt cả rương.

Đồn điền thẳng cánh, cò bay mỗi,

Nhà cửa khang trang, khó ai bì.

Gia trạch bình an, đa đại khánh,

Thạch sùng giàu có, thế gian vô.

Ngẫm suy thiên hạ, giàu cự phú.

Là do thời thế, tạo phú già.

(7) Nốt ruồi trí dũng song
toàn: Ba nốt ruồi xếp hàng
ngang, dọc xương sống.

Nốt ruồi xương sống, xếp hàng
ngang.

Bất luận gái trai, đều rất hiền.

Trí dũng hơn người, thiên hạ
ít.

Tài hoa nổi dậy, khắp nơi nơi.

Quang minh chính đại, tâm
trong sáng,

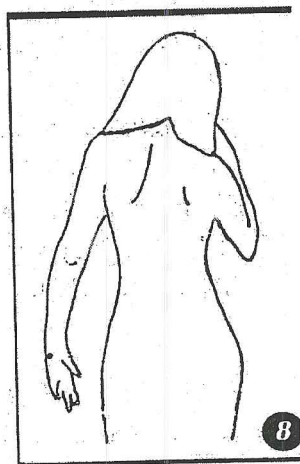
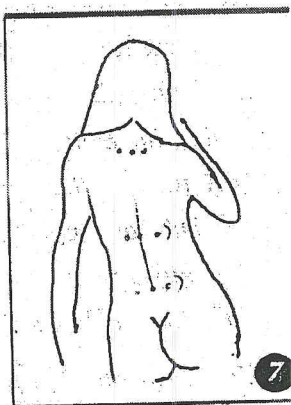
Giúp già quý trẻ, thật vô tư.

Cứu khổ phò nguy, không tính
toán.

Bất chấp nguy nan, rạng tiếng
thơm.

Phải chăng trí dũng, đều có
số,

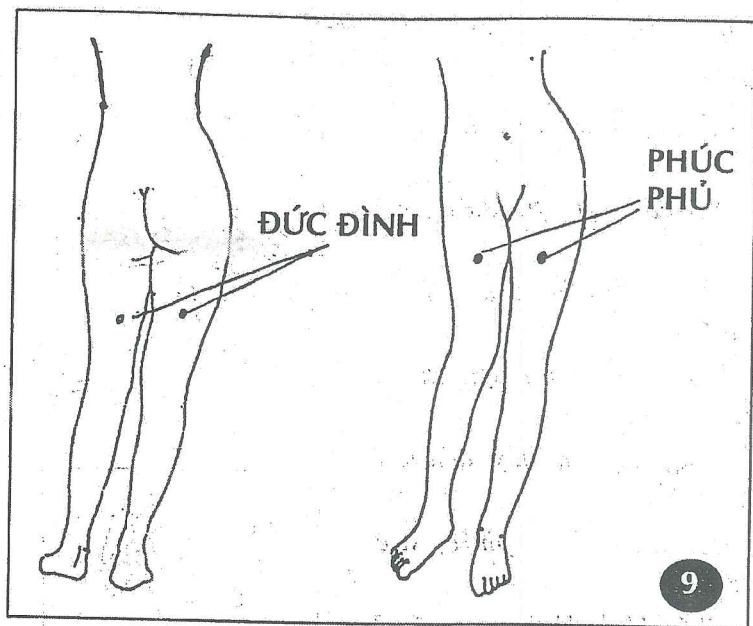
Không không có có, thật diệu
kỳ.



(8) Nốt ruồi diên trạch đa tiến: Mọc ở phía sau
của hai cổ tay chỉ nhiều đất đai, do đa nghề kỳ tài,
hàng năm tụ đất mua nhà. Xếp vào hàng đại quan
triều đình, người này tứ hải đều là bạn, đại nghiệp
thiên thu, mua danh mua lợi.

Diên trạch đa tiến ở cổ tay,

Bất luận gái trai đều có của.



Nhà cửa có được, nhờ âm phúc.

Ruộng đất về tay, bởi tổ tông.

Kỳ tài diệu thuật, luôn thi thố,

Chức trọng quyền cao, được lộc nhiều.

Suốt đời tiền của, tiêu không hết,

Mua đất làm nhà, giữ vốn riêng.

Ngẫm suy tiền của, nhiều vô kể,

Có có không không, thật diệu kỳ.

(9) Nốt ruồi phúc nhân phúc địa: Ở giữa bắp đùi phía trước gọi là "Phú phủ" phía sau gọi là "Đức đình". Bất kể nốt ruồi là đen hay đỏ đều đại cát đại lợi.

Bắp đùi phía trước, lẫn
phía sau,

Bất luận gái trai, hay đen
đỏ,

Đại cát đại lợi, không kể
xiết,

Phúc nhân phúc địa, thật
không sai.

Bắc Nam danh lợi, thêm
hung vượng,

Đông Tây phú quý, đến lâu
dài.

Gia đình hạnh phúc, sức
khỏe tốt,

Nhân khẩu bình an, vạn sự
thông.

Mới hay số mệnh, an bài
trước,

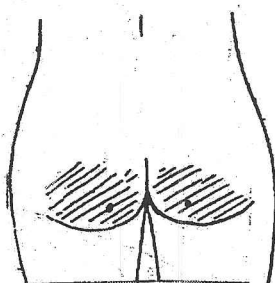
Tử tế bao dung, phúc đức
bền.

(10) Nốt ruồi quang vinh
cát khánh: Nốt ruồi ở hai
mông

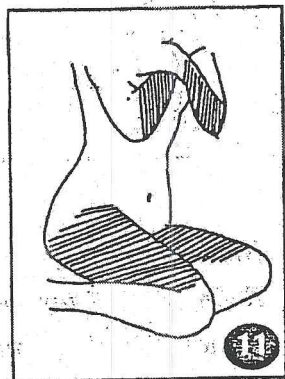
Nốt ruồi ở mông, vinh cát
khánh,

Bất kể gái trai, vẫn phúc
tinh.

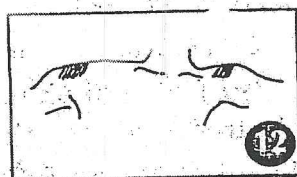
Bà con lối xóm, đều kính
trọng,



10



11



12

Họ hàng thân quyến, cũng ngợi khen.

Quảng kết nhân duyên, không thù địch,

Thà chịu thiệt riêng, chớ lừa người.

Một năm bốn mùa, gia yên ổn,

Ông trời không phụ, người hảo tâm.

Thủy hỏa đạo tặc, thường không tới,

An khang thịnh vượng, mãi lâu bền.

(11) Nốt ruồi phúc lộc thọ cao: Nằm ở cẳng tay và ở đùi.

Nốt ruồi phúc lộc, ở tay chân,

Bất luận gái trai, thật anh hào.

Nhà cửa kho tàng, đầy đủ cả,

Kim ngọc đất đai, cũng vô vắn.

Trung niên phát đạt, gia hưng vượng,

Tuổi già yên ổn, phúc trùng lại.

An khang thịnh vượng, cầu tất ứng,

Phúc lộc thọ cao, hưởng duyên trời.

Mới hay số mệnh, an bài trước,

Tử tế, bao dung, phúc đức bền.

(12) Nốt ruồi an cư lạc nghiệp: Nốt ruồi này ở vai, nữ buồn nam hay.

An cư lạc nghiệp, nốt ruồi vai,

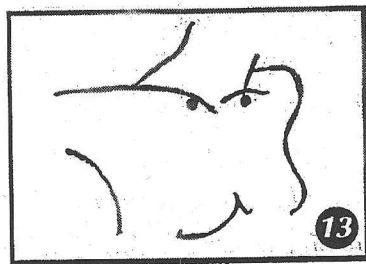
Nam nữ tự cường, quả thật hay.

Cầu danh cầu lộc, chí viễn đại,

Sáng nghiệp hưng gia, dốc sức nhiều.

Công việc kinh doanh, dần tấn tới,

Mua nhà tậu đất, muốn an cư.



Hình 236: Nốt ruồi gần xương quai xanh

Bần cư đô thị vô nhân vấn.
 Phú tại thâm sơn, vẫn khách câu.
 Ngẫm thay nhân hòa, hơn địa lợi,
 Hạnh phúc vẹn toàn, bởi thi ân.

(13) Nốt ruồi khuynh gia bại sản: Mọc ở gần xương quai xanh.

Nốt ruồi khuynh gia, ở quai xanh,
 Tài sản ra đi, thật rất nhanh.
 Nữ giới gặp hạn, còn cứu được,
 Nam nhân sa bẫy, khó kêu oan.
 Quan chức bất lợi, vong sự nghiệp,
 Người nhà lưu tán, quạnh hủi nhanh.
 Thân thích, bạn bè xa lánh hẳn,
 Dân kiện quan trên, ức hiếp mình.
 Cờ bạc chơi bời, tiền sạch hết,
 Tù tội, phá sản, bại thanh danh.

4. Các tên gọi khác của nốt ruồi trên cánh tay, chân, sườn

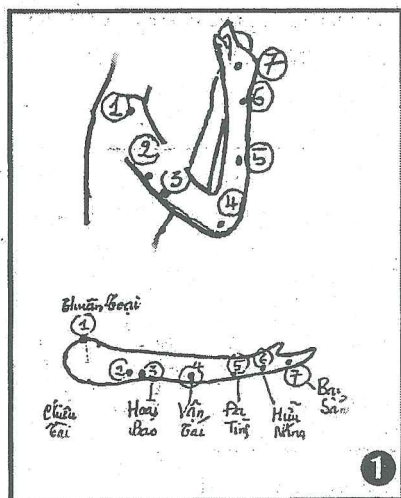
4.1 - Nốt ruồi ở cánh tay phải

(1) Thuận toại: Ở đầu bả vai tay phải, bất kể nam nữ, chủ vận sự như ý, cuộc đời ít sóng gió, bình an đại cát, nhân khẩu hưng vượng.

(2) Chiên tài: Ở mé gần giữa bắp tay phải, chủ chiêu tài (sản) tiến bảo (của quý), bất kể kinh doanh gì, cũng không thất bại, lợi tự nhiên đến.

(3) Hoài bảo: Ở mé chính giữa bắp tay phải, chủ thân mang châu ngọc, trong túi tiền nhiều, trên tay vàng lóng lánh.

(4) Vận tái: Nằm ở khuỷu tay phải, mé ngoài. Chủ không lành, việc gì cũng bại, kinh doanh thua lỗ, cầu chúc không xong, ăn mặc thiếu thốn, tiền lương không đủ, người nhà không yên, thân mang bệnh nặng, tai nạn trùng trùng.



Hình 237: Nốt ruồi ở cánh tay phải

(5) Đa tình: Nằm ở giữa cẳng tay, mé ngoài. Nữ có nốt này, chồng bất lợi, có thể mất chồng. Nam có nốt này, ăn chơi ong bướm.

(6) Hữu năng: Nằm ở cổ tay, mé ngoài, nam nữ đều đa tài đa nghệ, trí tuệ sắc sảo, tính toán chi ly, mưu hay thuật lạ, đặc biệt khéo tay.

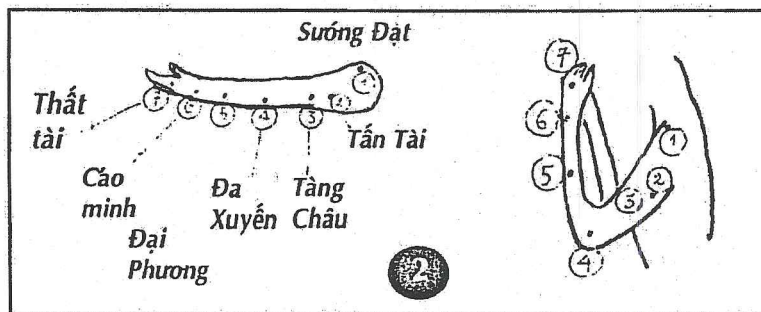
(7) Bại tài: Ở mu bàn tay, bất kể chỗ nào trên mu bàn tay, chủ không giàu được của, hao tổn linh tính, gọi là bàn tay trắng.

4.2 Nốt ruồi ở cánh tay trái

(1) Sương đật: Ở đầu bả vai tay trái, chủ làm việc thuận lợi, cầu danh ở triều, cầu lợi ở chợ đều thuận buồm xuôi gió.

(2) Tấn tài: Ở mé gần giữa bắp tay trái, chủ luôn tấn tài, ngày ngày tấn bảo, chỉ thấy kim ngân đến, không thấy tiền của đi.

(3) Tàng châu: Ở mé chính giữa bắp tay trái, tích tiền trữ của, tiền vàng đầy rương, ngọc châu cất kỹ. Đầu có ngọc, chân có vàng, phát đạt vô biên.



Hình 238: Nốt ruồi ở cánh tay trái

(4) Đa xuyên: Nằm ở mé ngoài khuỷu tay trái, chủ long đông khổ sở, việc gì cũng bại, chỉ thấy tiền đi, không thấy tiền về, cảnh đời éo le.

(5) Đại phương: Nằm ở giữa mé ngoài, cẳng tay trái, chỉ làm việc quang minh, không tư lợi, không trí trá.

(6) Cao minh: Nằm ở cổ tay trái, mé ngoài, chủ giống trống núi cao, danh cao xuất ngoại, đi khắp mọi nơi, trí tuệ vượt trội.

(7) Thất tài: Ở mu bàn tay trái, bất kể ở đâu trên mu bàn tay trái. Số không giữ được của, trở thành tay trắng.

4.3 Nốt ruồi ở chân trái

(1) An định: Đùi trái phía trên mé ngoài: Nam nữ từ ăn mặc, ở, ngủ, xuất ngoại hay ở nhà, mọi sự thuận lợi, yên ổn.

(2) Đới đao: Dưới an định 1,65 cm. Nam là kẻ lưu manh, hung ác giết người, hại mình. Nữ khá nhẹ.

(3) Thực tại: Dưới đới đao 1,65cm. Nam nữ trung thành, thực thà, không hư vinh, không lừa bịp.

(4) Diệt tai: Nằm ở mé ngoài đầu gối, phía trên, chủ cuộc đời gặp nhiều tai nạn, sức yếu, mất mớ chân chậm, không cẩn thận, đất bằng sầy chân gay hậu quả nặng nề.

(5) Nan hành: Ở mé ngoài đầu gối phía trước, nam nữ đều đau gân cốt, nằm ngòai đau nhức, đi đứng khó khăn.

(6) San túc: Dưới nan hành 1,65cm: Chủ đi khắp khênh như hai chân không đều, chân cao chân thấp.

(7) Ba triết: Dưới san túc khoảng 1,65cm, chủ luôn gặp trắc trở.

(8) Khảm khà: Ở dưới ba triết 1,65cm, chủ bất hạnh, long đong.

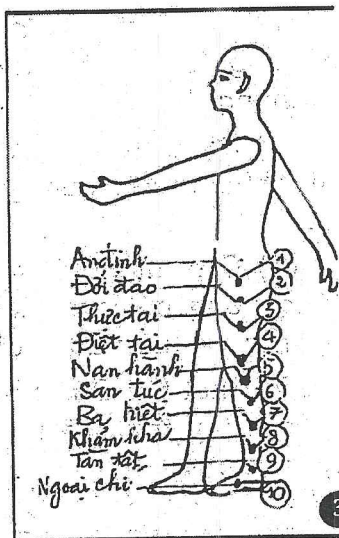
(9) Tàn tật: Ở cổ chân, mé ngoài, chủ nếu không bị ngã thành thật, mọc mụn ác, xương tủy hủy hoại dẫn đến tàn tật.

(10) Ngoại chí: Ở mu bàn chân, bất cứ vị trí nào trên mu bàn chân, chủ là khách 4 phương, chỉ ở đất khách quê người.

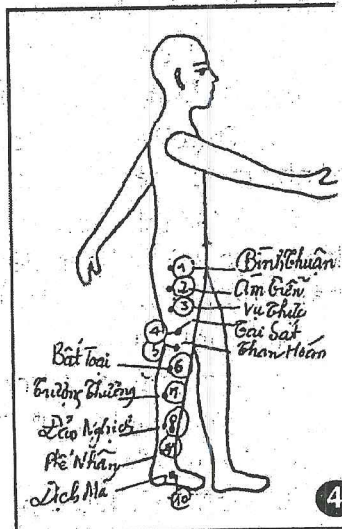
4.4 Nốt ruồi ở chân phải (hình 4)

(1) Bình thuận: Ở đùi phải, phía trên mé ngoài, chủ cuộc đời bình thường không tai họa. Cuộc đời thanh cát bình thuận.

(2) Âm tiền: Dưới bình thuận 1,65cm ở phía dưới: Chủ bị kẻ trộm đánh lên người, sau này luôn bị kẻ khác đánh lên, hại ngầm.



Hình 239: Nốt ruồi ở chân trái



Hình 240: Nốt ruồi chân phải

(3) Vụ thực: Dưới ám tiên 1,65cm. Chủ ham làm, hết sức cố gắng.

(4) Tai sát: Nằm ở mé ngoài đầu gối, phần trên. Nam nữ đều hung, thường hay gặp tai họa, nguy hiểm.

(5) Than hoán: Ở mé ngoài đầu gối, phía dưới. Chủ đau xương nhức mỏi, không đi được nhiều.

(6) Bất toại: Dưới than hoán 1,65cm, chủ có thể bán thân bất toại, như bị cảm gió, hai chân run rẩy.

(7) Trọng thương: Dưới bất toại 1,65cm, chủ bị đánh bằng gậy hoặc bị gỗ to đè.

(8) Đảo nghịch: Dưới trọng thương 1,65cm, luôn gặp trục trặc, trái ý muốn, làm ẩu, đi xa, người nhà không yên.

(9) Phế nhân: Dưới đảo nghịch 1,65cm, chủ lỗ mãng.

(10) Dịch mã: Ở mu bàn chân, chủ hay đi tứ phương.

4.5 Nốt ruồi sườn trái

(1) Hiệp châu: Ở sườn trái, gần nách. Nam nữ đều đại cát đại lợi, ngọc đeo đầy người, vàng bạc đá quý cũng không ít.

(2) Lô bảo: Dưới hiệp châu 1,65cm, chủ nên đề phòng, chớ để bọn trộm cắp nhìn thấy của quý, kéo mang họa sát thân.

(3) Triết yếu: Dưới lô bảo 1,65cm, thường cúi mình trước người khác, nam có tướng nô bộc, nữ có tướng nô tỳ. Lưng đau, sức yếu, tâm lý lo sợ, hay bị ngã, có thể dẫn đến tàn phế.

(4) Khí trường: Dưới triết yêu 1,65cm, khí trường ở bụng gây đau độn, ăn uống không tiêu.

(5) Đỗ bệnh: Dưới khí trường 1,65cm, hay bị bệnh kiết lỵ, ăn uống thất thường.

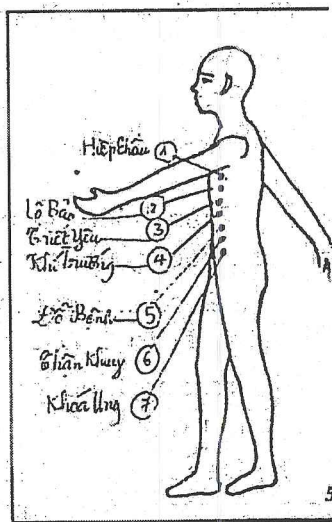
(6) Thận khuy: Dưới đỗ bệnh 1,65cm, dễ bị nhọt, có khi mưng mủ, phần lớn là mụn độc. Nữ dễ bị ung thư tử cung.

4.6 Nốt ruồi sườn phải

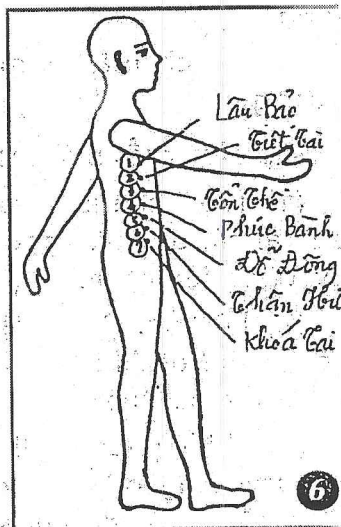
(1) Lâu bảo: Ở sườn phải, gần nách (xem hình H.6) chủ nhiều của quý, vàng ngọc đầy rương, đếm không hết của.

(2) Tiết tài: Dưới lâu bảo 1,65cm, chủ không giữ được của, uống phí công sức, rút cục hòm không rương rỗng.

(3) Tổn thế: Dưới tiết tài 1,65cm, chủ đại bất lợi, bệnh nặng không khỏi, gây gò, đi đứng



Hình 241: Nốt ruồi sườn trái



Hình 242: Nốt ruồi sườn phải

khó khăn, sức lực yếu đuối.

(4) Phúc bành: Dưới tổn thể 1,65cm, chủ bụng to như mang thai 10 tháng, ngồi nằm không yên, hoạt động khó khăn, bụng dạ óc ách.

(5) Đồ đông: Dưới phúc bành 1,65cm. Ngày nào bụng cũng đau, ăn uống không tiêu, nôn ọe suốt ngày.

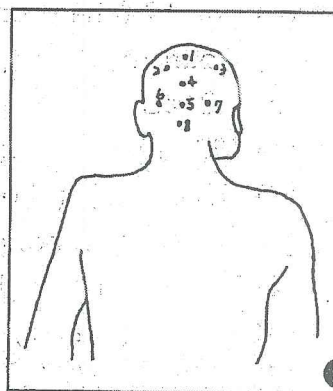
(6) Thận hư: Dưới đồ đông 1,65cm, nam dương hư, thậm chí liệt dương; nữ tử cung hư hàn, không thể thụ thai, sinh đẻ khó khăn.

(7) Khóa tai: Dưới thận hư 1,65cm chỉ sinh mụn độc, không đỏ không sưng, không tiêu, ngày đêm đau đớn.

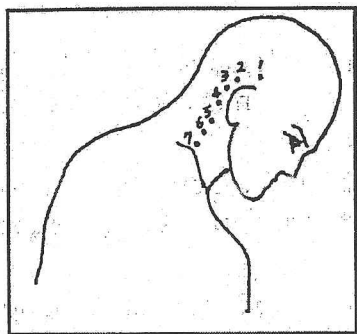
4.7 Vị trí nốt ruồi trên đầu

Hình 243

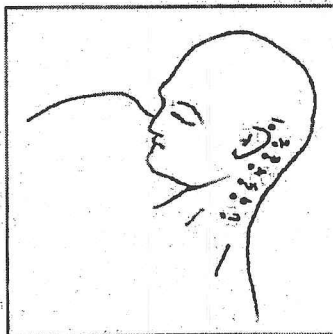
- (1) Đỉnh thiên (trời cao)
- (2) Tả thần (chức cũ)
- (3) Hữu tướng (chức cũ)
- (4) Hậu hiền (chức cũ)
- (5) Kế tinh (chức cũ)
- (6) Dưỡng tử (con nuôi)
- (7) Ký tử (con gửi)
- (8) Cô nhi (con cô)



Hình 243: Nốt ruồi trên đầu



Hình 244a



Hình 244B

Hình vẽ trang 244a

- (1) Viễn thính (nghe xa)
- (2) Thuận phong (gió thuận)
- (3) Tang giác (mất cảm giác)
- (4) Thuận nhĩ (dễ nghe)
- (5) Đại tâm (lòng lớn)
- (6) Tảo tử (chết non)
- (7) Đoản mệnh (mệnh ngắn).

Hình 244B

- (1) Chiêu phong (gọi gió)
- (2) Tung thính (nhón nghe)
- (3) Bất thính (không nghe)
- (4) Thiếu văn (ít nghe)
- (5) Thất ý (phật ý)
- (6) Ác lang (sói ác)
- (7) Diệu tử (viếng tang).



Phần III

TƯỚNG MẠO ĐƯỢC PHẢN ÁNH QUA CA DAO, TỤC NGŨ

Người xưa, khi xem tướng mạo một con người thường đưa về mấy dạng như sau:

- Tướng ngũ trường: Nghĩa là đầu, mặt, thân, tay, chân đều dài.

- Tướng ngũ đoản: Nghĩa là đầu, mặt thân, tay, chân đều ngắn.

- Tướng ngũ lộ: Nghĩa là mắt, mũi, tai, môi, cổ (hầu) đều lộ ra.

- Tướng ngũ tiểu: Nghĩa là đầu, mặt, bụng, tai, miệng đều nhỏ.

Ngoài ra còn có loại hình tướng không đủ các cách trên mà chỉ được một hoặc hai trong các cách đó như: Lé, lùn, hô, rỗ, hói, hếch... đó là những dạng người dị hình tướng, các thầy tướng xưa đều dựa vào để xét đoán. Rồi phân loại tướng người theo Ngũ hành để luận bàn phán xét. Tuy vậy dân gian lại có kiểu xem mặt gửi vàng đơn giản dễ nhớ dễ thuộc được lưu truyền đời này qua đời khác.

Trong kho tàng tục ngữ ca dao dân gian, có vô số những bài vè, câu ca dao mô tả những kinh nghiệm về nghệ thuật ứng xử con người trong đó đặc biệt là kinh nghiệm chọn người, dùng người và xét người được đúc đọng qua nhiều thế hệ. Phần này chúng ta thử chất lọc một số câu ca dao, tục ngữ tiêu biểu và khảo sát vai trò vị trí của sắc mặt, thần thái và giọng nói con người theo môn tướng mạo học.

Qua đó bạn đọc tự lựa chọn cái hay để chiêm nghiệm về nhân sinh (đối nhân xử thế), cái dở dè dặt do thiên kiến nên bài trừ và cũng là để “gạn đục khơi trong, đãi cát tìm vàng”.

I. MIỆNG, MÔI, TIẾNG CƯỜI, GIỌNG NÓI

Tục ngữ đã đúc rút kinh nghiệm về tướng mạo của con người như sau:

- *Rộng miệng cả tiếng.*
- *Đàn ông rộng miệng thì tài,*
Đàn bà rộng miệng điếc tai lảng giềng.

Hoặc:

- *Đàn ông rộng miệng thì sang,*
Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.
- *Miệng tu hú ăn lỗ rú lỗ rí.*
- *Mỏng môi hay hút, trớt môi nói thừa.*
- *Mỏng môi hay hút, dày môi hay hờn.*
- *Môi dày ăn vụng đã xong, môi mỏng hay hút,*

môi cong hay hờn.

- Trai thâm môi, gái lồi mắt.

- Cua thâm càn, nàng thâm môi.

Ở đâu, cái miệng cười bao giờ cũng gây được thiện cảm.

- Miệng cười như thể hoa ngâu,

Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.

- Chẳng tham nhà ngói rung rinh,

Tham về một nỗi em xinh miệng cười.

- Miệng cười em đáng mấy mươi,

Chân đi đáng nên, miệng cười đáng trăm.

Ngoài tiếng cười, tục ngữ có những câu đoán định tính người qua giọng nói:

- Những người lạnh lạnh tiếng đồng,

Số chẳng sát chồng thì cũng hại con.

- Đàn bà sang sảng tiếng đồng,

Chẳng vất vả về đường chồng cũng vất vả về đường con.

- Người thanh tiếng nói cũng thanh

Chuông kêu khê đánh bên thành cũng kêu.

- Những người chẹp miệng thở dài,

Chỉ là sâu khổ, bằng ai bao giờ.

- Tăm ngăm tăm ngăm dăm chết voi.

Bàn về tiếng cười, giọng nói, không thể quên hàm răng, mái tóc.

- Voi chéo ngà, đàn bà khềnh răng.
- Cái răng cái tóc một góc con người.
- Răng đen một góc, tóc tốt một phân (là người xấu mả).

II. ĐẦU TÓC, RÂU VÀ LÔNG

- Chữ tốt xem tay, người hay xem khoáy.
- Một khoáy sống lâu,
Hai khoáy lỗ đầu,
Ba khoáy chóng chết,
Bốn khoáy hết tội.
- Cá tươi thì phải xem mang,
Người khôn xem lấy đôi hàng tóc mai.
- Đàn bà tốt tóc thì sang,
Đàn ông tốt tóc thì mang nặng đầu.
- Tốt tóc nặng đầu, tốt râu nặng cằm.
- Đói rụng (bạc) râu, sầu (râu) rụng (bạc) tóc.
- Những người da trắng tóc thưa,
Đẹp thì có đẹp nhưng thua việc làm.
- Đàn ông không râu bất nghi,
- Đàn bà không vú lấy gì nuôi con.
- Nhất có râu, nhì bầu bụng.
- Trai bạc mặt, gái thâm môi.
- Chim sa cá nhảy chớ nuôi,
Những người lông bụng chớ chơi bạn cùng.

- *Quân tử lông chân, tiểu nhân lông bụng.*

III. VÓC DÁNG NGƯỜI

- *Những người béo trọc béo tròn,*

Ăn vụng như chớp, đánh con cả ngày.

- *Những người thất đáy lưng ong,*

Vừa khéo chiều chồng vừa khéo nuôi con.

Tuy thế, miệng lưỡi người đời lắt léo:

- *Cao chê ngồng, thấp chê lùn,*

Béo chê béo trọc béo tròn,

Gầy chê xương sống, xương sườn phơi ra,

Tướng vừa phải, không quá khổ là hay.

Lại có những câu:

- *Cả mô là đồ làm biếng.*

- *Bụng bí rợ, ăn như bào, làm như khỉ.*

- *Người gầy thấy cơm.*

- *Lỗi rốn tốn cơm.*

- *Lớn vú bụ con.*

- *Cả vú to hông cho không chẳng màng.*

Miệng cười cũng có mấy chục kiểu khác nhau, tùy tâm trạng cá tính mỗi người. Có rất nhiều những câu tục ngữ nói về: "Trông mặt mà bắt hình dong".

- *Nhân hiền tại mạo, trắng gạo ngon cơm.*

(Người hiền hiện ra mặt).

- *Người khôn đồn ra mặt.*

- Những người mặt nạc dóm dày,
Mo nang trôi sắp biết ngày nào khôn.
- Người nào mặt nặng như mo,
Chân đi bậm bịch thì cho chẳng màng.
- Những người phình phính mặt mo
Chân đi chữ bát dù cho chẳng màng.
- Má miếng bầu coi lâu muốn chửi,
Mặt chữ điền tiền rười muốn mua.
- Khô chân gân mặt đất tiền cũng mua.
- Gò má làm khá người ta.

Song những người đàn bà lương quyền cao lại bị chê là sát chồng, cao số.

- Trên rừng thì hổ lang
Dưới làng thì mặt rỗ.
- Mặt rỗ như tổ ong bầu,
Cái răng khấp khểnh như cầu rửa trôn.
- Xấu mặt hơn béo bụng...

IV. THÂN THÁI CON NGƯỜI

Xét đoán con người qua thân thái thoát ra từ phong cách, tư thế, cử chỉ, động tác, khí phách, giọng điệu... bộc lộ khi vui buồn, giận dữ, sợ hãi, ham muốn mà rõ nhất là ở ánh mắt (hoặc mục quang). Theo đó có các dạng:

Thần tàng (ánh sáng nhưng không rực rỡ mà phẳng phất, nhẹ nhàng, ngấm kỹ mới thấy) là đại

quý hiển.

Thần lộ (trông mắt lơ lửng, ánh mắt quá lộ liễu như cộp chằm chằm nhìn mỗi, sáng rực như tinh anh phát tiết ra ngoài) thì gian tham, yếu mệnh, có quý hiển cũng chóng tàn.

Thần tĩnh (mục quang hiền hòa) thì nhân từ, thanh nhàn.

Thần cấp (ánh mắt như hỏa Diêm Sơn, thoáng qua đã nhận ra tính nóng nảy) thì sớm đạt, mau tàn.

Thần uy (mắt lúc mở lớn, khi thu nhỏ, mục quang có uy lực tự nhiên, nhìn vào phải kiêng nể) làm nên sự nghiệp phi thường.

Thần hôn (ánh mắt mờ mịt, yếu ớt hôn ám như mắt heo) - ươn hèn.

Thần kinh (cái nhìn hốt hải, lăm lét, dù không có gì đáng sợ) - tâm hồn bất định, bất an. Yếu tướng, sự nghiệp gầy đổ, hoặc không có sự nghiệp.

Thần túy (ánh mắt hôn mê như ngái ngủ) - hồ đồ, thiếu sáng suốt, dễ bị ngộ độc, tiêu ma sự nghiệp.

Thần thoát (ánh mắt thất thần, sắc mặt thần thờ) - nếu vì hoảng sợ đột ngột thì đó là ý chí bạc nhược, yếu đuối. Nếu tự nhiên mà thế thì sắp chết.

Một khi nhân thần hội đủ bảy điều kiện dưới đây thì được coi là tối hảo:

- Tàng nhi bất hối (nghĩa là che khuất đi được nhưng không tối ám).

- An nhi bất ngu (ổn định nhưng không bất động).

- Phát nhi bất lộ (phát quang vừa phải, không quá lộ liễu).

- Thanh nhĩ bất khô (mắt trong trẻo như hồ nước mùa thu).

- Hỏa nhĩ bất nhược (êm dịu nhưng không mềm yếu).

- Nộ nhĩ bất trang (giận không lộ vẻ cạnh tranh).

- Cương nhĩ bất cô (cứng mạnh nhưng không lẻ loi, nhìn vào tướng đằng sau có sức mạnh của khối đồng người).

V. SẮC MẶT

Người có cử chỉ, sắc mặt thay đổi nhanh chóng và tìm cách giấu sự thay đổi ấy một cách tinh vi, bằng thái độ thật tự nhiên như người vô sự đồng thời có lời nói khéo, uốn miệng làm duyên, đó là người nguy hiểm, hay lừa lọc, giảo hoạt, nhiều âm mưu đen tối, ưa nịnh hót hơn là khôn ngoan và thích kiểu cách, lúc nào cũng giả nhân, giả nghĩa.

Người nói tiếng rồn rần, bèn như dao, dùng lời nói để áp đảo người khác, lúc nói đôi tròng mắt như lồi ra, mi dựng đứng lên, gân cổ căng cứng, môi dưới dài ra, đôi tay nắm lại như ăn tươi kẻ khác nhưng sẽ biến đi ngay khi có người có quyền thế hơn xuất hiện. Đó là hạng người ti tiện, nguy hiểm, một kẻ lừa đảo, xiểm nịnh, nên tránh xa.

Người có dáng đi rón rén, một bước tới hai bước lui, thốt lời nguyên rủa có vẻ nhẹ nhàng, êm ái. Nhìn ai thì kỹ càng, khi người đó không thấy nhưng đối diện lại rút rè, không dám nhìn thẳng. Đó là kẻ tiểu nhân, biến lộn, hiểm ác.

VI. GIỌNG NÓI CON NGƯỜI

Tìm hiểu con người qua giọng nói, tiếng cười cũng có thể biết được ít nhiều về con người đó. Cười ha hả lớn tiếng, thân rung động, đầu cúi xuống, ngẩng lên không ngừng, đến lúc dứt tiếng cười - chứng tỏ một nhân quan rộng rãi, không câu chấp tiểu tiết, khảng khái, tự tin cao, tinh lực và ý chí mạnh.... Cười gượng, thanh âm không tự nhiên, âm lượng không đáng kể - nhu nhược, ít ưa giao tế, sợ bị chú ý, tự ti, mặc cảm mạnh nhưng có khát vọng ngấm. Cười hì hò, cười như miễn cưỡng nhưng không nên được tính trâm mặc, dấn đo, tự kỷ ám thị không ưa công tác. Âm lượng của giọng nói càng về cuối câu càng vang rõ, hùng hồn thì chứng tỏ một sinh lực dồi dào, đức tự tin cao và ý chí mạnh.

Người khôn ngoan thường ít cười, nếu cười thì đúng chỗ và thường cười mỉm. Người dễ dãi, thiếu thận trọng thì bạ đâu cười đó (những người chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy là người vô duyên). Người khoan dung, độ lượng, có tài xã giao, lúc nào cũng có nụ cười kín đáo nhưng rất cởi mở, cặp mắt lúc nào cũng như cười. Người lỗ mãng hay cười to, cười lớn như muốn lấn át kẻ khác, ít cười và cười khúc khích là kẻ nhút nhát biến lộn. Người đã dâm cười bằng đôi mắt đa tình.

Người đi lúc nào cũng như ngả ngược về đằng sau, dáng đi gây mọi người chú ý. Mắt giương to, nhìn lên cao, chào người bằng cái nhún vai, trả lời cụt ngắn, khô khan những sắc bén. Theo sau là nụ cười lạnh nhạt, có thái độ kẻ cả. Đó là người phách lối, cứng đầu, ích kỷ, keo kiệt và thiếu nhân đạo.

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Phần I

TRÔNG MẶT MÀ BẮT HÌNH DONG

I. THUẬT NGỮ VỀ TƯỚNG MẠO 11

II. NGŨ QUAN LUẬN

1. Khuôn mặt	22
2. Các mẫu trán	25
3. Tai (tướng tai)	27
4. Lông mày	31
5. Mắt	35
6. Mũi	45
7. Miệng và môi	51

III. CÁC BỘ PHẬN BÊN TRONG

1. Xương đầu	55
2. Lưỡi	56
3. Vai	58
4. Ngực	60
5. Vú	60
6. Bụng	62
7. Lưng	63
8. Nách	64
9. Eo	65
10. Mông	66
11. Chân	69
12. Tóc, râu	77
13. Hoan cốt (xương gò má)	77
14. Nhân trung	78
15. Pháp lệnh	78

IV. NGÔN NGỮ, TƯ THẾ, CỬ CHỈ, HÀNH VI

1. Mắt	82
2. Mũi	83
3. Môi	83
4. Răng	83
5. Lông mày	83
6. Tóc	84
7. Tai	84
8. Mặt	84
9. Cổ	84
10. Trán, đầu, vai, lưng, thân, thái dương	85
11. Ấn đường	85
12. Giọng nói	85
13. Ngồi	86
14. Nằm	87
15. Đi	89
16. Dự báo trạng thái tâm lý qua một số tư thế giao tiếp thường thấy	90

V. VẾT NHĂN TRÊN MẶT

1. Ở trán	100
2. Ở ấn đường, sơn căn	100
3. Mắt	101
4. Ở lưỡng quyền	102
5. Ở mũi	102
6. Ở má	102

VI. TƯỚNG MẶT CON NGƯỜI TỐT XẤU

A. Nữ giới	104
B. Nam giới	114
C. Bạn bè	118

VII. XEM NGŨ QUAN LUẬN TÍNH CÁCH

1. Mày	132
2. Mắt	135
3. Trán	138
4. Lưỡng quyền và má	139
5. Cằm	139
6. Tóc	140
7. Râu	141
8. Nhân trung	141

9. Răng	141
VIII. ÔNG CHỦ CỦA BẠN LÀ NGƯỜI THẾ NÀO?	
1. Xem miệng ông chủ	142
2. Xem tai ông chủ	145
3. Xem lông mày ông chủ	147
4. Xem mũi ông chủ	151
5. Xem mắt ông chủ	156
IX. CHỌN BẠN TRĂM NĂM QUA TƯỚNG MẠO	
A. Chọn vợ	162
B. Chọn chồng	167

Phần II LUẬN VỀ NỐT RUỒI

I. ĐÔI ĐIỀU VỀ NỐT RUỒI

1. Ở tai	172
2. Ở lông mày	172
3. Ở mắt	172
4. Ở mũi	173
5. Ở miệng, lưỡi	174

II. NGHIÊN CỨU VÀ XEM NỐT RUỒI THEO HÌNH VẼ

Luận giải ý nghĩa nốt ruồi ở một số vị trí trên mặt	182
A. Thượng đình	184
B. Trung đình	188
C. Hạ đình	200

III. QUAN SÁT MẶT ĐOÁN LƯU NIÊN VẠN HẠN

Những câu chuyện thật về nốt ruồi, vết bớt	208
Tổng luận về nốt ruồi	210

IV. LUẬN ĐOÁN NỐT RUỒI TRÊN CƠ THỂ

1. Luận đoán	211
2. Tính tương ứng của nốt ruồi	217
3. Phân loại nốt ruồi	222
4. Các tên gọi khác của nốt ruồi trên cánh tay, chân, sườn .	

.....	231
-------	-----

Phần III

TƯỚNG MẠO QUA CA DAO, TỤC NGŨ

I. Miệng, môi, tiếng cười, giọng nói.....	241
II. Đầu tóc, râu và lông	243
III. Vóc dáng người.....	244
IV. Thần thái con người	245
V. Sắc mặt.....	247
VI. Giọng nói con người	248

Nhà xuất bản Thanh Hóa

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI CAO TIỂU

Biên tập:

Phạm Khang

Trình bày:

Cty VH Đông Sơn

Sửa in:

Hà Thu Duyên

In 1000 cuốn khổ 13x19cm tại Cty thuốc lá Thanh Hóa

Số đăng ký KHXB: 485 - 2006/CXB/07 - 41/ThaH

In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2006



join here > https://t.me/tailieu_trader

